

**HĐ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH
NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG III LÊN HẠNG
II ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN TỈNH BẮC
GIANG NĂM 2018**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 89 /CV-HĐ

Bắc Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2019

Về việc thông báo kết quả xét thăng
hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III
lên hạng II tỉnh Bắc Giang năm 2018.

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- UBND huyện, thành phố.

Ngày 07/3/2019, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên tỉnh Bắc Giang năm 2018 thông qua kết quả chấm điểm hồ sơ, kiểm tra sát hạch thăng hạng đối với giáo viên mầm non, tiểu học dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên tỉnh Bắc Giang năm 2018 (Có danh sách chi tiết kèm theo).

Hội đồng nhận trực tiếp đơn phúc khảo điểm sát hạch giáo viên mầm non, tiểu học và giải quyết các kiến nghị về kết quả xét thăng hạng giáo viên từ ngày 08/3/2019 đến hết ngày 23/3/2019 tại Sở Nội vụ (cơ quan Thường trực Hội đồng). Ngoài thời gian trên Hội đồng không xem xét giải quyết theo quy định.

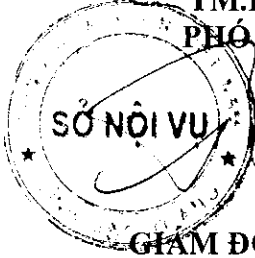
Hội đồng đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nội vụ huyện, thành phố có trách nhiệm thông báo cho giáo viên tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II năm 2018 theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Lưu VT, CCVC.

Bản điện tử:

- Thành viên Hội đồng;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Nội vụ huyện, thành phố;
- dongnq_snv; trangnm_snv.

**TM. HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH**

**GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Bùi Ngọc Sơn**

DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG GIÁO VIÊN TỈNH BẮC GIANG NĂM 2018

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng				Điểm sát hạch	Kết quả		
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)			Tổng điểm	
2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
KHỐI TIỂU HỌC (421)																
HUYỆN HIỆP HÒA (49)																
1	000191	La Thị	Hường	10/10/1972	Hiệu trưởng	TH Hoàng Văn	V.07.03.08	15/4/1993	Đại học	5	20	75	2	102	19	Đạt
2	000025	Vũ Thị Ngọc	Bích	23/20/1977	Hiệu trưởng	TH TT Thắng	V.07.03.08	4/3/1999	Đại học	5	20	75	2	102	19.5	Đạt
3	000190	Hoàng Thị	Hường	24/4/1967	Hiệu trưởng	TH Đông Lộ số 1	V.07.03.08	1/4/1988	Đại học	5	20	75	1	101	19	Đạt
4	000026	Chu Thị	Bích	1/4/1975	Hiệu trưởng	TH Lương Phong số 2	V.07.03.08	15/4/1996	Đại học	5	20	75	1	101	20	Đạt
5	000009	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/8/1972	Phó Hiệu trưởng	TH Thái Sơn	V.07.03.08	15/4/1993	Đại học	5	20	75	3	103	18	Đạt
6	000116	Trần Thị	Hiền	30/8/1968	Phó Hiệu trưởng	TH Ngọc Sơn	V.07.03.08	2/7/1988	Đại học	5	20	75	3	103	19	Đạt
7	000376	Dương Văn	Trọng	6/7/1972	Phó Hiệu trưởng	TH Hòa Sơn	V.07.03.08	15/4/1994	Đại học	5	20	75	2	102	18	Đạt
8	000129	Nguyễn Thị	Hoa	19/5/1970	Phó Hiệu trưởng	TH Hợp Thịnh số 1	V.07.03.08	15/4/1996	Đại học	5	20	75	2	102	19.5	Đạt
9	000361	Nguyễn Đăng	Thụy	9/8/1972	Phó Hiệu trưởng	TH Ngọc Sơn	V.07.03.08	10/3/1998	Đại học	5	20	75	2	102	20	Đạt
10	000108	Nguyễn Thị	Hậu	29/8/1967	Phó Hiệu trưởng	TH Danh Thắng	V.07.03.08	1/9/1991	Đại học	5	20	75	2	102	20	Đạt
11	000052	Nguyễn Thị	Dần	13/6/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Đông Lộ số 1	V.07.03.08	11/5/1998	Đại học	5	20	75	1	101	19.5	Đạt
12	000080	Cáp Thị	Hà	3/7/1973	Phó Hiệu trưởng	TH Đức Thắng số 2	V.07.03.08	15/4/1994	Đại học	5	20	75	1	101	19.5	Đạt
13	000304	Đỗ Văn	Sang	12/10/1972	Phó Hiệu trưởng	TH Đông Lộ số 2	V.07.03.08	25/3/1997	Đại học	5	20	75	1	101	19.5	Đạt
14	000390	Hoàng Thị	Tuyết	10/6/1966	Phó Hiệu trưởng	TH Đức Thắng số 2	V.07.03.08	1/1/1989	Đại học	5	20	75	1	101	19.5	Đạt
15	000024	Dương Thị	Bảy	5/12/1973	Phó Hiệu trưởng	TH Quang Minh	V.07.03.08	1/6/1995	Đại học	5	20	75	1	101	20	Đạt
16	000252	Ngô Thị Kim	Ngân	16/5/1976	Phó Hiệu trưởng	TH Hùng Sơn	V.07.03.08	15/4/1996	Đại học	5	20	75	1	101	20	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng				Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
17	000278	Hà Thị Oanh	20/9/1973	Phó Hiệu trưởng	TH Mai Đình số 1	V.07.03.08	25/5/1995	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
18	000347	Nguyễn Thị Thủy	24/7/1975	Phó Hiệu trưởng	TH Đức Thắng số 1	V.07.03.08	15/4/1996	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
19	000253	Trần Thị Kim Ngân	4/11/1988	Phó Hiệu trưởng	TH Xuân Cầm	V.07.03.08	16/8/2011	Đại học	5	20	75		100	Đạt
20	000157	Nguyễn Thị Thanh Huyền	16/11/1975	Giáo viên	TH Danh Thắng	V.07.03.08	15/4/1996	Đại học	5	20	75	3	103	Đạt
21	000151	Nguyễn Thị Minh Huệ	12/4/1972	Giáo viên	TH Đức Thắng số 2	V.07.03.08	10/3/1998	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
22	000106	Tạ Thị Hằng	4/8/1987	Giáo viên	TH Mai Trung số 2	V.07.03.08	1/10/2011	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
23	000015	Phạm Thị Anh	5/7/1979	Giáo viên	TH Thanh Vân	V.07.03.08	6/9/2008	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
24	000169	Vũ Thị Thu Huyền	4/9/1975	Giáo viên	TH Đức Thắng số 2	V.07.03.08	25/2/1997	Đại học	5	20	75		100	Đạt
25	000107	Nguyễn Thị Thu Hằng	20/10/1975	Giáo viên	TH Danh Thắng	V.07.03.08	15/4/1996	Đại học	5	20	75		100	Đạt
26	000210	Trần Thị Phương Liên	7/10/1971	Giáo viên	TH Thái Sơn	V.07.03.08	14/3/1998	Đại học	5	20	75		100	Đạt
27	000058	Trần Thúy Dung	17/7/1989	Giáo viên	TH Đoàn Bái số 2	V.07.03.08	1/9/2011	Đại học	5	20	75		100	Đạt
28	000204	Chu Thị Lan	5/11/1969	Giáo viên	TH Đức Thắng số 1	V.07.03.08	30/8/1988	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
29	000149	Nguyễn Thị Hợp	14/2/1982	Giáo viên	TH Mai Trung số 2	V.07.03.08	1/4/2004	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
30	000053	Trịnh Văn Diễm	9/8/1978	Giáo viên	TH Hòa Sơn	V.07.03.08	1/7/2002	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
31	000075	Nguyễn Văn Giang	17/12/1979	Giáo viên	TH&THCS Mai Đình	V.07.03.08	1/4/2003	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
32	000082	Ngô Thị Hà	27/7/1987	Giáo viên	TH&THCS Mai Đình	V.07.03.08	1/9/2011	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
33	000282	Nguyễn Hữu Phương	8/7/1977	Giáo viên	TH&THCS Đồng Tân	V.07.03.08	1/1/2002	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
34	000396	Nguyễn Thị Từ	4/7/1974	Giáo viên	TH Lương Phong số 2	V.07.03.08	15/6/1995	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
35	000036	Đỗ Văn Cảnh	16/3/1982	Giáo viên	TH&THCS Đại Thành	V.07.03.08	1/4/2004	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
36	000005	Nguyễn Hoàng Anh	25/9/1974	Giáo viên	TH Đức Thắng số 2	V.07.03.08	25/2/1997	Đại học	5	20	75		100	Đạt
37	000110	Ngô Thị Hiền	26/5/1975	Giáo viên	TH Thường Thắng	V.07.03.08	1/3/1997	Đại học	5	20	75		100	Đạt
38	000269	Hà Thị Hồng Nhung	10/1/1979	Giáo viên	TH&THCS Đại Thành	V.07.03.08	3/5/2001	Đại học	5	20	75		100	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
39	000086	Nguyễn Thị Thu Hà	10/10/1984	Giáo viên	TH Thường Thắng	V.07.03.08	1/9/2007	Đại học	5	20	75		100	18.5	Đạt
40	000006	Nguyễn Thị Hoàng Anh	5/10/1984	Giáo viên	TH Hòa Sơn	V.07.03.08	6/9/2008	Đại học	5	20	75		100	19.5	Đạt
41	000364	Nguyễn Thị Thư	12/10/1986	Giáo viên	TH Đông Lộ số 1	V.07.03.08	1/9/2009	Đại học	5	20	75		100	19	Đạt
42	000273	Phạm Thị Nhung	1/7/1984	Giáo viên	TH Hoàng Thanh	V.07.03.08	1/11/2010	Đại học	5	20	75		100	18.5	Đạt
43	000176	Nguyễn Thị Mỹ Hương	10/10/1983	Giáo viên	TH Xuân Cẩm	V.07.03.08	1/9/2010	Đại học	5	20	75		100	17.5	Đạt
44	000142	Nguyễn Thị Hồng	5/6/1989	Giáo viên	TH Bắc Lý số 1	V.07.03.08	1/9/2011	Đại học	5	20	75		100	19.5	Đạt
45	000367	Đàm Thị Thương	16/12/1987	Giáo viên	TH Đông Lộ số 2	V.07.03.08	1/9/2012	Đại học	5	20	75		100	17.5	Đạt
46	000356	Nguyễn Thị Thủy	20/2/1987	Giáo viên	TH Hoàng Lương	V.07.03.08	1/9/2012	Đại học	5	20	75		100	18	Đạt
47	000212	Nguyễn Thị Linh	2/1/1988	Giáo viên	TH Châu Minh	V.07.03.08	1/9/2012	Đại học	5	20	75		100	17.5	Đạt
48	000243	Đinh Thị Mơ	20/3/1989	Giáo viên	TH Hợp Thịnh số 1	V.07.03.08	1/9/2012	Đại học	5	20	75		100	16.5	Đạt
49	000353	Ông Thị Phương Thúy	17/4/1989	Giáo viên	TH Hùng Sơn	V.07.03.08	31/8/2012	Đại học	5	20	75		100	18	Đạt
HUYỆN LẠNG GIANG (46)															
1	000275	Từ Thị Tuyết Nhung	1/3/1977	Giáo viên	TH TT Vôi	V.07.03.08	1/10/2004	DHSP	5	20	75	1	101	19	Đạt
2	000161	Nguyễn Thị Huyền	25/5/1989	Giáo viên	TH TT Vôi	V.07.03.08	1/9/2011	ĐH Giáo dục tiên tiến	5	20	75	1	101	20	Đạt
3	000338	Nguyễn Thị Thu	10/6/1976	Phó Hiệu trưởng	TH Yên Mỹ	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục tiên tiến	5	20	75	1	101	20	Đạt
4	000344	Nguyễn Ngọc Thủy	3/4/1976	Giáo viên	TH Tân Hưng	V.07.03.08	1/10/2004	DHSP	5	20	75	1	101	19	Đạt
5	000268	Thân Thị Nhiên	20/9/1986	Giáo viên	TH Tân Hưng	V.07.03.08	1/9/2009	ĐH Giáo dục tiên tiến	5	20	75	0	100	19.5	Đạt
6	000143	Nguyễn Thị Hồng	6/10/1985	Giáo viên	TH Tân Hưng	V.07.03.08	1/9/2010	ĐH Giáo dục tiên tiến	5	20	75	0	100	19	Đạt
7	000118	Đỗ Thị Thu Hiền	25/12/1975	Phó Hiệu trưởng	TH Xương Lâm	V.07.03.08	1/1/2007	ĐH Giáo dục tiên tiến	5	20	75	1	101	19.5	Đạt
8	000140	Hà Hải Hoàng	23/11/1979	Giáo viên	TH Xương Lâm	V.07.03.08	1/4/2011	DHSP	5	20	75	2	102	20	Đạt
9	000420	Hoàng Thu Yến	1/3/1976	Giáo viên	TH Xương Lâm	V.07.03.08	1/7/2005	Mỹ thuật ĐH Giáo dục tiên tiến	5	20	75	1	101	19	Đạt
10	000302	Hà Thanh Quyết	24/3/1973	Phó Hiệu trưởng	TH Hương Lạc	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục tiên tiến	5	20	75	1	101	16	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
11	000421	Nguyễn Thị Hải Yến	17/6/1981	Giáo viên	TH Hương Lạc	V.07.03.08	1/10/2004	ĐHSP Mỹ thuật	5	20	75	2	102	18.5	Đạt
12	000079	Vũ Thị Thanh Hà	10/7/1976	Giáo viên	TH Hương Lạc	V.07.03.08	1/10/2004	ĐHSP Mỹ thuật	5	20	75	1	101	18	Đạt
13	000337	Ngô Thị Hồng Thu	12/6/1976	Giáo viên	TH Tân Định	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	0	100	20	Đạt
14	000209	Lê Thị Kim Liên	22/3/1988	Giáo viên	TH Thái Đào	V.07.03.08	1/9/2010	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	0	100	18.5	Đạt
15	000279	Tạ Thị Oanh	24/2/1984	Giáo viên	TH Đại Lâm	V.07.03.08	1/9/2007	ĐHSP Âm nhạc	5	20	75	0	100	18.5	Đạt
16	000136	Nguyễn Thị Hoan	16/1/1983	Giáo viên	TH Đại Lâm	V.07.03.08	1/9/2007	ĐH Anh	5	20	75	1	101	16.5	Đạt
17	000239	Nguyễn Thị Máy	16/1/1974	Giáo viên	TH Đại Lâm	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	1	101	17.5	Đạt
18	000056	Giáp Thị Dung	21/12/1989	Giáo viên	TH Đại Lâm	V.07.03.08	1/9/2010	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	0	100	19	Đạt
19	000144	Nguyễn Thị Hồng	10/7/1987	Giáo viên	TH Đại Lâm	V.07.03.08	1/9/2011	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	0	100	19.5	Đạt
20	000114	Đỗ Thị Hiền	5/2/1989	Giáo viên	TH Đại Lâm	V.07.03.08	1/9/2011	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	0	100	19.5	Đạt
21	000032	Lương Xuân Bình	19/7/1977	Giáo viên	TH Xuân Hương	V.07.03.08	1/4/2011	ĐHSP Mỹ thuật	5	20	75	1	101	18	Đạt
22	000030	Hà Thị Bình	8/7/1976	Phó Hiệu trưởng	TH Xuân Hương	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	1	101	20	Đạt
23	000399	Nguyễn Thị Hồng Vân	27/4/1989	Giáo viên	TH Xuân Hương	V.07.03.08	1/9/2010	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	0	100	19.5	Đạt
24	000162	Nguyễn Thị Huyền	20/6/1979	Giáo viên	TH Xuân Hương	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	1	101	20	Đạt
25	000122	Hồ Minh Hiếu	26/12/1989	Giáo viên	TH Xuân Hương	V.07.03.08	1/9/2011	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	0	100	19.5	Đạt
26	000019	Ngô Thị Vân Anh	16/4/1987	Giáo viên	TH Xuân Hương	V.07.03.08	1/9/2010	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	0	100	19.5	Đạt
27	000311	Ngô Hoài Thanh	8/7/1974	Giáo viên	TH Mỹ Thái	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	2	102	18	Đạt
28	000235	Ngô Thị Mai	2/12/1988	Giáo viên	TH Mỹ Thái	V.07.03.08	1/9/2011	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	0	100	14.5	Đạt
29	000072	Trần Thị Giang	1/1/1990	Giáo viên	TH Dương Đức	V.07.03.08	1/9/2011	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	0	100	19.5	Đạt
30	000332	Bùi Thị Kim Thoa	20/4/1976	Giáo viên	TH Mỹ Hà	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	1	101	20	Đạt
31	000345	Nguyễn Thị Thanh Thùy	1/10/1970	Phó Hiệu trưởng	TH Mỹ Hà	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	1	101	20	Đạt
32	000389	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	5/6/1975	Giáo viên	TH Tiên Lục	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục tiểu học	5	20	75	2	102	19.5	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
33	000386	Lê Thị Tuyến	16/2/1988	Giáo viên	TH Đào Mỹ	V.07.03.08	1/9/2010	ĐH Giáo dục	5	20	75	0	100	19	Đạt
34	000001	Ninh Thị An	10/6/1989	Giáo viên	TH Đào Mỹ	V.07.03.08	1/9/2011	ĐH Giáo dục	5	20	75	1	101	20	Đạt
35	000179	Nguyễn Thị Hương	25/8/1975	Giáo viên	TH Đào Mỹ	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục	5	20	75	1	101	19	Đạt
36	000211	Lê Thị Liên	17/4/1976	Giáo viên	TH Nghĩa Hưng	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục	5	20	75	0	100	17.5	Đạt
37	000148	Nguyễn Thị Bích Hợp	30/7/1989	Giáo viên	TH Nghĩa Hòa	V.07.03.08	1/9/2011	ĐH Giáo dục	5	20	75	0	100	19	Đạt
38	000219	Thân Thị Lụa	10/9/1988	Giáo viên	TH Nghĩa Hòa	V.07.03.08	1/9/2011	ĐH Giáo dục	5	20	75	0	100	16.5	Đạt
39	000135	Nguyễn Văn Hòa	4/10/1973	Phó Hiệu trưởng	TH An Hà	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục	5	20	75	1	101	17	Đạt
40	000285	Nguyễn Thị Phương	19/12/1972	Giáo viên	TH An Hà	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục	5	20	75	1	101	17.5	Đạt
41	000081	Đặng Thị Hà	1/7/1977	Giáo viên	TH An Hà	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục	5	20	75	1	101	18	Đạt
42	000138	Đỗ Thị Hoàn	28/7/1975	Giáo viên	TH Quang Thịnh	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục	5	20	75	1	101	19	Đạt
43	000368	Hoàng Thị Thường	10/2/1987	Giáo viên	TH Quang Thịnh	V.07.03.08	1/9/2009	ĐH Giáo dục	5	20	75	0	100	20	Đạt
44	000141	Đỗ Thị Hồng	7/7/1976	Giáo viên	TH Tân Thịnh	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục	5	20	75	1	101	20	Đạt
45	000271	Nguyễn Thị Nhung	14/10/1980	Giáo viên	TH Tân Thịnh	V.07.03.08	1/10/2004	ĐH Giáo dục	5	20	75	2	102	15	Đạt
46	000152	Áu Thị Huệ	4/8/1980	Giáo viên	PTCS TT Kép	V.07.03.08	1/9/2007	ĐH Giáo dục	5	20	75	1	101	18.5	Đạt
HUYỆN TÂN YÊN (38)															
1	000262	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	04.11.1974	Giáo viên	TH Cao Thượng	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75		100	17.5	Đạt
2	000119	Nguyễn Thị Thu Hiền	09.10.1976	Giáo viên	TH Cao Thượng	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75		100	15.5	Đạt
3	000150	Nguyễn Thị Thanh Huệ	29.07.1970	Giáo viên	TH Cao Thượng	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75		100	15.5	Đạt
4	000023	Đặng Đức Bắc	28.02.1977	Giáo viên	TH Cao Thượng	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75		100	18.5	Đạt
5	000194	Nguyễn Thị Hương	18.05.1989	Giáo viên	TH Cao Xá	V.07.03.08	01/9/2010	Đại học	5	20	75		100	18	Đạt
6	000097	Nguyễn Thị Hạnh	05.9.1981	Giáo viên	TH Hợp Đức	V.07.03.08	01/9/2005	Đại học	5	20	75		100	18.5	Đạt
7	000371	Phạm Thủy Tinh	04.7.1981	Giáo viên	TH Lam Cốt	V.07.03.08	01/5/2009	Đại học	5	20	75		100	19.5	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
8	000197	Phạm Thị Thu Khanh	09.05.1975	Giáo viên	TH Lam Cốt	V.07.03.08	01/07/2005	Đại học	5	20	75		100	18	Đạt
9	000294	Vũ Thị Hà Quế	08.03.1969	Hiệu trưởng	TH Lan Giới	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75		100	19	Đạt
10	000188	Đoàn Thị Hương	15.09.1990	Giáo viên	TH Lan Giới	V.07.03.08	01/9/2012	Đại học	5	20	75		100	18.5	Đạt
11	000160	Giáp Thị Huyền	27.11.1976	Giáo viên	TH Liên Chung	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75		100	19.5	Đạt
12	000050	Phạm Minh Cường	15.01.1977	Phó Hiệu trưởng	TH Liên Chung	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75		100	18	Đạt
13	000305	Giáp Thị Sáu	12.06.1975	Giáo viên	TH Liên Chung	V.07.03.08	01/8/2005	Đại học	5	20	75		100	18.5	Đạt
14	000323	Nghiêm Thị Thắm	09.11.1984	Giáo viên	TH Liên Sơn	V.07.03.08	01/9/2007	Đại học	5	20	75		100	20	Đạt
15	000291	Thân Thị Phượng	12.05.1990	Giáo viên	TH Ngọc Châu	V.07.03.08	01/9/2012	Đại học	5	20	75		100	19	Đạt
16	000065	Nguyễn Thị Dương	19.10.1988	Giáo viên	TH Ngọc Lý	V.07.03.08	01/9/2010	Đại học	5	20	75		100	18.5	Đạt
17	000180	Nguyễn Thị Hương	03.8.1989	Giáo viên	TH Ngọc Thiện 1	V.07.03.08	01/9/2011	Đại học	5	20	75		100	18	Đạt
18	000385	Nguyễn Thị Kim Tuyến	09.3.1978	Giáo viên	TH Ngọc Thiện 1	V.07.03.08	30/5/2012	Đại học	5	20	75		100	17.5	Đạt
19	000348	Nguyễn Thị Thủy	19.8.1981	Giáo viên	TH Ngọc Thiện 1	V.07.03.08	01/9/2008	Đại học	5	20	75		100	19	Đạt
20	000330	Bùi Lương Thiện	29.9.1975	Hiệu trưởng	TH Ngọc Thiện 2	V.07.03.08	01/11/2009	Đại học	5	20	75		100	17	Đạt
21	000263	Đỗ Thị Nguyệt	09.11.1989	Giáo viên	TH Ngọc Vân	V.07.03.08	01/9/2012	Đại học	5	20	75		100	18.5	Đạt
22	000230	Dương Thị Lý	14.11.1974	Giáo viên	TH Ngọc Vân	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75		100	17.5	Đạt
23	000054	Giáp Văn Diễn	19.6.1974	Phó Hiệu trưởng	TH Nguyễn Hồng	V.07.03.08	01/8/2005	Đại học	5	20	75		100	19.5	Đạt
24	000070	Đào Anh Đức	15.08.1977	Giáo viên	TH Nguyễn Hồng	V.07.03.08	01/4/2000	Đại học	5	20	75		100	17.5	Đạt
25	000257	Nguyễn Bích Ngọc	03.9.1982	Giáo viên	TH Nhã Nam	V.07.03.08	01/12/2011	Đại học	5	20	75		100	18.5	Đạt
26	000085	Điêm Thị Thu Hà	01.02.1990	Giáo viên	TH Nhã Nam	V.07.03.08	01/9/2012	Đại học	5	20	75		100	19.5	Đạt
27	000380	Phạm Trung Tùng	04.08.1985	Giáo viên	TH Nhã Nam	V.07.03.08	01/10/2008	Đại học	5	20	75		100	19	Đạt
28	000038	Nguyễn Thị Chín	01.10.1975	Giáo viên	TH Nhã Nam	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75		100	19.5	Đạt
29	000067	Nguyễn Thị Đan	18.8.1988	Giáo viên	TH Nhã Nam	V.07.03.08	01/01/2012	Đại học	5	20	75		100	18.5	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
30	000321	Lê Thị Hồng	05.06.1985	Giáo viên	TH Nhã Nam	V.07.03.08	01/9/2007	Đại học	5	20	75		100	20	Đạt
31	000109	Nông Thị	06.10.1989	Giáo viên	TH Phúc Hòa	V.07.03.08	01/9/2012	Đại học	5	20	75		100	19	Đạt
32	000288	Nguyễn Bích Phượng	07.8.1989	Giáo viên	TH Quế Nham	V.07.03.08	01/9/2012	Đại học	5	20	75		100	17	Đạt
33	000047	Bùi Thị Kim Cúc	15.07.1975	Giáo viên	TH Quế Nham	V.07.03.08	01/11/2010	Đại học	5	20	75		100	19	Đạt
34	000357	Nguyễn Thị Thúy	11.11.1979	Giáo viên	TH Quế Nham	V.07.03.08	01/11/2009	Đại học	5	20	75		100	18.5	Đạt
35	000400	Nguyễn Khánh Vân	02.09.1972	Phó Hiệu trưởng	TH Song Vân	V.07.03.08	20/7/2005	Đại học	5	20	75		100	19	Đạt
36	000189	Hà Thị Hương	30.01.1985	Giáo viên	TH Song Vân	V.07.03.08	1/9/2010	Đại học	5	20	75		100	18.5	Đạt
37	000171	Hoàng Thế Hưng	09.11.1975	Phó Hiệu trưởng	TH Việt Ngọc	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75		100	18	Đạt
38	000313	Nguyễn Thị Thanh	14.11.1987	Giáo viên	TH Việt Ngọc	V.07.03.08	01/9/2012	Đại học	5	20	75		100	19.5	Đạt
HUYỆN VIỆT YÊN (29)															
1	000208	Thân Thị Lâm	20/03/1981	Giáo viên, Tổng phụ trách đội	TH Tăng Tiến	V.07.03.08	15 năm 8 tháng	Đại học	5	20	75	4	104	17	Đạt
2	000120	Nguyễn Thị Hiệp	20/04/1972	Hiệu trưởng	TH Quảng Minh	V.07.03.08	26 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	4	104	20	Đạt
3	000181	Trần Thị Hương	31/08/1878	Giáo viên	TH Tăng Tiến	V.07.03.08	19 năm 9 tháng	Đại học	5	20	75	3	103	18.5	Đạt
4	000236	Nguyễn Thị Mai	16/07/1986	Giáo viên	TH Bích Sơn	V.07.03.08	9 năm	Đại học	5	20	75	2	100	17	Đạt
5	000178	Đỗ Thị Hương	16/08/1988	Giáo viên	TH Quảng Minh	V.07.03.08	7 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	2	102	19	Đạt
6	000354	Trần Phương Thủy	02/10/1984	Giáo viên	TH TT Bích Đông	V.07.03.08	9 năm 2 tháng	Đại học	5	20	75	2	102	18.5	Đạt
7	000418	Nguyễn Thị Hải Yến	12/01/1976	Giáo viên, Tổ phó CM	TH Thượng Lan	V.07.03.08	20 năm	Đại học	5	20	75	5	105	19	Đạt
8	000242	Dương Trọng Minh	03/05/1981	Giáo viên, Tổ phó CM	TH Tiên Sơn	V.07.03.08	11 năm	Đại học	5	20	75	0	100	0	Không đạt
9	000017	Nguyễn Tuấn Anh	18/07/1975	Phó Hiệu trưởng	TH Việt Tiến	V.07.03.08	11 năm 08 tháng	Đại học	5	20	75	2	102	19	Đạt
10	000290	Lương Thị Phượng	28/02/1976	Giáo viên, Tổ phó CM	TH Trung Sơn	V.07.03.08	19 năm 04 tháng	Đại học	5	20	75	2	102	19	Đạt
11	000241	Phạm Thị Ngọc Minh	14/01/1990	Giáo viên	TH Hồng Thái	V.07.03.08	6 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75		100	18.5	Đạt
12	000048	Nguyễn Thị Cúc	17/10/1986	Giáo viên	TH Minh Đức	V.07.03.08	08 năm	Đại học	5	20	75		100	19.5	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng				Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
13	000341	Nguyễn Thị Thuận	01/06/1988	Giáo viên	TH Nghĩa Trung	V.07.03.08	07 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75		100	Đạt
14	000132	Nguyễn Thị Hòa	12/02/1986	Giáo viên	TH Quang Châu	V.07.03.08	08 năm	Đại học	5	20	75		100	Đạt
15	000163	Nguyễn Thị Huyền	28/09/1989	Giáo viên	TH Quảng Minh	V.07.03.08	6 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
16	000374	Bùi Thị Huyền	06/10/1988	Giáo viên	TH Quảng Minh	V.07.03.08	7 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
17	000195	Nguyễn Thị Hương	03/07/1990	Giáo viên	TH Tăng Tiến	V.07.03.08	6 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	4	104	Đạt
18	000351	Trương Thị Diệu Thúy	22/09/1989	Giáo viên	TH TT Bích Động	V.07.03.08	6 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
19	000391	Nguyễn Thị Tuyết	10/08/1988	Giáo viên	TH TT Nính	V.07.03.08	6 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
20	000177	Nguyễn Thị Thảo Hương	25/04/1989	Giáo viên	TH TT Nính	V.07.03.08	6 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
21	000395	Thân Thị Tuyết	01/11/1990	Giáo viên	TH Tiên Sơn	V.07.03.08	07 năm	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
22	000315	Nguyễn Thị Thanh Thảo	26/09/1990	Giáo viên	TH Tiên Sơn	V.07.03.08	6 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
23	000256	Bùi Thị Ngoan	03/09/1985	Giáo viên	TH Tiên Sơn	V.07.03.08	8 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
24	000259	Nguyễn Thị Ngọc	21/07/1973	Giáo viên, Trưởng ban T.T.RND	TH Trung Sơn	V.07.03.08	08 năm 01 tháng	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
25	000128	Đặng Thị Hoa	10/11/1989	Giáo viên	TH Việt Tiến	V.07.03.08	05 tháng	Đại học	5	20	75		100	Đạt
26	000307	Nguyễn Thị Thanh Tâm	25/02/1989	Giáo viên	TH Văn Hà	V.07.03.08	6 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75		100	Đạt
27	000248	Phạm Thị Nga	10.4.1988	Giáo viên	TH Thương Lan	V.07.03.08	6 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75		100	Đạt
28	000016	Nguyễn Thị Tú Anh	06/09/1979	Giáo viên	TH Hồng Thái	V.07.03.08	16 năm 7 tháng	Đại học	5	20	75		100	Đạt
29	000145	Nguyễn Thị Hồng	03/09/1987	Giáo viên, TTCM	TH Hoàng Ninh	V.07.03.08	06 năm 04 tháng	Đại học	5	20	75		100	Đạt
HUYỆN SƠN ĐỘNG (33)														
1	000027	La Thị Bích	25/07/1980	Giáo viên	TH An Bá	V.07.03.08	01/10/2002	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
2	000318	Vì Thị Thảo	3/2/1988	Giáo viên	TH An Bá	V.07.03.08	16/08/2010	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
3	000372	Lương Thị Toan	8/1/1985	Giáo viên	TH An Bá	V.07.03.08	01/09/2010	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
4	000373	Lương Thị Tới	21/12/1981	Giáo viên	TH An Bá	V.07.03.08	01/10/2003	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng				Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)		
5	000419	Lã Thị Yến	25/06/1990	Giáo viên	TH An Bá	V.07.03.08	1/9/2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
6	000117	Trần Thị Hiền	6/1/1973	Phó Hiệu trưởng	TH An Châu	V.07.03.08	8N1T	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
7	000378	Hoàng Thị Trường	28/10/1978	Giáo viên	TH An Châu	V.07.03.08	13N5T	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
8	000240	Lê Thị Miên	21/9/1980	Giáo viên	TH An Châu	V.07.03.08	13N5T	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
9	000124	Vũ Trọng Hiếu	8/2/1982	Giáo viên	TH An Châu	V.07.03.08	8N3T	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
10	000388	Vũ Thị Tuyền	30/1/1980	Giáo viên	TH An Châu	V.07.03.08	13N5T	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
11	000002	Trần Thị An	19/12/1975	Phó Hiệu trưởng	TH An Lập	V.07.03.08	7 năm	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
12	000350	Vì Thị Thùy	11/11/1978	Phó Hiệu trưởng	TH An Lập	V.07.03.08	14 năm	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
13	000201	Nông Thị Lam	28/1/1982	Giáo viên	TH An Lập	V.07.03.08	13 năm	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
14	000303	Đỗ Thị Riêng	25/5/1982	Giáo viên	TH An Lập	V.07.03.08	13 năm	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
15	000287	Nguyễn Thị Thu Phương	26/2/1988	Giáo viên	TH An Lập	V.07.03.08	7 năm	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
16	000216	Trần Thị Loan	10/10/1989	Giáo viên	TH An Lập	V.07.03.08	7 năm	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
17	000173	Nguyễn Văn Hưng	26/8/1988	Giáo viên	TH Dương Hữu	V.07.03.08	1/9/2012	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
18	000154	Phạm Thị Hùy	23/9/1972	Giáo viên	TH Giáo Liêm	V.07.03.08	26/4/2006	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
19	000293	Phạm Thị Quê	22/2/1981	Giáo viên	TH Giáo Liêm	V.07.03.08	1/10/2002	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
20	000366	Vì Thị Thura	18/6/1978	Phó Hiệu trưởng	TH Lê Viễn	V.07.03.08	1/10/2002	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
21	000298	Lương Thị Quyên	23/2/1978	Giáo viên	TH Lê Viễn	V.07.03.08	28/10/2009	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
22	000355	Ngọc Thị Thúy	24/9/1987	Giáo viên	TH Long Sơn	V.07.03.08	8N3T	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
23	000186	Trịnh Thúy Hương	28/2/1974	Phó Hiệu trưởng	TH TT An Châu	V.07.03.08	1/4/2017	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
24	000413	Lào Thị Xiêm	17/7/1975	Hiệu trưởng	TH TT Thanh Sơn	V.07.03.08	1/7/2004	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
25	000383	Lương Văn Tuyền	17/1/1981	Giáo viên	TH TT Thanh Sơn	V.07.03.08	1/4/2005	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
26	000034	Bùi Thị Ca	12/11/1989	Giáo viên	TH TT Thanh Sơn	V.07.03.08	1/9/2011	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
27	000226	Nguyễn Thị Luyện	26/11/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Yên Định	V.07.03.08	13N5T	Đại học	5	20	75	2	102	19,5	Đạt
28	000234	Nguyễn Ngọc Mai	26/6/1988	Giáo viên	TH và THCS Bồng Am	V.07.03.08	7N1T	Đại học	5	20	75	0	100	15,5	Đạt
29	000035	Triệu Hữu Cam	13/2/1978	Giáo viên	TH và THCS Tuấn Mậu	V.07.03.08	12N	Đại học	5	20	75	1	101	18,5	Đạt
30	000296	Nguyễn Đức Quý	22/12/1970	Phó Hiệu trưởng	TH và THCS Thạch Sơn	V.07.03.08	1/7/2005	Đại học	5	20	75	1	101	19	Đạt
31	000046	Lê Văn Côn	14/1/1986	Giáo viên	TH và THCS Thạch Sơn	V.07.03.08	1/9/2012	Đại học	5	20	75	1	101	19	Đạt
32	000041	Ngô Văn Chính	18/11/1989	Giáo viên	TH và THCS Thanh Luận	V.07.03.08	1/9/2010	Đại học	5	20	75	1	101	19,5	Đạt
33	000010	Nguyễn Thị Lan Anh	10/12/1990	Giáo viên	TH và THCS Thanh Luận	V.07.03.08	1/9/2011	Đại học	5	20	75	0	100	18	Đạt
HUYỆN LỤC NGẠN (48)															
1	000077	Trần Quang Giáp	20/10/1983	Giáo viên	TH Biên Động	V.07.03.08	2011	Đại học	5	20	75	0	100	19,5	Đạt
2	000300	Nguyễn Thị Tố Quyên	14/3/1978	Giáo viên	TH Biên Sơn	V.07.03.08	1999	Đại học	5	20	75	0	100	19	Đạt
3	000329	Nông Văn Thiêm	4/4/1979	Phó Hiệu trưởng	TH Cẩm Sơn	V.07.03.08	2003	Đại học	5	20	75	0	100	17,5	Đạt
4	000073	Hoàng Trọng Giang	26/5/1981	Phó Hiệu trưởng	TH Chũ	V.07.03.08	2004	Đại học	5	20	75	1	101	19	Đạt
5	000037	Trần Linh Chi	19/5/1989	Giáo viên	TH Chũ	V.07.03.08	2011	Đại học	5	20	75	2	102	19,5	Đạt
6	000312	Vì Thị Mai Thanh	6/8/1984	Giáo viên	TH Chũ	V.07.03.08	2007	Đại học	5	20	75	0	100	18	Đạt
7	000043	Lê Thành Chung	18/9/1979	Phó Hiệu trưởng	TH Đồng Cốc	V.07.03.08	2003	Đại học	5	20	75	0	100	19	Đạt
8	000410	Hà Văn Vũ	3/7/1981	Phó Hiệu trưởng	TH Đồng Cốc	V.07.03.08	2003	Đại học	5	20	75	2	102	17	Đạt
9	000381	Lê Thị Tuy	13/7/1988	Giáo viên	TH Đồng Cốc	V.07.03.08	2012	Đại học	5	20	75	0	100	19	Đạt
10	000199	Đào Văn Khoa	10/9/1980	Phó Hiệu trưởng	TH Giáp Sơn	V.07.03.08	2006	Đại học	5	20	75		100	19	Đạt
11	000174	Giáp Thị Lan Hương	30/12/1968	Phó Hiệu trưởng	TH Giáp Sơn	V.07.03.08	2006	Đại học	5	20	75	2	102	16,5	Đạt
12	000250	Giáp Thị Ngát	25/2/1978	Giáo viên	TH Hồng Giang	V.07.03.08	2008	Đại học	5	20	75	0	100	18	Đạt
13	000377	Vì Văn Trọng	15/9/1976	Giáo viên	TH Hồng Giang	V.07.03.08	2006	Đại học	5	20	75	1	101	19	Đạt
14	000362	Lê Quang Thuyên	15/9/1972	Hiệu trưởng	TH Kiên Lao	V.07.03.08	1997	Đại học	5	20	75	0	100	19	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
15	000320	Trần Văn Thảo	3/4/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Kiên Lao	V.07.03.08	2006	Đại học	5	20	75	0	100	18	Đạt
16	000258	Bùi Thị Ngọc	13/8/1977	Phó Hiệu trưởng	TH Kiên Lao	V.07.03.08	2006	Đại học	5	20	75	1	101	19	Đạt
17	000306	Đổng Thị Minh	10/2/1975	Phó Hiệu trưởng	TH Kiên Thành	V.07.03.08	1998	Đại học	5	20	75	1	101	17,5	Đạt
18	000049	Nguyễn Hữu Cường	7/9/1980	Phó Hiệu trưởng	TH và THCS Kim Sơn	V.07.03.08	2002	Đại học	5	20	75	1	101	20	Đạt
19	000066	Đào Hữu Đại	28/6/1977	Giáo viên	TH Mỹ An	V.07.03.08	2006	Đại học	5	20	75	2	102	17,5	Đạt
20	000156	Hoàng Thị Thanh Huyền	18/11/1979	Giáo viên	TH Nam Dương	V.07.03.08	2001	Đại học	5	20	75	0	100	18	Đạt
21	000404	Trần Thị Vân	16/9/1973	Phó Hiệu trưởng	TH Nghĩa Hồ	V.07.03.08	2006	Đại học	5	20	75	1	101	18,5	Đạt
22	000004	Lý Văn An	3/7/1979	Giáo viên	TH Phi Điền	V.07.03.08	2002	Đại học	5	20	75	0	100	19,5	Đạt
23	000369	Nguyễn Văn Thường	8/1/1989	Phó Hiệu trưởng	TH và THCS Phong Minh	V.07.03.08	2012	Đại học	5	20	75	1	101	20	Đạt
24	000343	Ngô Đức Thùy	12/9/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Phong Vân	V.07.03.08	2006	Đại học	5	20	75	2	102	19	Đạt
25	000401	Nguyễn Ngọc Vân	13/8/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Phú Nhuận	V.07.03.08	1993	Đại học	5	20	75	1	101	18	Đạt
26	000255	Giáp Văn Nghệ	1/7/1971	Hiệu trưởng	TH Phú Nhuận	V.07.03.08	1994	Đại học	5	20	75	1	101	19	Đạt
27	000365	Nguyễn Thị Thư	8/2/1976	Giáo viên	TH Phước Sơn số 1	V.07.03.08	2006	Đại học	5	20	75	1	101	19	Đạt
28	000170	Đào Quang Hưng	2/9/1976	Giáo viên	TH Phước Sơn số 1	V.07.03.08	2005	Đại học	5	20	75	2	102	19	Đạt
29	000231	Nguyễn Thị Lý	14/4/1977	Giáo viên	TH Phước Sơn số 2	V.07.03.08	2006	Đại học	5	20	75	2	102	19,5	Đạt
30	000349	Phạm Thị Thùy	25/7/1973	Giáo viên	TH Quý Sơn số 1	V.07.03.08	2006	Đại học	5	20	75	1	101	19	Đạt
31	000088	Trần Thị Thu Hà	18/10/1990	Giáo viên	TH Quý Sơn số 1	V.07.03.08	2012	Đại học	5	20	75	1	101	19,5	Đạt
32	000028	Nguyễn Thị Bích	13/8/1979	Giáo viên	TH Quý Sơn số 2	V.07.03.08	1998	Đại học	5	20	75	1	101	18,5	Đạt
33	000363	Nguyễn Thị Thuyết	19/5/1982	Giáo viên	TH Quý Sơn số 2	V.07.03.08	2004	Đại học	5	20	75	1	101	18,5	Đạt
34	000003	Ngô Trọng An	28/9/1975	Phó Hiệu trưởng	TH Tân Lập	V.07.03.08	2006	Đại học	5	20	75	1	101	19,5	Đạt
35	000408	Nguyễn Thành Vinh	27/4/1976	Phó Hiệu trưởng	TH Tân Mộc	V.07.03.08	2008	Đại học	5	20	75	1	101	16,5	Đạt
36	000076	Đoàn Huy Giáp	7/9/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Tân Quang số 1	V.07.03.08	1995	Đại học	5	20	75	2	102	18,5	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng				Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
37	000322	Nông Thị Hồng	Thắm	Giáo viên	TH Tân Quang số 2	V.07.03.08	2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
38	000223	Giáp Thị	Luyến	Giáo viên	TH Tân Sơn số 1	V.07.03.08	1997	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
39	000059	Phùng Văn	Dung	Giáo viên	TH Tân Sơn số 2	V.07.03.08	2003	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
40	000327	Hoàng Văn	Thắng	Giáo viên	TH Thanh Hải số 1	V.07.03.08	2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
41	000078	Đặng Thái	Hà	Giáo viên	TH Thanh Hải số 2	V.07.03.08	1998	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
42	000310	Đặng Khắc	Tân	Giáo viên	TH Trù Hựu	V.07.03.08	2007	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
43	000103	Nguyễn Thị	Hằng	Giáo viên	TH Trù Hựu	V.07.03.08	2008	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
44	000105	Phạm Thị	Hằng	Giáo viên	TH Nghĩa Hồ	V.07.03.08	1993	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
45	000409	Trần	Vũ	Giáo viên	TH Nam Dương	V.07.03.08	2002	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
46	000213	Lê Thị Thùy	Linh	Giáo viên	TH Chũ	V.07.03.08	2003	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
47	000055	Nguyễn Thị	Doan	Giáo viên	TH và THCS Phong Minh	V.07.03.08	2012	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
48	000244	Nguyễn Thị	Na	Giáo viên	TH và THCS Phong Minh	V.07.03.08	2012	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
HUYỆN LỤC NAM (35)														
1	000346	Dương Thị	Thùy	Giáo viên	TH Vô Tranh 1	V.07.03.08	1/9/2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
2	000221	Giáp Thị	Luyến	Giáo viên	TH Đông Hưng	V.07.03.08	1/9/2006	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
3	000042	Phạm Văn	Chính	Giáo viên	TH Đông Hưng	V.07.03.08	1/9/2006	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
4	000029	Nguyễn Văn	Biên	Giáo viên	TH Đông Hưng	V.07.03.08	019/2010	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
5	000011	Nguyễn Thị Lan	Anh	Giáo viên	TH Tiên Hưng	V.07.03.08	1/7/2008	Đại học	5	20	75	2	102	Không đạt
6	000045	Nguyễn Quang	Chuyên	Giáo viên	TH Tiên Hưng	V.07.03.08	1/9/2006	Đại học	5	20	75	0	100	Không đạt
7	000123	Phạm Quang	Hiếu	Giáo viên	TH Trường Sơn	V.07.03.08	1/8/2009	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
8	000071	Nguyễn An	Giang	Giáo viên	TH Nghĩa Phương 2	V.07.03.08	1/9/2011	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
9	000207	Nguyễn Thị	Lan	Giáo viên	TH TT Đồi Ngô	V.07.03.08	1/12/2008	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
10	000183	Nguyễn Thị Thu	Hương	19/5/1975	Giáo viên	TH TT Đồi Ngô	V.07.03.08	1/5/2008	Đại học	5	20	75	3	103	Đạt
11	000111	Vũ Mạnh	Hiền	6/3/1969	Hiệu trưởng	TH Lục Sơn	V.07.03.08	1/7/2005	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
12	000166	Lê Thu	Huyền	12/0/1987	Giáo viên	TH Bảo Sơn 2	V.07.03.08	1/5/2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
13	000387	Trương Thị	Tuyến	16/5/1978	Giáo viên	TH Phương Sơn	V.07.03.08	1/11/2009	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
14	000411	Trương Văn	Vui	14/7/1973	Giáo viên	TH Phương Sơn	V.07.03.08	1/9/2009	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
15	000206	Hà Thị	Lan	20/5/1976	Giáo viên	TH Phương Sơn	V.07.03.08	18/9/1999	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
16	000326	Thân văn	Thăng	2/4/1988	Giáo viên	TH Đan Hội	V.07.03.08	1/9/2010	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
17	000403	Nguyễn Thị	Vân	1/8/1987	Giáo viên	TH Chu Điện	V.07.03.08	1/9/2011	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
18	000392	Nguyễn Thị	Tuyết	8/12/1973	Giáo viên	TH Bảo Sơn 1	V.07.03.08	1/11/2009	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
19	000033	Tạ Thị Thanh	Bồng	9/4/1976	Giáo viên	TH Bảo Sơn 1	V.07.03.08	1/7/2005	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
20	000331	Đỗ Đức	Thọ	14/2/1985	Giáo viên	TH Bảo Sơn 1	V.07.03.08	1/9/2009	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
21	000175	Trần Thị Mai	Hương	1/10/1977	Giáo viên	TH & THCS Tiên Nha	V.07.03.08	1/12/2008	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
22	000375	Nguyễn Thùy	Trang	2/2/1986	Giáo viên	TH & THCS Tiên Nha	V.07.03.08	1/5/2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
23	000099	Ngô Thị	Hào	15/6/1968	Giáo viên	TH Bảo Đài	V.07.03.08	1/10/2010	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
24	000359	Vũ Thị	Thủy	12/5/1977	Giáo viên	TH Bảo Đài	V.07.03.08	1/7/2005	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
25	000090	Đỗ Thị	Hải	4/11/1976	Giáo viên	TH Bắc Lũng	V.07.03.08	1/7/2008	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
26	000227	Nguyễn Tiến	Lục	31/10/1971	Phó Hiệu trưởng	TH Tam Dị	V.07.03.08	1/7/2007	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
27	000031	Vũ Thị	Bình	10/8/1976	Giáo viên	TH & THCS Lục Sơn	V.07.03.08	1/12/2008	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
28	000139	Nguyễn Đức	Hoàng	15/2/1975	Giáo viên	TH Huyền Sơn	V.07.03.08	1/3/2008	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
29	000335	Lê Thị	Thoa	8/3/1973	Giáo viên	TH Khâm Lạng	V.07.03.08	1/12/2008	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
30	000299	Nguyễn Thị	Quỳnh	27/7/1984	Giáo viên	TH Thanh Lâm	V.07.03.08	1/9/2007	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
31	000407	Đỗ Văn	Việt	04/11/1981	Giáo viên	TH Thanh Lâm	V.07.03.08	1/4/2009	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng				Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
32	000270	Chu Thị Nhung	20/8/1988	Giáo viên	TH Yên Sơn	V.07.03.08	1/9/2010	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
33	000146	Nguyễn Thị Hồng	28/10/1988	Giáo viên	TH Yên Sơn	V.07.03.08	1/9/2010	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
34	000412	Nguyễn Thị Vượng	28/5/1985	Giáo viên	TH & THCS Tam Dị	V.07.03.08	1/9/2011	Đại học	5	20	75	0	100	Không đạt
35	000222	Nguyễn Thị Luyên	14/3/1978	Giáo viên	TH Khám Lạng	V.07.03.08	1/12/2008	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
THÀNH PHỐ BẮC GIANG (50)														
1	000397	Trần Thị Uyên	13/7/1974	Giáo viên	TH Dĩnh Kế	V07.03.08	11/2008	Đại học	5	20	75	4	104	Đạt
2	000057	Phạm Thị Dung	17/12/1976	Giáo viên	TH Dĩnh Kế	V07.03.08	1/2007	Đại học	5	20	75	4	104	Đạt
3	000265	Hoàng Thị Thanh	12/01/1977	Giáo viên	TH Dĩnh Kế	V07.03.08	4/2006	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
4	000295	Chu Thị Quý	13/11/1973	Giáo viên	TH Dĩnh Kế	V07.03.08	7/2005	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
5	000205	Dương Thị Lan	20/9/1976	Giáo viên	TH Dĩnh Kế	V07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
6	000074	Bùi Trường Giang	25/12/1980	Giáo viên	TH Song Mai	V07.03.08	01/4/2004	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
7	000044	Đoàn Văn Chung	28/01/1984	Giáo viên	TH Song Mai	V.07.03.08	01/9/2012	Đại học	5	20	75		100	Đạt
8	000168	Thân Thị Thu Huyền	3/11/1975	Giáo viên	TH Song Mai	V.07.03.08	9/1994	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
9	000083	Nguyễn Thị Hà	8/6/1987	Giáo viên	TH Song Mai	V.07.03.08	01/9/2010	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
10	000267	Đào Thị Nhiên	10/12/1986	Giáo viên	TH Tân Tiến	V.07.03.08	01/09/2012	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
11	000333	Nguyễn Thị Thanh Thoa	21/11/1978	Giáo viên	TH Tân Tiến	V.07.03.08	30/9/2009	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
12	000352	Đỗ Phương Thúy	14/11/1989	Giáo viên	TH Đông Thành	V.07.03.08	01/9/2012	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
13	000289	Lê Thị Phương	9/2/1980	Giáo viên	TH Đông Thành	V.07.03.08	01/4/2004	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
14	000232	Hoàng Thị Hoa Mai	12/10/1976	Giáo viên	TH Đông Thành	V.07.03.08	01/12/2008	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
15	000018	Hà Văn Anh	09/02/1974	Giáo viên	TH Dĩnh Trì	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
16	000147	Nguyễn Thị Hồng	3/3/1976	Giáo viên	TH Dĩnh Trì	V.07.03.08	1/1/2007	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
17	000416	Phạm Thị Yên	25/10/1976	Giáo viên	TH Dĩnh Trì	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75		100	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
18	000013	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	16/9/1988	Giáo viên	TH Đinh Trì	V.07.03.08	01/9/2011	Đại học	5	20	75		100	20	Đạt
19	000014	Nguyễn Thị Anh	30/7/1989	Giáo viên	TH Đinh Trì	V.07.03.08	01/9/2011	Đại học	5	20	75		100	20	Đạt
20	000184	Nguyễn Thị Thu Hương	03/01/1975	Hiệu trưởng	TH Trần Phú	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75	3	103	17	Đạt
21	000101	Hồ Thị Hằng	23/3/1982	Giáo viên	TH Trần Phú	V.07.03.08	01/4/2005	Đại học	5	20	75	1	101	16.5	Đạt
22	000185	Tô Thu Hương	10/10/1975	Giáo viên	TH Trần Phú	V.07.03.08	01/3/2005	Đại học	5	20	75	0	100	15.5	Đạt
23	000238	Dương Thị Mẫn	04/11/1975	Giáo viên	TH Trần Phú	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75	1	101	18	Đạt
24	000280	Lê Anh Phương	09/02/1989	Giáo viên	TH Minh Khai	V.07.03.08	01/9/2010	Đại học	5	20	75		100	19	Đạt
25	000061	Trần Thị Thanh Duy	02/12/1989	Giáo viên	TH Lê Lợi	V.07.03.08	01/9/2010	Đại học	5	20	75	1	101	19.5	Đạt
26	000165	Trịnh Thị Huyền	06/02/1989	Giáo viên	TH Lê Lợi	V.07.03.08	01/9/2010	Đại học	5	20	75	1	101	18	Đạt
27	000112	Nguyễn Thị Thanh Hiền	20/10/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Nam Hồng	V.07.03.08	12/1/2005	Đại học	5	20	75	1	101	19.5	Đạt
28	000228	Đỗ Thị Lương	04/9/1979	Giáo viên	TH Nam Hồng	V.07.03.08	7/1/2005	Đại học	5	20	75	1	101	20	Đạt
29	000203	Trần Phương Lan	02/9/1974	Giáo viên	TH Ngô Sĩ Liên	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75	1	101	17	Đạt
30	000196	Nguyễn Thị Hường	22/12/1974	Giáo viên	TH Ngô Sĩ Liên	V.07.03.08	01/3/2010	Đại học	5	20	75	1	101	19	Đạt
31	000314	Nguyễn Phương Thảo	26/7/1978	Giáo viên	TH Ngô Sĩ Liên	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75	2	102	18	Đạt
32	000398	Dương Thị Tố Uyên	1/2/1976	Giáo viên	TH Ngô Sĩ Liên	V.07.03.08	01/3/2008	Đại học	5	20	75	1	101	18	Đạt
33	000251	Hoàng Thị Kim Ngân	17/5/1973	Giáo viên	TH Ngô Sĩ Liên	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75	0	100	19	Đạt
34	000414	Nguyễn Thị Xuân	16/02/1974	Giáo viên	TH Ngô Sĩ Liên	V.07.03.08	01/01/2017	Đại học	5	20	75	1	101	19.5	Đạt
35	000091	Lê Thị Hải	14/02/1973	Giáo viên	TH Ngô Sĩ Liên	V.07.03.08	01/12/2005	Đại học	5	20	75	1	100	18	Đạt
36	000064	Nguyễn Thị Duyên	27/12/1989	Giáo viên	TH Ngô Sĩ Liên	V.07.03.08	01/9/2010	Đại học	5	20	75	1	100	19	Đạt
37	000286	Vũ Thị Phương	11/8/1975	Giáo viên	TH Võ Thị Sáu	V.07.03.08	12/2008	Đại học	5	20	75	1	100	14.5	Đạt
38	000192	Mai Thị Hường	13/10/1976	Giáo viên	TH Võ Thị Sáu	V.07.03.08	12/2008	Đại học	5	20	75	1	101	17.5	Đạt
39	000007	Phạm Hồng Anh	27/10/1975	Giáo viên	TH Võ Thị Sáu	V.07.03.08	12/2008	Đại học	5	20	75	1	101	19.5	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng				Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
40	000096	Đoàn Thị Hạnh	18/11/1989	Giáo viên	TH Võ Thị Sáu	V.07.03.08	01/9/2012	Đại học	5	20	75	1	100	Đạt
41	000277	Nguyễn Thị Kim Oanh	25/12/1973	Giáo viên	TH Đồng Sơn	V.07.03.08	11/2009	Đại học	5	20	75	3	103	Đạt
42	000276	Trần Ngọc Ninh	24/9/1980	Giáo viên	TH Đồng Sơn	V.07.03.08	11/2009	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
43	000384	Phạm Kim Tuyến	11/4/1974	Giáo viên	TH Lê Hồng Phong	V.07.03.08	01/5/2008	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
44	000340	Lý Thị Thu Thù	20/10/1979	Giáo viên	TH Lê Hồng Phong	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
45	000342	Nguyễn Thị Minh Thủy	7/6/1989	Giáo viên	TH Lê Hồng Phong	V.07.03.08	01/9/2011	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
46	000283	Đào Thị Phương	9/4/1975	Giáo viên	TH Lê Hồng Phong	V.07.03.08	01/11/2010	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
47	000087	Nguyễn Thị Thu Hà	17/8/1973	Giáo viên	TH Tân Mỹ	V.07.03.08	9/2008	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
48	000358	Nguyễn Thị Thủy	20/11/1976	Giáo viên	TH Tân Mỹ	V.07.03.08	9/2006	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
49	000360	Vương Thị Thủy	24/9/1988	Giáo viên	TH Đa Mai	V.07.03.08	01/9/2012	Đại học	5	20	75	1	100	Đạt
50	000125	Đặng Mai Hoa	9/2/1974	Giáo viên	TH Lê Hồng Phong	V.07.03.08	01/7/2005	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
HUYỆN YÊN THẾ (46)														
1	000022	Phạm Đức Ân	29/6/1976	Giáo viên	TH TT Bồ Hạ	V.07.03.08	10N6th	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
2	000224	Nguyễn Thị Luyến	14/01/1989	Giáo viên	TH Đồng Hương	V.07.03.08	7N3th	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
3	000098	Nguyễn Thị Thanh Hào	02/12/1985	Giáo viên	TH Đồng Hương	V.07.03.08	12N3th	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
4	000246	Hoàng Thị Nga	18/8/1986	Giáo viên	TH Hương Vỹ	V.07.03.08	9N	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
5	000092	Lương Thị Hải	18/4/1985	Giáo viên	TH Hương Vỹ	V.07.03.08	9N	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
6	000260	Tăng Thị Ngọc	04/9/1972	Phó Hiệu trưởng	TH Đồng Sơn	V.07.03.08	10N	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
7	000237	Nguyễn Thị Mai	20/3/1972	Giáo viên	TH Đồng Sơn	V.07.03.08	13N5th	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
8	000394	Nông Thị Tuyết	05/11/1971	Giáo viên	TH Đồng Sơn	V.07.03.08	11N	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
9	000316	Bùi Thị Thào	20/10/1984	Giáo viên	TH Đồng Sơn	V.07.03.08	12N3th	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
10	000245	Trần Hoài Nam	11/02/1989	Giáo viên	TH Đồng Sơn	V.07.03.08	8N3th	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
11	000382	Nguyễn Thanh Tuyền	21/7/1987	Giáo viên	TH Đồng Kỳ	V.07.03.08	9N4th	Đại học	5	20	75	1	101	18.5	Đạt
12	000051	Lăng Thế Dân	27/02/1976	Hiệu trưởng	TH Xuân Lương	V.07.03.08	13N	Đại học	5	20	75	1	101	19	Đạt
13	000153	Trần Quang Huy	10/6/1979	Giáo viên	TH Xuân Lương	V.07.03.08	11N2th	Đại học	5	20	75	0	100	17.5	Đạt
14	000137	Triệu Thị Hoan	21/5/1978	Giáo viên	TH Xuân Lương	V.07.03.08	11N2th	Đại học	5	20	75	0	100	18.5	Đạt
15	000308	Địch Thị Tâm	10/4/2018	Giáo viên	TH Xuân Lương	V.07.03.08	11N2th	Đại học	5	20	75	0	100	17	Đạt
16	000158	Đoàn Thị Huyền	03/7/1970	Giáo viên	TH Tam Hiệp	V.07.03.08	13N	Đại học	5	20	75	1	101	18	Đạt
17	000198	Đàm Quang Khiêm	19/11/1975	Phó Hiệu trưởng	TH Tam Hiệp	V.07.03.08	7N	Đại học	5	20	75	0	100	19	Đạt
18	000040	Triệu Thị Chính	20/9/1974	Giáo viên	TH Tam Hiệp	V.07.03.08	10N	Đại học	5	20	75	0	100	18.5	Đạt
19	000202	Nguyễn Thị Mai Lan	16/02/1973	Giáo viên	TH Tam Hiệp	V.07.03.08	13N	Đại học	5	20	75	0	100	19	Đạt
20	000187	Hứa Mỹ Hường	10/01/1973	Phó Hiệu trưởng	TH Đồng Lạc	V.07.03.08	10N	Đại học	5	20	75	0	100	19	Đạt
21	000068	Nguyễn Văn Định	31/5/1974	Giáo viên	TH Đồng Lạc	V.07.03.08	13N	Đại học	5	20	75	1	101	18	Đạt
22	000249	Vì Thị Thủy Nga	22/8/1976	Giáo viên	TH Đồng Lạc	V.07.03.08	10N	Đại học	5	20	75	0	100	18	Đạt
23	000172	Dương Thị Hưng	10/10/1971	Giáo viên	TH TT Cầu Gò	V.07.03.08	27N	Đại học	5	20	75	0	100	19	Đạt
24	000339	Vương Thị Thu	20/01/1976	Giáo viên	TH TT Cầu Gò	V.07.03.08	24N	Đại học	5	20	75	0	100	19.5	Đạt
25	000102	Lê Thị Hằng	23/10/1975	Giáo viên	TH Phồn Xương	V.07.03.08	8N	Đại học	5	20	75	0	100	19	Đạt
26	000274	Trần Thị Nhung	10/7/1984	Giáo viên	TH Phồn Xương	V.07.03.08	13N	Đại học	5	20	75	1	101	19.5	Đạt
27	000113	Dương Thị Hiền	28/9/1983	Giáo viên	TH Phồn Xương	V.07.03.08	11N	Đại học	5	20	75	0	100	20	Đạt
28	000379	Hà Ngọc Tuấn	16/02/1987	Giáo viên	TH Phồn Xương	V.07.03.08	6N	Đại học	5	20	75	0	100	20	Đạt
29	000324	Nguyễn Thị Thắm	13/8/1988	Giáo viên	TH An Thương	V.07.03.08	7N	Đại học	5	20	75	0	100	19	Đạt
30	000406	Vũ Thị Viên	09/9/1990	Giáo viên	TH An Thương	V.07.03.08	7N	Đại học	5	20	75	0	100	19.5	Đạt
31	000063	Hà Thị Duyên	05/3/1973	Giáo viên	TH An Thương	V.07.03.08	13N	Đại học	5	20	75	0	100	20	Đạt
32	000317	Triệu Thị Thảo	02/02/1978	Giáo viên	TH Đồng Tiến	V.07.03.08	11N2th	Đại học	5	20	75	0	100	18.5	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
33	000133	Nguyễn Thị Hòa	08/8/1974	Giáo viên	TH&THCS Đồng Tâm	V.07.03.08	13N5th	Đại học	5	20	75	1	101	18	Đạt
34	000281	Bé Đức Phương	23/6/1978	Giáo viên	TH&THCS Xuân Lương	V.07.03.08	9N6th	Đại học	5	20	75	0	100	15.5	Đạt
35	000062	Đình Xuân Duy	24/7/1989	Giáo viên	TH Tam Tiến	V.07.03.08	7N3th	Đại học	5	20	75	1	101	18.5	Đạt
36	000084	Nguyễn Thị Hà	11/02/1974	Giáo viên	TH Tam Tiến	V.07.03.08	20N4th	Đại học	5	20	75	1	101	19.5	Đạt
37	000182	Trương Thị Hương	05/01/1976	Giáo viên	TH Tiến Thắng	V.07.03.08	11N	Đại học	5	20	75	0	100	19	Đạt
38	000402	Hoàng Thị Vân	02/9/1989	Giáo viên	TH Canh Nậu	V.07.03.08	8N4th	Đại học	5	20	75	0	100	19.5	Đạt
39	000292	Trần Thị Phương	22/02/1972	Giáo viên	TH Đồng Vương	V.07.03.08	11N	Đại học	5	20	75	0	100	19.5	Đạt
40	000134	Nguyễn Thị Hòa	12/6/1978	Giáo viên	TH Đồng Vương	V.07.03.08	11N	Đại học	5	20	75	0	100	19	Đạt
41	000214	Ninh Phương Loan	10/01/1974	Giáo viên	TH Đồng Vương	V.07.03.08	8N	Đại học	5	20	75	0	100	16	Đạt
42	000095	Đào Thị Hạnh	28/5/1975	Giáo viên	TH Đồng Vương	V.07.03.08	11N	Đại học	5	20	75	0	100	16.5	Đạt
43	000415	Tạ Thị Xuân	13/6/1974	Giáo viên	TH&THCS Tân Hiệp	V.07.03.08	12N	Đại học	5	20	75	0	100	15.5	Đạt
44	000094	Đỗ Thị Hạnh	01/3/1981	Giáo viên	TH&THCS Tân Hiệp	V.07.03.08	9N	Đại học	5	20	75	0	100	15.5	Đạt
45	000021	Nguyễn Thị Ánh	13/10/1973	Phó Hiệu trưởng	TH Bồ Hạ	V.07.03.08	10N1th	Đại học	5	20	75	1	101	18.5	Đạt
46	000254	Đào Thị Ngân	18/9/1986	Giáo viên	TH Bồ Hạ	V.07.03.08	8N2th	Đại học	5	20	75	1	101	20	Đạt
HUYỆN YÊN DŨNG (47)															
1	000069	Nguyễn Thị Đông	15/10/1971	Phó Hiệu trưởng	TH TT Neo	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	3	103	18.5	Đạt
2	000261	Nguyễn Minh Nguyệt	9/3/1976	Giáo viên	TH TT Neo	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	4	104	19	Đạt
3	000334	Đình Thị Thoa	17/6/1975	Giáo viên	TH TT Neo	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	19.5	Đạt
4	000229	Nguyễn Thị Lưu	06/8/1976	Giáo viên	TH TT Neo	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	18.5	Đạt
5	000012	Trần Thị Mai Anh	26/7/1975	Giáo viên	TH TT Neo	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	1	101	17.5	Đạt
6	000225	Nguyễn Thị Luyến	30/4/1976	Giáo viên	TH TT Neo	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	1	101	19.5	Đạt
7	000233	Ông Thị Hương Mai	13/01/1987	Giáo viên	TH TT Neo	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	1	101	17	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng				Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)		
8	000127	Trịnh Thị Minh Hoa	29/3/1980	Giáo viên	TH Tiên Phong	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
9	000060	Trần Việt Dũng	10/11/1988	Giáo viên	TH Tiên Phong	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
10	000217	Nguyễn Thị Bích Lộc	06/9/1975	Giáo viên	TH Tiên Phong	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
11	000200	Hà Thị Khuyên	15/10/1971	Giáo viên	TH&THCS Tân An	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
12	000370	Bùi Thúy Tinh	26/9/1972	Giáo viên	TH&THCS Tân An	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
13	000301	Nguyễn Minh Quyết	16/02/1975	Phó Hiệu trưởng	TH Đồng Phúc	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
14	000159	Đỗ Thị Huyền	16/6/1975	Giáo viên	TH Đồng Phúc	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
15	000131	Dương Thị Thu Hoa	21/9/1976	Giáo viên	TH Đồng Phúc	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
16	000264	Trần Thị Nguyệt	04/8/1975	Giáo viên	TH Đồng Phúc	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	3	103	Đạt
17	000297	Đỗ Thị Thanh Quyên	18/2/1981	Giáo viên	TH Đồng Việt	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
18	000215	Ông Thị Loan	28/4/1986	Giáo viên	TH Cảnh Thụy	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
19	000417	Hoàng Hải Yến	15/10/1971	Giáo viên	TH&THCS Thăng Cương	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
20	000164	Nguyễn Thị Huyền	08/02/1989	Giáo viên	TH&THCS Thăng Cương	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
21	000272	Nguyễn Thị Nhung	31/12/1980	Giáo viên	TH Yên Lư số 2	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
22	000405	Trần Thị Vê	01/11/1972	Phó Hiệu trưởng	TH Yên Lư số 1	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
23	000167	Cù Thị Thu Huyền	12/5/1978	Giáo viên	TH Tư Mại	V.07.03.08	27/3/2017	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
24	000247	Nguy Thị Nga	15/01/1987	Giáo viên	TH Tư Mại	V.07.03.08	27/3/2017	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
25	000020	Nguyễn Thị Vân Anh	01/3/1982	Giáo viên	TH Tư Mại	V.07.03.08	27/3/2017	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
26	000325	Nguyễn Đức Thắng	12/6/1975	Giáo viên	TH Tri Yên	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
27	000328	Nguyễn Văn Thắng	10/11/1981	Giáo viên	TH Nham Sơn	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
28	000126	Cao Thị Mai Hoa	13/5/1977	Giáo viên	TH Tân Liễu	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
29	000309	Thân Thị Tâm	05/11/1978	Giáo viên	TH Tân Liễu	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng				Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
30	000121	Nguyễn Thị Hiệp	25/5/1971	Giáo viên	TH Tân Liễu	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
31	000039	Chu Thị Chinh	10/11/1975	Giáo viên	TH Hương Gián	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
32	000336	Nguyễn Thị Hoài Thu	08/6/1976	Giáo viên	TH Hương Gián	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
33	000008	Khổng Thị Lan Anh	9/5/1986	Giáo viên	TH Hương Gián	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
34	000266	Lương Thị Nhân	04/01/1987	Giáo viên	TH Xuân Phú	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
35	000089	Hà Thanh Hải	03/02/1970	Phó Hiệu trưởng	TH&THCS Lão Hộ	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
36	000155	Dương Thanh Huyền	23/6/1976	Phó Hiệu trưởng	TH Tiến Dũng	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
37	000393	Nguyễn Thị Tuyết	24/10/1972	Giáo viên	TH Tiến Dũng	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
38	000218	Trần Thị Lợi	7/7/1975	Giáo viên	TH Tiến Dũng	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
39	000100	Hán Thị Hằng	21/8/1980	Giáo viên	TH Tiến Dũng	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
40	000104	Nguyễn Thị Hằng	9/11/1971	Giáo viên	TH TT Tân Dân	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	4	104	Đạt
41	000115	Nguyễn Thị Hiền	03/6/1972	Giáo viên	TH TT Tân Dân	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	4	104	Đạt
42	000130	Nguyễn Thị Hoa	20/12/1975	Giáo viên	TH TT Tân Dân	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	3	103	Đạt
43	000220	Dương Thị Luật	14/12/1969	Giáo viên	TH TT Tân Dân	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
44	000093	Nguyễn Trung Hải	28/11/1978	Giáo viên	TH TT Tân Dân	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
45	000193	Nguyễn Thị Hương	18/01/1975	Giáo viên	TH TT Tân Dân	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
46	000284	Hoàng Thị Phương	10/9/1983	Giáo viên	TH TT Tân Dân	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
47	000319	Phan Văn Tháo	03/9/1984	Giáo viên	TH TT Tân Dân	V.07.03.08	05/4/2017	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
KHỐI MÀM NON (197)														
HUYỆN HIỆP HÒA (5)														
1	000442	Nguyễn Thị Đào	01/10/1980	Hiệu trưởng	MN Châu Minh	V07.02.05	01/3/2005	Đại học	5	20	75		100	Đạt
2	000426	Hà Thị Chín	01/8/1970	Phó Hiệu trưởng	MN Hoàng Thanh	V07.02.05	01/12/2006	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng				Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
3	000470	Nguyễn Thị Hòa	02/9/1966	Phó Hiệu trưởng	MN Hoàng Thanh	V.07.02.05	01/01/2005	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
4	000516	Nguyễn Thị Lý	10/10/1974	Phó Hiệu trưởng	MN Thương Thắng	V.07.02.05	01/01/2005	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
5	000424	Ngô Thị Bình	28/7/1976	Phó Hiệu trưởng	MN Châu Minh	V.07.02.05	01/8/2012	Đại học	5	20	75		100	Đạt
HUYỆN LẠNG GIANG (15)														
1	000608	Nguyễn Thị Vân	2/8/1976	Phó Hiệu trưởng	MN Yên Mỹ	V.07.02.05	1/7/2009	ĐH Giáo dục mầm non	5	20	75	1	101	Đạt
2	000560	Trịnh Thị Tâm	7/2/1980	Hiệu trưởng	MN Tân Hưng	V.07.02.05	1/12/2006	ĐH Giáo dục mầm non	5	20	75	1	101	Đạt
3	000579	Phạm Thị Thu	6/7/1972	Phó Hiệu trưởng	MN Xương Lâm	V.07.02.05	1/4/2005	ĐH Giáo dục mầm non	5	20	75	1	101	Đạt
4	000615	Trịnh Thị Xuân	7/6/1966	Phó Hiệu trưởng	MN Tân Dĩnh	V.07.02.05	1/3/2005	ĐH Giáo dục mầm non	5	20	75	1	101	Đạt
5	000596	Hoàng Thị Toan	22/7/1966	Phó Hiệu trưởng	MN Thái Đào	V.07.02.05	1/12/2006	ĐH Giáo dục mầm non	5	20	75	1	101	Đạt
6	000444	Nguyễn Thị Điều	10/10/1964	Phó Hiệu trưởng	MN Mỹ Thái	V.07.02.05	1/12/2006	ĐH Giáo dục mầm non	5	20	75	2	102	Đạt
7	000476	Hà Thị Hoan	12/4/1983	Phó Hiệu trưởng	MN Mỹ Thái	V.07.02.05	1/4/2011	ĐH Giáo dục mầm non	5	20	75	1	101	Đạt
8	000605	Hoàng Thị Vân	14/3/1970	Phó Hiệu trưởng	MN Tiên Lục	V.07.02.05	1/12/2006	ĐH Giáo dục mầm non	5	20	75	0	100	Đạt
9	000499	Hà Thị Khuyên	19/8/1985	Giáo viên	MN Nghĩa Hưng	V.07.02.05	1/8/2012	ĐH Giáo dục mầm non	5	20	75	0	100	Đạt
10	000468	Đào Thị Hoa	15/10/1981	Giáo viên	MN Nghĩa Hưng	V.07.02.05	1/4/2011	ĐH Giáo dục mầm non	5	20	75	1	101	Đạt
11	000518	Đồng Thị Mai	22/8/1970	Phó Hiệu trưởng	MN Nghĩa Hòa	V.07.02.05	1/12/2006	ĐH Giáo dục mầm non	5	20	75	1	101	Đạt
12	000521	Trần Thị Minh	19/1/1986	Giáo viên	MN Quang Thịnh	V.07.02.05	1/4/2011	ĐH Giáo dục mầm non	5	20	75	1	101	Đạt
13	000543	Phan Thị Phụng	30/12/1981	Giáo viên	MN Quang Thịnh	V.07.02.05	1/4/2011	ĐH Giáo dục mầm non	5	20	75	1	101	Đạt
14	000466	Đỗ Thị Mai	3/3/1977	Phó Hiệu trưởng	MN Hương Sơn	V.07.02.05	1/4/2008	ĐH Giáo dục mầm non	5	20	75	1	101	Đạt
15	000533	Bùi Thanh Ngoan	13/1/1981	Phó Hiệu trưởng	MN Hương Sơn	V.07.02.05	1/4/2010	ĐH Giáo dục mầm non	5	20	75	0	100	Đạt
HUYỆN TÂN YÊN (12)														
1	000598	Thân Thị Tới	28/3/1970	Phó Hiệu trưởng	MN Phúc Sơn	V.07.02.05	18/3/2013	Đại học SPMN	5	20	75		100	Đạt
2	000589	Nguyễn Thị Thúy	4/9/1974	Phó Hiệu trưởng	MN An Dương	V.07.02.05	18/3/2013	Đại học SPMN	5	20	75		100	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng				Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
3	000587	Nguyễn Thị Thùy	10/6/1972	Phó Hiệu trưởng	MN An Dương	V.07.02.05	6/6/2014	Đại học	5	20	75		100	Đạt
4	000522	Trần Thị Minh	5/11/1976	Hiệu trưởng	MN Quế Nham	V.07.02.05	18/3/2013	Đại học	5	20	75		100	Đạt
5	000539	Đào Thị Mai Nhung	9/8/1970	Phó Hiệu trưởng	MN Lan Giới	V.07.02.05	4/3/2016	Đại học	5	20	75		100	Đạt
6	000445	Nguyễn Thị Hương Giang	26/12/1983	Phó Hiệu trưởng	MN Hợp Đức	V.07.02.05	18/3/2013	Đại học	5	20	75		100	Đạt
7	000604	Lê Thị Tuyết	30/8/1982	Phó Hiệu trưởng	MN Cao Xá số 1	V.07.02.05	6/2/2015	Đại học	5	20	75		100	Đạt
8	000422	Nguyễn Thị Biên	7/5/1965	Giáo viên	MN Quế Nham	V.07.02.05	18/3/2013	Đại học	5	20	75		100	Đạt
9	000429	Trần Thị Chuyên	27/8/1967	Hiệu trưởng	MN Quang Tiến	V.07.02.05	18/3/2013	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
10	000473	Thân Thị Hòa	20/2/1980	Phó Hiệu trưởng	MN Song văn	V.07.02.05	18/3/2013	Đại học	5	20	75		100	Đạt
11	000456	Nguyễn Thị Phương Hậu	2/2/1974	Phó Hiệu trưởng	MN Tân Trung	V.07.02.05	18/3/2013	Đại học	5	20	75		100	Đạt
12	000505	Nguyễn Thị Lâm	27/8/1978	Phó Hiệu trưởng	MN Phúc Hòa	V.07.02.05	6/6/2014	Đại học	5	20	75		100	Đạt
HUYỆN VIỆT YÊN (5)														
1	000425	Nguyễn Thị Châm	18/09/1983	Phó Hiệu trưởng	MN Bích Sơn	V.07.02.05	7 năm 8 tháng	Đại học	5	20	75	3	103	Đạt
2	000606	Hoàng Thị Vân	18/07/1983	Phó Hiệu trưởng	MN Nghĩa Trung	V.07.02.05	10 năm 8 tháng	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
3	000478	Nguyễn Thị Hội	20/01/1973	Phó Hiệu trưởng	MN Quảng Minh	V.07.02.05	6 năm 4 tháng	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
4	000465	Vũ Thị Hiệp	05/09/1967	Hiệu trưởng	MN Trung Sơn	V.07.02.05	9 năm 5 tháng	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
5	000550	Nguyễn Thị Quy	01/05/1984	Phó Hiệu trưởng	MN Tự Lạn	V.07.02.05	7 năm 8 tháng	Đại học	5	20	75	3	103	Đạt
HUYỆN YÊN DŨNG (9)														
1	000497	Nguyễn Thị Khánh	18/3/1970	Hiệu trưởng	MN Nội Hoàng	V.07.02.05	11/2010	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
2	000454	Nguyễn Thị Hằng	10/4/1975	Phó Hiệu trưởng	MN Nội Hoàng	V.07.02.05	7/2010	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
3	000500	Nguyễn Thị Khương	14/4/1965	Phó Hiệu trưởng	MN Nội Hoàng	V.07.02.05	11/2010	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
4	000517	Chu Thị Lý	7/10/1972	Phó Hiệu trưởng	MN Lăng Sơn	V.07.02.05	11/2010	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
5	000597	Lương Thị Toàn	10/9/1969	Phó Hiệu trưởng	MN Tân An	V.07.02.05	11/2010	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
6	000437	Nguyễn Thị Dung	23/6/1970	Phó Hiệu trưởng	MN Trí Yên	V.07.02.05	8/2012	Đại học	5	20	75	1	101	14	Đạt
7	000455	Nguyễn Thị Hằng	11/8/1978	Giáo viên	MN Trí Yên	V.07.02.05	01/2010	Đại học	5	20	75	1	101	18	Đạt
8	000595	Nguyễn Thị Tinh	10/2/1971	Phó Hiệu trưởng	MN Đồng Phúc	V.07.02.05	7/2009	Đại học	5	20	75	1	101	17.5	Đạt
9	000430	Dương Thị Chuyển	30/12/1974	Giáo viên	MN Tiến Dũng	V.07.02.05	7/2005	Đại học	5	20	75	0	100	15	Đạt
HUYỆN YÊN THẾ (40)															
1	000557	Nguyễn Thị Sen	10/02/1981	Phó Hiệu trưởng	MN Canh Nậu	V.07.02.05	7N5T	Đại học	5	20	75	0	100	19	Đạt
2	000428	Mê Thị Chuyên	16/4/1984	Giáo viên	MN Đồng Tiến	V.07.02.05	7N5T	Đại học	5	20	75	0	100	17.5	Đạt
3	000491	Vì Thị Thu Hương	13/3/1981	Phó Hiệu trưởng	MN Đồng Sơn	V.07.02.05	7N8T	Đại học	5	20	75	0	100	16.5	Đạt
4	000528	Phan Thị Nga	17/3/1987	Giáo viên	MN Đồng Sơn	V.07.02.05	6N4T	Đại học	5	20	75	0	100	17	Đạt
5	000452	Nguyễn Lệ Hằng	24/02/1986	Giáo viên	MN Đồng Sơn	V.07.02.05	6N4T	Đại học	5	20	75	0	100	17.5	Đạt
6	000475	Nguyễn Thị Thu Hòa	03/8/1980	Phó Hiệu trưởng	MN Tam Hiệp	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	19.5	Đạt
7	000544	Tô Lan Phương	19/3/1978	Giáo viên	MN Tam Hiệp	V.07.02.05	10N	Đại học	5	20	75	0	100	19.5	Đạt
8	000618	Nguyễn Thị Yên	26/4/1985	Giáo viên	MN Tam Hiệp	V.07.02.05	9N5T	Đại học	5	20	75	0	100	18	Đạt
9	000448	Lê Thị Hạnh	01/04/1981	Phó Hiệu trưởng	MN Tân Hiệp	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	17	Đạt
10	000463	Hoàng Thị Hiệp	26/01/1974	Giáo viên	MN Tân Hiệp	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	19	Đạt
11	000554	Hoàng Thị Như Quỳnh	12/07/1984	Giáo viên	MN Tân Hiệp	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	18.5	Đạt
12	000588	Nguyễn Thị Thùy	04/02/1978	Hiệu trưởng	MN Đồng Vương	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	18.5	Đạt
13	000571	Linh Thị Thắm	11/11/1980	Giáo viên	MN Đồng Vương	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	14.5	Đạt
14	000581	Nguyễn Thị Thùy	24/05/1982	Giáo viên	MN Đồng Vương	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	13.5	Đạt
15	000582	Phạm Thị Thùy	08/8/1982	Giáo viên	MN Đồng Vương	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	14	Đạt
16	000580	Nguyễn Thị Thuý	06/10/1972	Phó Hiệu trưởng	MN Đồng Hưu	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	1	101	15.5	Đạt
17	000490	Vũ Thị Hương	02/01/1982	Giáo viên	MN Đồng Hưu	V.07.02.05	9N6T	Đại học	5	20	75	0	100	16	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng				Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
18	000512	Nguyễn Thị Lụa	02/01/1981	Giáo viên	MN Đồng Hưu	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
19	000453	Hoàng Thị Hằng	30/12/1981	Giáo viên	MN Đồng Hưu	V.07.02.05	7N5T	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
20	000520	Đinh Thị Hồng Minh (Hà)	28/9/1985	Phó Hiệu trưởng	MN TT Cầu Gò	V.07.02.05	6N5T	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
21	000566	Lê Thị Thảo	28/11/1985	Giáo viên	MN TT Cầu Gò	V.07.02.05	7N6T	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
22	000578	Hà Thị Thu	25/5/1990	Giáo viên	MN TT Cầu Gò	V.07.02.05	7N6T	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
23	000434	Chu Thị Dung	18/02/1980	Giáo viên	MN Đồng Lạc	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
24	000537	Hoàng Thị Bích Nguyệt	01/11/1982	Giáo viên	MN Đồng Lạc	V.07.02.05	6N5T	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
25	000495	Hoàng Thị Hường	17/11/1982	Giáo viên	MN Đồng Lạc	V.07.02.05	7N9T	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
26	000459	Giáp Thị Hiền	30/10/1981	Hiệu trưởng	MN Tam Tiến	V.07.02.05	8N	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
27	000556	Trần Thị Quỳnh	09/12/1985	Phó Hiệu trưởng	MN Tam Tiến	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
28	000575	Dương Khánh Thơ	10/6/1984	Giáo viên	MN Hồng Kỳ	V.07.02.05	6N5T	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
29	000464	Nguyễn Thị Hiệp	18/5/1982	Giáo viên	MN Hồng Kỳ	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
30	000538	Phạm Thị Nguyệt	6/11/1979	Giáo viên	MN Hồng Kỳ	V.07.02.05	6N	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
31	000565	Hà Thị Phương Thảo	10/4/1987	Giáo viên	MN Đồng Tâm	V.07.02.05	6N5T	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
32	000494	Phan Thị Thu Hường	22/8/1979	Phó Hiệu trưởng	MN Hương Vỹ	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
33	000432	Nguyễn Thị Diệp	28/01/1983	Giáo viên	MN Đồng Sơn 2	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
34	000573	Bùi Thị Thọ	05/9/1982	Giáo viên	MN Đồng Sơn 2	V.07.02.05	6N5T	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
35	000469	Nguyễn Thị Hoa	24/01/1984	Hiệu trưởng	MN An Thượng	V.07.02.05	9N6T	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
36	000526	Nguyễn Thị Nga	02/10/1986	Giáo viên	MN An Thượng	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
37	000498	Mạc Thị Khoát	10/5/1975	Phó Hiệu trưởng	MN Tiến Thắng	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
38	000617	Nguyễn Hải Yến	10/01/1985	Giáo viên	MN Tiến Thắng	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
39	000431	Ninh Thị Công	11/12/1983	Phó Hiệu trưởng	MN Xuân Lương	V.07.02.05	9N^T	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng				Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)		
40	000584	Nguyễn Thị Thanh Thủy	29/01/1981	Giáo viên	MN Xuân Lương	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
THÀNH PHỐ BẮC GIANG (8)														
1	000594	Tạ Thị Tiến	27/10/1979	Giáo viên	MN Đồng Sơn	V07.02.05	01/11/2010	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
2	000477	Nguyễn Thị Hải Hoàn	8/11/1974	Phó Hiệu trưởng	MN Đa Mai	V.07.02.05	01/12/2006	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
3	000614	Phan Thị Xoan	22/02/1977	Giáo viên	MN Bình Minh	V07.02.05	9 năm	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
4	000558	Nguyễn Thị Anh Sơn	14/9/1975	Giáo viên	MN Trần Nguyễn Hân	V07.02.05	8/2011	Đại học	5	20	75		100	Đạt
5	000603	Hoàng Ánh Tuyết	3/3/1968	Giáo viên	MN Hoa Sen	V.07.02.05	01/7/2005	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
6	000599	Nguyễn Thị Huyền Trang	16/3/1986	Giáo viên	MN Song Mai	V07.02.05	12/2011	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
7	000576	Thân Thị Hoài Thu	12/11/1976	Phó Hiệu trưởng	MN Lê Lợi	V.07.02.05	01/8/2012	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
8	000483	Vũ Thị Huệ	15/10/1965	Hiệu trưởng	MN Dĩnh Trì	V.07.02.05	6/2008	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
HUYỆN SON ĐỘNG (38)														
1	000506	Ngọc Thị Lê	12/10/1975	Phó Hiệu trưởng	MN An Châu	V.07.02.05	7N11	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
2	000613	Nông Thị Xoan	7/7/1972	Giáo viên	MN An Châu	V.07.02.05	7N12	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
3	000546	Tổng Quý Phượng	27/3/1987	Giáo viên	MN An Châu	V.07.02.05	6N3T	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
4	000591	Nguyễn Thị Thường	8/3/1984	Giáo viên	MN An Châu	V.07.02.05	6N3T	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
5	000511	Giáp Thị Liệu	14/8/1981	Giáo viên	MN An Lạc	V.07.02.05	7N	Đại học	5	20	75	2	102	Không đạt
6	000480	Trương Thị Ngọc Huệ	19/8/1976	Phó Hiệu trưởng	MN An Bá	V.07.02.05	8N1T	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
7	000471	Nguyễn Thị Hòa	12/7/1984	Giáo viên	MN An Bá	V.07.02.05	6N4T	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
8	000441	Nguyễn Thị Duyên	17/9/1980	Giáo viên	MN An Bá	V.07.02.05	8N1T	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
9	000559	Nguyễn Thị Tam	2/12/1979	Giáo viên	MN An Bá	V.07.02.05	8N1T	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
10	000531	Từ Thị Nghĩa	3/9/1984	Giáo viên	MN An Bá	V.07.02.05	6N4T	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
11	000616	Vì Thị Xuân	24/10/1979	Giáo viên	MN An Lập	V.07.02.05	40634	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Điểm sát hạch	Kết quả
										Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
12	000504	La Thị Lan	Lan	20/12/1982	Giáo viên	MN An Lập	V.07.02.05	40634	Đại học	5	20	75	2	102	14.5	Đạt
13	000545	Nguyễn Ngọc Phương	Phương	3/7/1971	Giáo viên	MN An Lập	V.07.02.05	40483	Đại học	5	20	75	1	101	18	Đạt
14	000542	Nguyễn Thị Phú	Phú	12/12/1968	Hiệu trưởng	MN Cẩm Đàn	V.07.02.05	38534	Đại học	5	20	75	1	101	14	Đạt
15	000433	Lương Thị Diệp	Diệp	20/12/1973	Phó Hiệu trưởng	MN Cẩm Đàn	V.07.02.05	38534	Đại học	5	20	75	1	101	16	Đạt
16	000443	Hoàng Thị Đạo	Đạo	7/3/1982	Phó Hiệu trưởng	MN Chiên Sơn	V.07.02.05	40483	Đại học	5	20	75	1	101	14.5	Đạt
17	000567	Nguyễn Thị Thảo	Thảo	3/8/1982	Giáo viên	MN Chiên Sơn	V.07.02.05	40483	Đại học	5	20	75	1	101	19	Đạt
18	000592	Nông Thị Tích	Tích	17/5/1981	Phó Hiệu trưởng	MN Giáo Liêm	V.07.02.05	40483	Đại học	5	20	75	1	101	15.5	Đạt
19	000572	Nguyễn Thị The	The	14/5/1979	Phó Hiệu trưởng	MN Hoa Sữa	V.07.02.05	12N	Đại học	5	20	75	2	102	18	Đạt
20	000549	Nguyễn Thị Quế	Quế	9/3/1981	Giáo viên	MN Hoa Sữa	V.07.02.05	8N1T	Đại học	5	20	75	1	101	16	Đạt
21	000577	Châu Thị Thu	Thu	25/08/1976	Hiệu trưởng	MN Hữu Sản	V.07.02.05	8N6T	Đại học	5	20	75	1	101	11.5	Đạt
22	000436	Hà Thị Dung	Dung	14/05/1973	Phó Hiệu trưởng	MN Hữu Sản	V.07.02.05	8N	Đại học	5	20	75	1	101	16	Đạt
23	000585	Hà Thị Thùy	Thùy	24/07/1971	Hiệu trưởng	MN Lê Viễn	V.07.02.05	8N	Đại học	5	20	75	1	101	14.5	Đạt
24	000451	Nguyễn Thị Hạt	Hạt	27/07/1977	Phó Hiệu trưởng	MN Lê Viễn	V.07.02.05	8N	Đại học	5	20	75	1	101	18.5	Đạt
25	000553	Nguyễn Thị Quỳnh	Quỳnh	15/05/1977	Giáo viên	MN Lê Viễn	V.07.02.05	7N3T	Đại học	5	20	75	2	102	16.5	Đạt
26	000439	Trương Thị Hồng Duyên	Duyên	23/08/1983	Hiệu trưởng	MN TT Thanh Sơn	V.07.02.05	40189	Đại học	5	20	75	1	101	16	Đạt
27	000568	Nguyễn Thị Thảo	Thảo	15/09/1973	Giáo viên	MN TT Thanh Sơn	V.07.02.05	40189	Đại học	5	20	75	0	100	15.5	Đạt
28	000569	Nguyễn Thị Thảo	Thảo	20/11/1980	Hiệu trưởng	MN Tuấn Đạo	V.07.02.05	39783	Đại học	5	20	75	1	101	13	Đạt
29	000609	Ninh Thị Vân	Vân	19/10/1974	Phó Hiệu trưởng	MN Tuấn Đạo	V.07.02.05	40878	Đại học	5	20	75	1	101	16.5	Đạt
30	000534	Lão Thị Ngọc	Ngọc	27/7/1979	Phó Hiệu trưởng	MN Tuấn Mậu	V.07.02.05	40483	Đại học	5	20	75	1	101	16.5	Đạt
31	000611	Nguyễn Trọng Việt	Việt	9/9/1985	Phó Hiệu trưởng	MN Thạch Sơn	V.07.02.05	9N7T	Đại học	5	20	75	2	102	18.5	Đạt
32	000507	Nông Thị Lệ	Lệ	22/12/1979	Giáo viên	MN Vân Sơn	V.07.02.05	9N5T	Đại học	5	20	75	0	100	18	Đạt
33	000563	La Thị Thanh	Thanh	26/5/1971	Hiệu trưởng	MN Vĩnh Khương	V.07.02.05	38147	Đại học	5	20	75	1	101	13	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng				Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
34	000548	Nông Thị Quê	11/5/1977	Phó Hiệu trưởng	MN Vĩnh Khương	V.07.02.05	38322	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
35	000530	Ngọc Thị Ngân	15/6/1981	Giáo viên	MN Vĩnh Khương	V.07.02.05	39539	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
36	000488	Nguyễn Thị Hương	4/5/1985	Giáo viên	MN Vĩnh Khương	V.07.02.05	39995	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
37	000540	Nông Thị Nhung	25/12/1979	Phó Hiệu trưởng	MN Yên Định	V.07.02.05	38322	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
38	000462	Bé Thị Hiệp	13/7/1979	Giáo viên	MN Yên Định	V.07.02.05	41000	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
HUYỆN LỤC NGẠN (28)														
1	000460	Vũ Thị Hiền	10/7/1982	Giáo viên	MN Biên Động	V.07.02.05	2012	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
2	000481	Đỗ Thị Huệ	25/5/1981	Giáo viên	MN Biên Động	V.07.02.05	2012	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
3	000502	Bùi Thị Hương	19/1/1982	Phó Hiệu trưởng	MN Chũ	V.07.02.05	2011	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
4	000555	Phạm Thị Quỳnh	1/5/1987	Giáo viên	MN Giáp Sơn	V.07.02.05	2012	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
5	000484	Lại Thị Huy	20/9/1982	Phó Hiệu trưởng	MN Hộ Đáp	V.07.02.05	2005	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
6	000479	Giáp Thị Hồng	15/2/1982	Phó Hiệu trưởng	MN Hồng Giang	V.07.02.05	2011	Đại học	5	20	75	2	102	Đạt
7	000501	Trần Thị Lại	10/2/1983	Phó Hiệu trưởng	MN Kim Sơn	V.07.02.05	2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
8	000509	Dương Thị Liễu	20/2/1986	Giáo viên	MN Mỹ An	V.07.02.05	2011	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
9	000496	Ngô Thị Hường	1/1/1982	Giáo viên	MN Nam Dương	V.07.02.05	2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
10	000523	Nguyễn Thị Quỳnh	19/11/1984	Giáo viên	MN Nam Dương	V.07.02.05	2012	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
11	000607	Ngô Thị Vân	16/12/1983	Giáo viên	MN Nghĩa Hồ	V.07.02.05	2009	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
12	000472	Nguyễn Thị Hòa	15/7/1987	Giáo viên	MN Phi Điền	V.07.02.05	2012	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
13	000536	Trần Thị Nguyên	17/7/1985	Giáo viên	MN Phong Minh	V.07.02.05	2012	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
14	000492	Bùi Thị Hương	9/9/1980	Phó Hiệu trưởng	MN Phong Vân	V.07.02.05	2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
15	000570	Hoàng Thị Thu	15/6/1982	Hiệu trưởng	MN Phú Nhuận	V.07.02.05	2006	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
16	000541	Hà Thị Nụ	10/12/1978	Phó Hiệu trưởng	MN Quý Sơn số 2	V.07.02.05	2005	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt

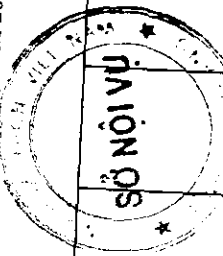
STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
17	000446	Nguyễn Thị Giang	10/4/1983	Giáo viên	MN Tân Hoa	V.07.02.05	2012	Đại học	5	20	75	0	100	14	Đạt
18	000427	Nguyễn Thị Chúc	9/4/1981	Phó Hiệu trưởng	MN Tân Mộc	V.07.02.05	2009	Đại học	5	20	75	1	101	18	Đạt
19	000486	Trương Thị Hưng	15/9/1981	Giáo viên	MN Tân Sơn	V.07.02.05	2008	Đại học	5	20	75	1	101	16	Đạt
20	000561	Nguyễn Thị Tám	25/11/1977	Giáo viên	MN Thanh Hải số 1	V.07.02.05	2011	Đại học	5	20	75	0	100	12	Đạt
21	000586	Lục Thị Thùy	22/12/1984	Giáo viên	MN Thanh Hải số 1	V.07.02.05	2012	Đại học	5	20	75	0	100	17	Đạt
22	000600	Chu Thị Lệ Trang	16/10/1985	Giáo viên	MN Thanh Hải số 2	V.07.02.05	2011	Đại học	5	20	75	1	101	17.5	Đạt
23	000519	Nguyễn Thị Mến	5/10/1985	Giáo viên	MN Mỹ An	V.07.02.05	2012	Đại học	5	20	75		100	17.5	Đạt
24	000527	Nguyễn Thị Nga	3/1/1988	Giáo viên	MN Đồng Cốc	V.07.02.05	2012	Đại học	5	20	75	1	101	17.5	Đạt
25	000602	Sầm Thị Tuyên	9/3/1988	Giáo viên	MN Mỹ An	V.07.02.05	2012	Đại học	5	20	75		100	16	Đạt
26	000610	Vĩ Thị Vân	7/10/1987	Giáo viên	MN Giáp Sơn	V.07.02.05	2012	Đại học	5	20	75		100	18.5	Đạt
27	000461	Vũ Thị Hiền	29/9/1988	Giáo viên	MN Giáp Sơn	V.07.02.05	2012	Đại học	5	20	75		100	19.5	Đạt
28	000487	Dương Thị Hương	13/7/1988	Giáo viên	MN Mỹ An	V.07.02.05	2012	Đại học	5	20	75		100	17.5	Đạt
HUYỆN LỤC NAM (37)															
1	000474	Vũ Thị Hòa	1/10/1990	Giáo viên	MN Bình Sơn	V.07.02.05	1/8/2012	Đại học	5	20	75	0	100	18.5	Đạt
2	000503	Ngô Thị Hương	29/11/1987	Giáo viên	MN Bình Sơn	V.07.02.05	1/4/2011	Đại học	5	20	75	0	100	15.5	Đạt
3	000532	Nguyễn Thị Nghiệp	10/8/1984	Giáo viên	MN Sao Mai	V.07.02.05	1/4/2011	Đại học	5	20	75	0	100	17	Đạt
4	000449	Lê Thị Hạnh	27/11/1965	Hiệu trưởng	MN Tam Di	V.07.02.05	1/1/2007	Đại học	5	20	75	1	101	15	Đạt
5	000493	Nguyễn Thị Hương	20/9/1981	Giáo viên	MN Tam Di	V.07.02.05	1/8/2012	Đại học	5	20	75	1	101	17	Đạt
6	000458	Đào Thị Hiền	12/12/1982	Phó Hiệu trưởng	MN TT Đồi Ngô	V.07.02.05	1/4/2011	Đại học	5	20	75	1	101	20	Đạt
7	000482	Nguyễn Thị Huệ	14/4/1983	Phó Hiệu trưởng	MN TT Đồi Ngô	V.07.02.05	1/7/2009	Đại học	5	20	75	1	101	17.5	Đạt
8	000525	Nguyễn Thị Thanh Nga	18/7/1981	Phó Hiệu trưởng	MN Đồng Phú	V.07.02.05	1/12/2011	Đại học	5	20	75	0	100	18	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng				Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
9	000564	Nghiêm Thị Thu	17/7/1981	Hiệu trưởng	MN Yên Sơn	V.07.02.05	1/12/2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
10	000601	Dương Thị Tuất	19/2/1982	Phó Hiệu trưởng	MN Yên Sơn	V.07.02.05	1/12/2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
11	000450	Nguyễn Thị Hào	1/1/1967	Hiệu trưởng	MN Vũ Xá	V.07.02.05	1/12/2008	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
12	000435	Đỗ Thị Dung	3/8/1975	Hiệu trưởng	MN Bảo Sơn 2	V.07.02.05	1/12/2011	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
13	000524	Lý Thị Phương	04/11/1973	Phó Hiệu trưởng	MN Cương Sơn	V.07.02.05	1/12/2011	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
14	000514	Nguyễn Thị Luận	04/02/1984	Phó Hiệu trưởng	MN Trường Sơn	V.07.02.05	1/7/2009	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
15	000574	Nguyễn Thị Thoa	14/12/1984	Giáo viên	MN Thanh Lâm	V.07.02.05	1/4/2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
16	000547	Hoàng Thị Phượng	13/04/1985	Giáo viên	MN Thanh Lâm	V.07.02.05	1/4/2011	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
17	000467	Bùi Thị Hoa	22/8/1987	Giáo viên	MN Vô Tranh 2	V.07.02.05	1/8/2012	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
18	000510	Nguyễn Thị Liễu	10/7/1971	Phó Hiệu trưởng	MN Trường Giang	V.07.02.05	1/12/2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
19	000485	Nguyễn Thị Huyền	10/11/1978	Giáo viên	MN Đan Hội	V.07.02.05	1/4/2011	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
20	000440	Ngô Thị Duyên	2/1/1984	Giáo viên	MN Bảo Sơn 1	V.07.02.05	1/4/2011	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
21	000583	Vũ Thị Phương	2/8/1981	Phó Hiệu trưởng	MN Nghĩa Phương 2	V.07.02.05	1/12/2011	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
22	000562	Nguyễn Thị Thạch	9/3/1982	Giáo viên	MN Tiên Hưng	V.07.02.05	1/7/2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
23	000513	Từ Thị Lụa	26/3/1972	Phó Hiệu trưởng	MN Huyền Sơn	V.07.02.05	1/12/2011	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
24	000552	Lê Thị Quỳnh	1/11/1977	Phó Hiệu trưởng	MN Phương Sơn	V.07.02.05	1/8/2012	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
25	000457	Vũ Thị Hậu	12/1/1984	Giáo viên	MN Nghĩa Phương 1	V.07.02.05	1/12/2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
26	000529	Nguyễn Thị Ngà	27/9/1976	Phó Hiệu trưởng	MN TT Lục Nam	V.07.02.05	1/12/2011	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
27	000438	Nguyễn Thị Dung	24/1/1984	Giáo viên	MN Lục Sơn	V.07.02.05	1/7/2009	Đại học	5	20	75	0	100	Đạt
28	000590	Trần Thị Thúy	08/06/1985	Giáo viên	MN Lục Sơn	V.07.02.05	1/8/2012	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt
29	000508	Phan Thị Liên	25/05/1982	Giáo viên	MN Bảo Đài	V.07.02.05	1/9/2012	Đại học	5	20	75	1	101	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Điểm sát hạch	Kết quả
									Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
30	000612	Nguyễn Thị Vù	01/10/1972	Phó Hiệu trưởng	MN Tiên Nha	V.07.02.05	1/12/2011	Đại học	5	20	75	1	101	16	Đạt
31	000423	Dương Thị Bình	07/11/1983	Giáo viên	MN Cẩm Lý	V.07.02.05	1/8/2012	Đại học	5	20	75	0	100	18	Đạt
32	000535	Nguyễn Thị Ngọc	10/08/1980	Phó Hiệu trưởng	MN Khám Lạng	V.07.02.05	1/4/2011	Đại học	5	20	75	2	102	17.5	Đạt
33	000551	Nguyễn Ngọc Quyên	20/08/1985	Giáo viên	MN Chu Điện	V.07.02.05	1/8/2012	Đại học	5	20	75	1	101	18	Đạt
34	000515	Nguyễn Thị Luyến	10/06/1978	Giáo viên	MN Chu Điện	V.07.02.05	1/4/2011	Đại học	5	20	75	2	102	18	Đạt
35	000489	Trần Thị Hương	25/6/1973	Phó Hiệu trưởng	MN Bắc Lũng	V.07.02.05	1/12/2011	Đại học	5	20	75	1	101	13.5	Đạt
36	000593	Nguyễn Thị Tiến	16/2/1982	Giáo viên	MN Bắc Lũng	V.07.02.05	1/8/2012	Đại học	5	20	75	0	100	17	Đạt
37	000447	Giáp Thị Mỹ Hạnh	1/5/1987	Giáo viên	MN Bắc Lũng	V.07.02.05	1/4/2011	Đại học	5	20	75	0	100	14	Đạt

DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG GIÁO VIÊN TỈNH BẮC GIANG NĂM 2018

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Ghi chú	Kết quả
								Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
KHOI TRUNG HỌC CƠ SỞ (697)														
HUYỆN HIỆP HÒA (80)														
1	Mãn Tiến Được	20/11/1981	Giáo viên	THCS Hoàng Văn	V.07.04.12	01/9/2006	ĐH	5	20	75	2	102		
2	Đỗ Thị Huệ	18/8/1983	Giáo viên	THCS Đại Thành	V.07.04.12	03/3/2006	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
3	Ngô Văn Dũng	04/02/1983	Giáo viên	THCS Thương Thắng	V.07.04.12	16/3/2005	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
4	Nguyễn Thị Lý	25/10/1979	Giáo viên	THCS Hoàng Thanh	V.07.04.12	01/3/2002	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
5	Phạm Thị Huyền Trâm	24/8/1981	Giáo viên	THCS Danh Thắng	V.07.04.12	01/4/2004	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
6	Vũ Thị Thu	29/9/1978	Giáo viên	THCS Mai Đình	V.07.04.12	01/4/2000	ĐH	5	20	75		100		Đạt
7	Phạm Thị Linh	09/12/1980	Giáo viên	THCS Hợp Thịnh	V.07.04.12	01/3/2002	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
8	Cao Thị Hương	10/7/1985	Giáo viên	THCS Danh Thắng	V.07.04.12	06/9/2008	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
9	Nguyễn Thị Hồng Vân	01/10/1978	Giáo viên	THCS Danh Thắng	V.07.04.12	01/3/2002	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
10	Ngô Thị Tuyết Minh	10/7/1984	Giáo viên	THCS Mai Trung	V.07.04.12	01/9/2012	ĐH						Bảng DH chưa đủ thời gian 01 năm	Không đạt
11	Nguyễn Thị Vân	25/6/1985	Giáo viên	THCS Hoàng Văn	V.07.04.12	01/9/2007	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
12	Đương Đức Toàn	11/7/1983	Giáo viên	THCS Hòa Sơn	V.07.04.12	14/11/2006	ĐH	5	20	75		100		Đạt
13	Đương Thị Lê Trang	02/5/1987	Giáo viên	THCS Hoàng Lương	V.07.04.12	01/9/2011	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
14	Trần Văn Thái	21/11/1985	Giáo viên	THCS Đại Thành	V.07.04.12	06/9/2008	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
15	Nguyễn Thị Thu Thủy	08/10/1984	Giáo viên	THCS Mai Trung	V.07.04.12	01/9/2011	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
16	Nguyễn Thị Thủy Hằng	03/03/1978	Giáo viên	THCS Xuân Cẩm	V.07.04.12	01/3/2002	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
17	Bùi Thị Minh Châm	28/8/1982	Giáo viên	THCS Hưng Sơn	V.07.04.12	01/6/2005	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
18	Đặng Đình Viễn	02/8/1982	Giáo viên	THCS Đoàn Bái	V.07.04.12	16/3/2005	ĐH	5	20	75	1	101		
19	Nguyễn Thị Bích Ngọc	02/9/1983	Giáo viên	THCS Đoàn Bái	V.07.04.12	16/3/2005	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
20	Nguyễn Thị Huyền	18/6/1987	Giáo viên	THCS Thanh Văn	V.07.04.12	01/9/2009	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
21	Nguyễn Văn Vinh	20/8/1986	Giáo viên	THCS Thương Thắng	V.07.04.12	01/9/2010	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
22	Nguyễn Thị Hiền	22/9/1982	Giáo viên	THCS Đức Thắng	V.07.04.12	01/4/2004	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
23	Đặng Thị Bích Ngọc	20/6/1984	Giáo viên	THCS Xuân Cẩm	V.07.04.12	03/3/2006	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
24	Trần Thị Hiếu	14/02/1981	Giáo viên	THCS Mai Trung	V.07.04.12	01/4/2004	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
25	Ngô Thị Thủy Lan	09/4/1980	Giáo viên	THCS Mai Trung	V.07.04.12	01/01/2006	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
26	Nguyễn Bá Đồng	16/8/1983	Giáo viên	THCS Hưng Sơn	V.07.04.12	11/8/2007	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
27	Ngô Thị Ngọc Bích	02/11/1985	Giáo viên	THCS Thương Thắng	V.07.04.12	01/9/2011	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
28	Trần Thị Châm	06/5/1985	Giáo viên	TH&THCS Đồng Tân	V.07.04.12	15/9/2012	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
29	Đổng Thị Luân	20/9/1982	Giáo viên	THCS Hương Lâm	V.07.04.12	01/4/2004	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
30	Đỗ Thị Hậu	22/6/1983	Giáo viên	THCS Hoàng Lương	V.07.04.12	06/9/2008	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
31	Ngô Thị Hương	09/10/1987	Giáo viên	THCS Mai Trung	V.07.04.12	01/9/2009	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
32	Nguyễn Thị Vân	25/12/1985	Giáo viên	THCS Thương Thắng	V.07.04.12	01/9/2008	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
33	Nguyễn Thị Khuyến	18/9/1982	Giáo viên	THCS Thương Thắng	V.07.04.12	16/3/2005	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
34	Dương Thị Diu	06/5/1985	Giáo viên	THCS Hoàng Văn	V.07.04.12	01/9/2010	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
35	Lê Thị Trang	05/7/1978	Giáo viên	THCS Mai Trung	V.07.04.12	01/3/2002	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
36	Nguyễn Thị Phương Thủy	18/8/1986	Giáo viên	THCS Danh Thắng	V.07.04.12	06/9/2008	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
37	Nguyễn Thị Thơm	13/12/1983	Giáo viên	THCS Đồng Tân	V.07.04.12	05/12/2008	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
38	Phạm Thị Thanh Thủy	27/4/1982	Giáo viên	THCS thị trấn Thắng	V.07.04.12	6/1/2005	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
39	Đinh Thị Văn Anh	20/9/1985	Giáo viên	THCS Đức Thắng	V.07.04.12	01/9/2010	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
40	Nguyễn Thị Hương	18/3/1981	Giáo viên	THCS Danh Thắng	V.07.04.12	01/4/2003	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
41	Nguyễn Ngọc Thảo	09/8/1983	Giáo viên	THCS thị trấn Thắng	V.07.04.12	06/9/2008	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
42	Nguyễn Thị Thảo	26/9/1982	Giáo viên	THCS Hợp Thịnh	V.07.04.12	01/4/2004	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
43	Nguyễn Thị Lợi	25/11/1979	Giáo viên	THCS Lương Phong	V.07.04.12	01/3/2002	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
44	Hoàng Thị Thủy	17/4/1984	Giáo viên	THCS Xuân Cẩm	V.07.04.12	01/9/2009	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
45	Nguyễn Văn Thái	09/10/1976	Giáo viên	THCS Đông Lỗ	V.07.04.12	01/3/2002	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
46	Bùi Thị Quỳnh	01/10/1983	Giáo viên	THCS thị trấn Thăng	V.07.04.12	01/9/2006	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
47	Hà Viết Đức	25/01/1983	Giáo viên	THCS Mai Đình	V.07.04.12	03/3/2006	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
48	Hà Thị Duyên	20/9/1985	Giáo viên	THCS Mai Đình	V.07.04.12	01/9/2008	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
49	Nghiêm Thị Hạnh	10/7/1986	Giáo viên	THCS Đông Lỗ	V.07.04.12	01/9/2008	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
50	Đặng Thị Thanh	26/10/1971	Giáo viên	THCS Hùng Sơn	V.07.04.12	01/4/1994	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
51	Ngô Thị Thu Lệ	10/9/1977	Giáo viên	THCS Đoàn Bái	V.07.04.12	01/4/2000	ĐH	5	20	75		100		Đạt
52	Nguyễn Thị Hà Giang	15/7/1978	Giáo viên	THCS Hoàng An	V.07.04.12	03/5/2001	ĐH	5	20	75		100		Đạt
53	Nguyễn Thị Hà	12/02/1979	Giáo viên	THCS Thường Thắng	V.07.04.12	03/5/2001	ĐH	5	20	75		100		Đạt
54	Dương Thị Hằng	01/02/1979	Giáo viên	THCS Hòa Sơn	V.07.04.12	01/3/2002	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
55	Nguyễn Thị Minh Hà	30/3/1979	Giáo viên	THCS Đoàn Bái	V.07.04.12	01/3/2002	ĐH	5	20	75		100		Đạt
56	Nguyễn Thị Bích	02/02/1977	Giáo viên	THCS Đức Thắng	V.07.04.12	01/4/2003	ĐH	5	20	75		100		Đạt
57	Nguyễn Quang Sáng	25/02/1973	Giáo viên	THCS Hòa Sơn	V.07.04.12	01/4/2003	ĐH	5	20	75		100		Đạt
58	Nguyễn Thị Thảo	30/10/1980	Giáo viên	TH&THCS Đại Thành	V.07.04.12	01/4/2003	ĐH	5	20	75		100		Đạt
59	La Thị Huyền	03/4/1981	Giáo viên	TH&THCS Đại Thành	V.07.04.12	01/4/2003	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
60	Nguyễn Minh Xuân	15/8/1981	Giáo viên	THCS Thường Thắng	V.07.04.12	01/4/2003	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
61	Trần Thị Thủy	25/8/1980	Giáo viên	THCS Hoàng Văn	V.07.04.12	01/4/2003	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
62	Nguyễn Thị Thủy	26/12/1981	Giáo viên	THCS Lương Phong	V.07.04.12	01/4/2003	ĐH	5	20	75		100		Đạt
63	Nguyễn Thị Lý	05/6/1983	Giáo viên	THCS Đoàn Bái	V.07.04.12	01/4/2004	ĐH	5	20	75		100		Đạt
64	Trương Thị Tuyết Mai	16/7/1978	Giáo viên	THCS Hương Lâm	V.07.04.12	01/4/2004	ĐH	5	20	75		100		Đạt
65	Vương Thị Hồng	23/12/1979	Giáo viên	THCS Thường Thắng	V.07.04.12	01/10/2004	ĐH	5	20	75		100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
66	Nguyễn Thị Minh Tâm	10/5/1983	Giáo viên	THCS Mai Đình	V.07.04.12	03/3/2006	ĐH						Bảng ĐH chưa đủ thời gian 01 năm	Không đạt
67	Nguyễn Thị Nhân	13/5/1985	Giáo viên	THCS Ngọc Sơn	V.07.04.12	01/9/2007	ĐH	5	20	75		100		Đạt
68	Phạm Văn Nam	16/3/1983	Giáo viên	THCS Hợp Thịnh	V.07.04.12	20/11/2007	ĐH	5	20	75		100		Đạt
69	Dương Thanh Đồng	16/11/1982	Giáo viên	TH&THCS Mai Đình	V.07.04.12	15/12/2008	ĐH	5	20	75		100		Đạt
70	Vũ Văn Trang	01/5/1985	Giáo viên	THCS Quang Minh	V.07.04.12	06/9/2008	ĐH	5	20	75		100		Đạt
71	Nguyễn Thị Viên	12/9/1984	Giáo viên	THCS Thái Sơn	V.07.04.12	01/9/2008	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
72	Vũ Thị Luyện	02/9/1977	Giáo viên	THCS Thương Thắng	V.07.04.12	01/9/2008	ĐH	5	20	75		100		Đạt
73	Nguyễn Thị Hương Giang	12/8/1984	Giáo viên	THCS Hoàng Thanh	V.07.04.12	05/02/2008	ĐH	5	20	75		100		Đạt
74	Đương Thị Hòa	04/3/1985	Giáo viên	THCS Hợp Thịnh	V.07.04.12	01/9/2009	ĐH	5	20	75		100		Đạt
75	Nguyễn Thị Ngọc	15/4/1982	Giáo viên	THCS Lương Phong	V.07.04.12	01/9/2009	ĐH	5	20	75		100		Đạt
76	Nguyễn Trung Kiên	01/8/1983	Giáo viên	THCS Xuân Cẩm	V.07.04.12	01/8/2010	ĐH						Thiếu Quyết định xếp lương trình độ CĐ	Không đạt
77	Nguyễn Thị Lan	05/5/1987	Giáo viên	THCS Thanh Văn	V.07.04.12	01/9/2010	ĐH	5	20	75		100		Đạt
78	Nguyễn Thị Thanh Loan	25/8/1984	Giáo viên	THCS Thương Thắng	V.07.04.12	01/9/2009	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
79	Hà Thị Thủy	16/4/1987	Giáo viên	THCS Lương Phong	V.07.04.12	01/9/2011	ĐH	5	20	75		100		Đạt
80	Ngô Thị Thu Hiền	07/7/1987	Giáo viên	TH&THCS Đại Thành	V.07.04.12	01/9/2011	ĐH	5	20	75		100		Đạt
HUYỆN LẠNG GIANG (80)														
1	Nguyễn Xuân Tỉnh	24/6/1978	Giáo viên	Tiểu học thị trấn Vôi	V.07.04.12	1/10/2004	ĐH Giáo dục thể chất						Mã ngạch THCS công tác ở trường TH	Không đạt
2	Nguyễn Thị Hà	2/5/1979	Giáo viên	Tiểu học thị trấn Vôi	V.07.04.12	1/10/2004	ĐH Anh						Mã ngạch THCS công tác ở trường TH	Không đạt
3	Trần Thị Thủy Linh	25/1/1984	Giáo viên	Tiểu học Xương Lâm	V.07.04.12	1/9/2006	ĐH Giáo dục thể chất						Mã ngạch THCS công tác ở trường TH	Không đạt
4	Lâm Thị Huệ	13/11/1981	Giáo viên	Tiểu học Tân Đình	V.07.04.12	16/11/2004	ĐH Anh						Mã ngạch THCS công tác ở trường TH	Không đạt
5	Giáp Thị Luân	17/7/1983	Giáo viên	Tiểu học Đào Mỹ	V.07.04.12	1/9/2006	ĐHSP Âm nhạc						Mã ngạch THCS công tác ở trường TH	Không đạt
6	Đinh Ngọc Hiền	14/10/1985	Giáo viên	THCS thị trấn Vôi	V.07.04.12	1/1/2007	ĐH Toán - Tin học	5	20	75	2	102		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Tình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
7	Ngô Thị Minh Tuyên	27/6/1979	Giáo viên	THCS thị trấn Vôi	V.07.04.12	1/10/2004	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
8	Nguyễn Văn Kính	9/5/1986	Giáo viên	THCS thị trấn Vôi	V.07.04.12	1/12/2007	ĐHSP						Tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
9	Nguyễn Thị Hoàng Anh	9/2/1986	Giáo viên	THCS thị trấn Vôi	V.07.04.12	1/12/2017	ĐHSP						Tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
10	Đinh Thị Mơ	1/11/1981	Giáo viên	THCS Yên Mỹ	V.07.04.12	1/10/2003	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
11	Vũ Minh Sơn	1/11/1984	Giáo viên	THCS Yên Mỹ	V.07.04.12	1/12/2007	ĐHSP						Tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
12	Nguyễn Thị Dung	5/8/1985	Giáo viên	THCS Tân Hưng	V.07.04.12	1/12/2007	ĐHSP						Tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
13	Nguyễn Công Hòa	25/10/1979	Giáo viên	THCS Tân Hưng	V.07.04.12	1/10/2004	ĐHSP	5	20	75	3	103		Đạt
14	Hà Thuý Linh	2/3/1982	Giáo viên	THCS Tân Hưng	V.07.04.12	1/9/2009	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
15	Nguyễn Sỹ Phú	26/12/1981	Giáo viên	THCS Xương Lâm	V.07.04.12	1/12/2007	ĐHSP						Tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
16	Mai Thị Hương	9/6/1976	Giáo viên	THCS Xương Lâm	V.07.04.12	1/10/2004	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
17	Đỗ Thị Quế Lâm	14/4/1983	Giáo viên	THCS Xương Lâm	V.07.04.12	1/10/2004	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
18	Tổng Thị Dương	7/10/1982	Giáo viên	THCS Xương Lâm	V.07.04.12	16/9/2004	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
19	Nguyễn Thị Thu Hằng	22/9/1989	Giáo viên	THCS Xương Lâm	V.07.04.12	1/10/2012	ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
20	Nguyễn Văn Chính	13/11/1982	Giáo viên	THCS Xương Lâm	V.07.04.12	1/9/2005	ĐHSP						QB TD 09/2012 chưa đủ thời gian 06 năm	Đạt
21	Hà Thị Hát	23/3/1981	Giáo viên	THCS Phi Mô	V.07.04.12	1/10/2002	ĐHSP	5	20	75	1	101		Không đạt
22	Như Thị Tuyết Dung	17/9/1981	Giáo viên	THCS Phi Mô	V.07.04.12	1/10/2002	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
23	Vũ Thị Minh	5/11/1981	Giáo viên	THCS Phi Mô	V.07.04.12	1/10/2002	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
24	Nguyễn Thanh Huyền	14/10/1980	Giáo viên	THCS Hương Lạc	V.07.04.12	1/10/2003	ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
25	Nguyễn Thị Hương	17/11/1983	Giáo viên	THCS Hương Lạc	V.07.04.12	1/10/2002	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
26	Đương Văn Hùng	20/5/1982	Giáo viên	THCS Tân Thanh	V.07.04.12	1/9/2005	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
27	Nguyễn Thị Hồng Mơ	31/5/1983	Giáo viên	THCS Tân Thanh	V.07.04.12	1/12/2007	ĐHSP						Tuyển dụng làm thư viện	Đạt
28	Đặng Thị Hoàn	4/11/1982	Giáo viên	THCS Tân Dĩnh	V.07.04.12	1/12/2007	ĐHSP						Tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
29	Nguyễn Thị Lan Dung	15/5/1984	Giáo viên	THCS Tân Dĩnh	V.07.04.12	16/9/2004	ĐHSP	5	20	75	1	101		Không đạt
30	Mai Thị Kim Tuyền	16/2/1977	Giáo viên	THCS Tân Dĩnh	V.07.04.12	1/9/2006	ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
					V.07.04.12	1/10/2004	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
31	Hoàng Thị Hoàn	9/2/1980	Giáo viên	THCS Tân Định	V.07.04.12	1/1/2000	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
32	Hoàng Thanh Hà	2/4/1987	Giáo viên	THCS Thái Đào	V.07.04.12	1/9/2008	Hóa học ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
33	Nguyễn Đình Năng	13/3/1979	Giáo viên	THCS Thái Đào	V.07.04.12	1/1/2000	Vật lý ĐH Giáo dục thể dục thể thao	5	20	75	2	102		Đạt
34	Đặng Thị Ngọc	20/3/1985	Giáo viên	THCS Thái Đào	V.07.04.12	1/9/2006	ĐH Toán học ĐH Sư phạm	5	20	75	0	100		Đạt
35	Ngô Thị Lan	16/11/1988	Giáo viên	THCS Thái Đào	V.07.04.12	1/9/2010	ĐH Giáo dục ĐH Sư phạm	5	20	75	2	102		Đạt
36	Đỗ Thành Trung	20/3/1980	Giáo viên	THCS Đại Lâm	V.07.04.12	1/9/2001	ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
37	Nguyễn Công Huân	9/6/1984	Giáo viên	THCS Đại Lâm	V.07.04.12	1/1/2007	Sinh học ĐH Giáo dục thể dục thể thao						Tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
38	Giáp Văn Tùng	6/5/1984	Giáo viên	THCS Đại Lâm	V.07.04.12	1/8/2009	ĐHSP						Tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
39	Nguyễn Thị'Brien	22/10/1986	Giáo viên	THCS Xuân Hương	V.07.04.12	1/10/2008	Lịch sử ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
40	Phạm Thị Giang	15/6/1982	Giáo viên	THCS Xuân Hương	V.07.04.12	16/9/2004	Âm nhạc ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
41	Nguyễn Hồng Trang	29/6/1979	Giáo viên	THCS Xuân Hương	V.07.04.12	1/1/2000	Hóa học ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
42	Đặng Thùy Linh	2/6/1985	Giáo viên	THCS Xuân Hương	V.07.04.12	1/3/2009	Hóa học ĐHSP						Không có thành tích theo quy định	Không đạt
43	Nguyễn Văn Phương	20/2/1985	Giáo viên	THCS Mỹ Thái	V.07.04.12	1/1/2007	Âm nhạc ĐHSP						Tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
44	Đổng Thị Thanh Hòa	26/12/1981	Giáo viên	THCS Mỹ Thái	V.07.04.12	16/9/2004	Mỹ thuật ĐH Công nghệ IT	5	20	75	0	100		Đạt
45	Phạm Văn Tuấn	22/5/1984	Giáo viên	THCS Mỹ Thái	V.07.04.12	1/12/2007	ĐH Toán học ĐH Sư phạm						Tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
46	Nguyễn Thị Hằng	4/5/1982	Giáo viên	THCS Mỹ Thái	V.07.04.12	1/9/2008	- Tin ứng dụng ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
47	Trịnh Văn Nam	19/9/1985	Giáo viên	THCS Dương Đức	V.07.04.12	1/12/2007	Âm nhạc ĐHSP						Tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
48	Vũ Thị Thu Thủy	22/7/1986	Giáo viên	THCS Dương Đức	V.07.04.12	1/9/2007	Mỹ thuật ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
49	Nguyễn Thị Thùy	22/8/1983	Giáo viên	THCS Dương Đức	V.07.04.12	1/9/2006	Toán học ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
50	Bùi Văn Tuyên	10/10/1982	Giáo viên	THCS Mỹ Hà	V.07.04.12	1/10/2003	Hóa học ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
51	Quản Văn Điện	24/11/1979	Giáo viên	THCS Mỹ Hà	V.07.04.12	1/10/2002	Sinh học ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
52	Nghiêm Văn Thảo	23/1/1991	Giáo viên	THCS Mỹ Hà	V.07.04.12	1/9/2012	Hóa học ĐH Công nghệ IT	5	20	75	0	100		Đạt
53	Bùi Thị Lan Hương	5/10/1982	Giáo viên	THCS Tiên Lục	V.07.04.12	16/11/2004	Sinh học ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
54	Ninh Thị Thu	2/6/1986	Giáo viên	THCS Tiên Lục	V.07.04.12	1/9/2010	Mỹ thuật ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp giữ	Thời gian giữ hạn (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
55	Nguyễn Đình Xuyên	22/3/1985	Giáo viên	THCS Tiên Lục	V.07.04.12	5/12/2007	ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
56	Lê Văn Trung	10/1/1984	Giáo viên	THCS Tiên Lục	V.07.04.12	1/12/2007	ĐHSP						Tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
57	Nguyễn Thị Hương	1/7/1972	Giáo viên	THCS Đào Mỹ	V.07.04.12	1/10/2004	ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
58	Nguyễn Mạnh Tuấn	25/6/1984	Giáo viên	THCS Đào Mỹ	V.07.04.12	1/1/2007	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
59	Ngô Thị Thanh Nhân	3/1/1988	Giáo viên	THCS Đào Mỹ	V.07.04.12	1/9/2010	Sinh học	5	20	75	0	100		Đạt
60	Đổng Minh Khu	22/9/1985	Giáo viên	THCS Đào Mỹ	V.07.04.12	1/9/2010	ĐH Giáo dục	5	20	75	0	100		Đạt
61	Đổng Thị Phương	12/12/1989	Giáo viên	THCS Nghĩa Hưng	V.07.04.12	1/9/2007	ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
62	Trần Thị Út	10/8/1985	Giáo viên	THCS Nghĩa Hưng	V.07.04.12	1/9/2010	ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
63	Phạm Kim Sơn	10/5/1982	Giáo viên	THCS Nghĩa Hưng	V.07.04.12	1/9/2006	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
64	Đổng Thị Mai	27/2/1975	Giáo viên	THCS Nghĩa Hòa	V.07.04.12	1/11/2009	Địa lý	5	20	75	0	100		Đạt
65	Tô Thị Hằng	25/8/1976	Giáo viên	THCS Nghĩa Hòa	V.07.04.12	1/10/2004	ĐH Giáo dục thể	5	20	75	3	103		Đạt
66	Vũ Thị Hằng	5/11/1982	Giáo viên	THCS Nghĩa Hòa	V.07.04.12	1/10/2004	ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
67	Trần Thu Thủy	27/9/1987	Giáo viên	THCS An Hà	V.07.04.12	16/3/2005	ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
68	Đào Thị Nguyệt	14/4/1984	Giáo viên	THCS An Hà	V.07.04.12	1/9/2010	Hóa học	5	20	75	1	101		Đạt
69	Trần Thị Thu Hằng	4/4/1987	Giáo viên	THCS An Hà	V.07.04.12	1/9/2008	ĐHSP	5	20	75	3	103		Đạt
70	Hoàng Thanh Nghị	15/11/1981	Giáo viên	THCS Quang Thịnh	V.07.04.12	1/9/2010	Ngoại ngữ	5	20	75	0	100		Đạt
71	Quản Thị Thu	4/1/1978	Giáo viên	THCS Quang Thịnh	V.07.04.12	1/3/2004	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
72	Đặng Quang Hòa	14/3/1984	Giáo viên	THCS Quang Thịnh	V.07.04.12	1/10/2002	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
73	Nguyễn Thị Quyên	12/5/1982	Giáo viên	THCS Quang Thịnh	V.07.04.12	1/9/2007	Ngoại ngữ	5	20	75	0	100		Đạt
74	Đỗ Thị Bích Liên	27/11/1978	Giáo viên	THCS Tân Thịnh	V.07.04.12	16/9/2004	ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
75	Ngô Quang Nhân	22/9/1981	Giáo viên	THCS Tân Thịnh	V.07.04.12	1/11/2000	ĐHSP	5	20	75	0	100		Đạt
76	Trần Thị Thanh	2/12/1977	Giáo viên	THCS Hương Sơn	V.07.04.12	1/9/2010	Ngoại ngữ	5	20	75	1	101		Đạt
77	Trương Kim Thoa	1/11/1981	Giáo viên	THCS Hương Sơn	V.07.04.12	1/10/2004	ĐH Công nghệ TT	5	20	75	1	101		Đạt
78	Đặng Thị Cúc	17/12/1990	Giáo viên	THCS Hương Sơn	V.07.04.12	1/2/2004	Ngoại ngữ	5	20	75	0	100		Đạt
79	Lý Thị Mai	14/10/1990	Giáo viên	PTCS thị trấn Kép	V.07.04.12	1/9/2012	Sinh học	5	20	75	0	100		Đạt
				PTCS thị trấn Kép	V.07.04.12	1/8/2012	ĐHSP						QP TD 08/2012 chưa đủ thời gian 06 năm	Không đạt
							Sinh học						Tuyển dụng làm thư viện	Không đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
80	Ngô Văn Tuấn	4/3/1983	Giáo viên	PTCS Việt Hương	V.07.04.12	1/12/2007	DHSP Âm nhạc							Không đạt
HUYỆN TÂN YÊN (77)														
1	Trần Thị Vui	15/11/1985	Giáo viên	Trường THCS Việt Lập	V.07.04.12	07/04/2008	DHSP	5	20	75	1	101		Đạt
2	Trịnh Kế Minh	8/8/1974	Giáo viên	Trường THCS Việt Lập	V.07.04.12	1/4/2003	DHSP	5	20	75		100		Đạt
3	Lương Đức Đoan	12/9/1979	Giáo viên	Trường THCS Liên Chung	V.07.04.12	9/9/2003	DHSP	5	20	75		100		Đạt
4	Phạm Thị Chuyền	18/12/1984	Giáo viên	Trường THCS Liên Chung	V.07.04.12	19/6/2006	DHSP	5	20	75		100		Đạt
5	Lê Thị Huyền	10/2/1982	Giáo viên	Trường THCS Liên Chung	V.07.04.12	28/2/2008	DHSP	5	20	75		100		Đạt
6	Vũ Thị Thanh Thủy	23/10/1978	Giáo viên	Trường THCS Liên Chung	V.07.04.12	13/9/2000	DHSP	5	20	75	2	102		Đạt
7	Nguyễn Thị Duyên	19/4/1985	Giáo viên	Trường THCS Hợp Đức	V.07.04.12	2/10/2009	DHSP	5	20	75		100		Đạt
8	Nguyễn Thị Khanh	9/2/1984	Giáo viên	Trường THCS Hợp Đức	V.07.04.12	19/6/2006	DHSP	5	20	75	1	101		Đạt
9	Trần Thị Thanh Thủy	31/10/1983	Giáo viên	Trường THCS Hợp Đức	V.07.04.12	27/11/2007	DHSP	5	20	75	2	102		Đạt
10	Đỗ Thanh Bình	20/6/1975	Giáo viên	Trường THCS Hợp Đức	V.07.04.12	13/9/2000	DHSP	5	20	75	2	102		Đạt
11	Ngô Thị Hương Giang	19/4/1981	Giáo viên	Trường THCS Hợp Đức	V.07.04.12	10/9/2003	DHSP	5	20	75	2	102		Đạt
12	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11/11/1983	Giáo viên	Trường THCS Phúc Hòa	V.07.04.12	28/2/2008	DHSP	5	20	75		100		Đạt
13	Trần Thị Liên	25/7/1982	Giáo viên	Trường THCS Phúc Hòa	V.07.04.12	16/3/2005	DHSP	5	20	75		100		Đạt
14	Ngô Thị Tuyền	20/7/1985	Giáo viên	Trường THCS Phúc Hòa	V.07.04.12	1/9/2007	DHSP	5	20	75	1	101		Đạt
15	Bùi Thị Thanh Hương	7/9/1983	Giáo viên	Trường THCS Phúc Hòa	V.07.04.12	31/8/2010	DHSP	5	20	75	1	101		Đạt
16	Trần Ngọc Cương	26/6/1985	Giáo viên	Trường THCS Tân Trung	V.07.04.12	1/12/2012	DHSP	5	20	75		100		Đạt
17	Trần Thị Nga	25/7/1980	Giáo viên	Trường THCS Tân Trung	V.07.04.12	1/4/2003	DHSP	5	20	75		100		Đạt
18	Hoàng Thị Hương	12/11/1983	Giáo viên	Trường THCS Tân Trung	V.07.04.12	4/9/2008	DHSP	5	20	75		100		Đạt
19	Nguyễn Thị Hồng	3/2/1981	Giáo viên	Trường THCS Tân Trung	V.07.04.12	30/6/2005	DHSP	5	20	75		100		Đạt
20	Trần Thị Thủy	19/11/1989	Giáo viên	Trường THCS Liên Sơn	V.07.04.12	1/9/2011	DHSP	5	20	75		100		Đạt
21	Dương Thị Minh Ngọc	14/10/1986	Giáo viên	Trường THCS Liên Sơn	V.07.04.12	1/9/2009	DHSP	5	20	75	1	101		Đạt
22	Vũ Thị Hương	28/10/1984	Giáo viên	Trường THCS Liên Sơn	V.07.04.12	28/2/2006	DHSP	5	20	75	1	101		Đạt
23	Lương Thị Lan	15/9/1986	Giáo viên	Trường THCS An Dương	V.07.04.12	1/9/2008	DHSP	5	20	75		100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
24	Hoàng Thị Minh Thoa	19/2/1985	Giáo viên	Trường THCS An Dương	V.07.04.12	4/9/2008	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
25	Vũ Đức Việt	26/11/1981	Giáo viên	Trường THCS An Dương	V.07.04.12	1/4/2003	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
26	Nguyễn Thị Thủy	6/4/1985	Giáo viên	Trường THCS thị trấn Nhà Nam	V.07.04.12	1/9/2009	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
27	Dương Xuân Đức	21/8/1982	Giáo viên	Trường THCS thị trấn Nhà Nam	V.07.04.12	16/3/2005	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
28	Dương Thị Nhung	18/5/1977	Giáo viên	Trường THCS Lan Giới	V.07.04.12	1/10/1999	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
29	Thân Thị Hiền	14/10/1981	Giáo viên	Trường THCS Lan Giới	V.07.04.12	2/1/3/2003	ĐHSP	5	20	75	2	102		Đạt
30	Đình Thị Lư	4/2/1979	Giáo viên	Trường THCS Lan Giới	V.07.04.12	1/9/2010	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
31	Nguyễn Văn Hưng	26/8/1984	Giáo viên	Trường THCS Lan Giới	V.07.04.12	1/9/2012	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
32	Phạm Đức Quân	1/1/1984	Giáo viên	Trường THCS Lan Giới	V.07.04.12	1/9/2011	ĐHSP	5	20	75	2	102		Đạt
33	Nguyễn Văn Vũ	20/10/1978	Phó Hiệu Trưởng	Trường THCS Lan Giới	V.07.04.12	1/1/2001	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
34	Nguyễn Thị Thanh	14/6/1977	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Hồng	V.07.04.12	3/5/2001	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
35	Đặng Thị Hà	24/9/1978	Giáo viên	Trường THCS Đại Hòa	V.07.04.12	3/5/2001	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
36	Vương Văn Tú	18/9/1985	Giáo viên	Trường THCS Đại Hòa	V.07.04.12	30/8/2011	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
37	Hoàng Anh Văn	8/4/1986	Giáo viên	Trường THCS Đại Hòa	V.07.04.12	1/9/2010	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
38	Nguyễn Thị Thu Hương	25/8/1986	Giáo viên	Trường THCS Đại Hòa	V.07.04.12	1/9/2009	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
39	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/4/1977	Giáo viên	Trường THCS Phúc Sơn	V.07.04.12	1/8/2003	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
40	Nguyễn Thị Thắng	21/11/1984	Giáo viên	Trường THCS Phúc Sơn	V.07.04.12	4/9/2008	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
41	Hoàng Thị Chuyển	13/2/1979	Giáo viên	Trường THCS Phúc Sơn	V.07.04.12	3/3/2001	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
42	Nguyễn Thị Hương	5/7/1978	Giáo viên	Trường THCS Lam Cốt	V.07.04.12	3/5/2001	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
43	Bùi Thị Yên	28/2/1979	Giáo viên	Trường THCS Lam Cốt	V.07.04.12	3/5/2001	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
44	Lê Thị Thu Huyền	8/2/1986	Giáo viên	Trường THCS Song Ván	V.07.04.12	30/8/2011	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
45	Nguyễn Quang Nghĩa	22/3/1976	Giáo viên	Trường THCS Song Ván	V.07.04.12	1/4/2003	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
46	Dương Thị Phương	4/8/1984	Giáo viên	Trường THCS Ngọc Ván	V.07.04.12	1/9/2007	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
47	Dương Thị Hải	10/9/1983	Giáo viên	Trường THCS Ngọc Ván	V.07.04.12	1/4/2004	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
48	Dương Thị Tuyết	4/2/1984	Giáo viên	Trường THCS Ngọc Ván	V.07.04.12	1/9/2010	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
49	Lương Thị Lan Oanh	23/2/1987	Giáo viên	Trường THCS Ngọc Văn	V.07.04.12	1/9/2009	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
50	Nguyễn Thị Toán	1/6/1978	Giáo viên	Trường THCS Việt Ngọc	V.07.04.12	1/9/2009	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
51	Nguyễn Thị Diễm	20/10/1983	Giáo viên	Trường THCS Việt Ngọc	V.07.04.12	1/3/2006	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
52	Nguyễn Thị Hà	6/7/1979	Giáo viên	Trường THCS Việt Ngọc	V.07.04.12	1/1/2003	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
53	Nguyễn Thủy Linh	8/2/1983	Giáo viên	Trường THCS Việt Ngọc	V.07.04.12	1/9/2008	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
54	Nguy Thị Tinh	25/11/1981	Giáo viên	Trường THCS Việt Ngọc	V.07.04.12	31/3/2004	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
55	Nguyễn Thị Văn Anh	28/6/1982	Giáo viên	Trường THCS Ngọc Châu	V.07.04.12	31/3/2004	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
56	Nguyễn Thị Lệ	1/8/1971	Giáo viên	Trường THCS Ngọc Châu	V.07.04.12	15/9/1994	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
57	Thân Thị Hạnh	5/8/1985	Giáo viên	Trường THCS Cao Xá	V.07.04.12	4/9/2008	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
58	Đinh Thu Thảo	16/5/1984	Giáo viên	Trường THCS Cao Xá	V.07.04.12	1/9/2007	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
59	Nguyễn Thị Hằng	8/8/1983	Giáo viên	Trường THCS Cao Xá	V.07.04.12	4/9/2008	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
60	Nguyễn Thị Lệ	17/10/1987	Giáo viên	Trường THCS Cao Xá	V.07.04.12	1/9/2012	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
61	Dương Thị Bình	2/10/1980	Giáo viên	Trường THCS Quê Nham	V.07.04.12	10/4/2003	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
62	Lý Thị Đồng	16/10/1983	Giáo viên	Trường THCS Quê Nham	V.07.04.12	31/8/2010	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
63	Tổng Thị Huỳnh	10/3/1977	Giáo viên	Trường THCS Quê Nham	V.07.04.12	31/12/2001	ĐHSP	5	20	75	1	101		Đạt
64	Nguyễn Thị Minh Hồng	3/9/1987	Giáo viên	Trường THCS Quê Nham	V.07.04.12	1/9/2009	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
65	Hồ Thị Xuân	4/2/1982	Giáo viên	Trường THCS Quê Nham	V.07.04.12	1/9/2007	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
66	Nguyễn Thị Thanh	14/10/1982	Giáo viên	Trường THCS Ngọc Thiên	V.07.04.12	16/3/2005	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
67	Cam Thị Hải	22/3/1983	Giáo viên	Trường THCS Ngọc Thiên	V.07.04.12	1/3/2004	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
68	Nguyễn Văn Lục	11/4/1984	Phó Hiệu Trưởng	Trường THCS Ngọc Thiên	V.07.04.12	5/12/2007	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
69	Nguyễn Thị Hồng Nhung	14/11/1984	Giáo viên	Trường THCS Ngọc Lý	V.07.04.12	1/9/2010	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
70	Dương Thị Chúc	1/6/1976	Giáo viên	Trường THCS Ngọc Lý	V.07.04.12	1/4/2000	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
71	Vị Thị Hà	20/2/1982	Giáo viên	Trường THCS Ngọc Lý	V.07.04.12	16/3/2005	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
72	Giáp Thị Vui	19/11/1986	Giáo viên	Trường THCS Cao Thương	V.07.04.12	4/9/2008	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
73	Bùi Thị Lý	27/8/1983	Giáo viên	Trường THCS Cao Thương	V.07.04.12	1/3/2006	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
74	Nguyễn Thị Thủy	15/7/1986	Giáo viên	Trường THCS TT Cao Thượng	V.07.04.12	1/9/2009	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
75	Nguyễn Thái Sinh	1/6/1983	Giáo viên	Trường THCS TT Cao Thượng	V.07.04.12	1/9/2009	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
76	Ngô Quang Trung	9/12/1985	Giáo viên	Trường THCS TT Cao Thượng	V.07.04.12	4/9/2008	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
77	Nguyễn Văn Duyệt	18/3/1983	Giáo viên	Trường THCS TT Cao Thượng	V.07.04.12	1/3/2006	ĐHSP	5	20	75		100		Đạt
HUYỆN VIỆT YẾN (61)														
1	Nguyễn Thị Chuyên	04/10/1974	Giáo viên, Tổ phó CM	Trường THCS Bích Sơn	V.07.04.12	9 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
2	Ngô Thị Minh	01/07/1982	Giáo viên, Tổ phó CM	Trường THCS Hoàng Ninh	V.07.04.12	13 năm 9 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
3	Lê Thị Hồng Hào	23/06/1982	Giáo viên, Phó CTCD	Trường THCS Hoàng Ninh	V.07.04.12	14 năm 8 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
4	Đương Thị Thủy	04/07/1982	Giáo viên	Trường THCS Hoàng Ninh	V.07.04.12	14 năm 8 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
5	Nguyễn Thị Hoàng Uyên	13/11/1985	Giáo viên, Bí thư Đoàn	Trường THCS Hoàng Ninh	V.07.04.12	11 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
6	Nguyễn Văn Hợp	29/03/1980	Giáo viên	Trường THCS Hồng Thái	V.07.04.12	16 năm 9 tháng	Đại học	5	20	75	2	102		Đạt
7	Đặng Thị Kim Lan	28/04/1981	Giáo viên	Trường THCS Hồng Thái	V.07.04.12	15 năm 8 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
8	Nguyễn Lan Phương	20/09/1989	Giáo viên	Trường THCS Hồng Thái	V.07.04.12	6 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
9	Nguyễn Thị Hương	11/08/1980	Giáo viên	Trường THCS Hồng Thái	V.07.04.12	15 năm 8 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
10	Đương Thị Yến	15/05/1981	Giáo viên	Trường THCS Hương Mai	V.07.04.12	12 năm 9 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
11	Nguyễn Thị Hương	11/12/1989	Giáo viên	Trường THCS Hương Mai	V.07.04.12	6 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
12	Nguyễn Công Đoàn	01/08/1984	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Thân Nhân Trung	V.07.04.12	10 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	4	104		Đạt
13	Nguyễn Xuân Tiến	20/06/1982	Giáo viên	Trường THCS Thân Nhân Trung	V.07.04.12	14 năm 6 tháng	Đại học	5	20	75	4	104		Đạt
14	Nguyễn Thị Phương Anh	01/11/1985	Giáo viên	Trường THCS Thân Nhân Trung	V.07.04.12	10 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	4	104		Đạt
15	Nguyễn Thị Phương Chi	06/11/1981	Giáo viên	Trường THCS Thân Nhân Trung	V.07.04.12	9 năm 1 tháng	Đại học	5	20	75	2	102		Đạt
16	Nguyễn Thị Hồng	25/07/1987	Giáo viên	Trường THCS Thân Nhân Trung	V.07.04.12	9 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
17	Vũ Thanh Hoa	10/05/1987	Giáo viên	Trường THCS Thân Nhân Trung	V.07.04.12	8 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
18	Đoàn Thị Việt	31/12/1983	Giáo viên	Trường THCS Minh Đức	V.07.04.12	8 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	2	102		Đạt
19	Giáp Thị Lợi	19/09/1983	Giáo viên	Trường THCS Minh Đức	V.07.04.12	11 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
20	Lư Văn Hiếu	10/11/1983	Giáo viên	Trường THCS Minh Đức	V.07.04.12	9 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
21	Nguyễn Thị Bích Vân	24/11/1976	Giáo viên	Trường THCS Nghĩa Trung	V.07.04.12	16 năm 9 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
22	Giáp Thị Lệ Hằng	23/10/1981	Giáo viên	Trường THCS Nghĩa Trung	V.07.04.12	14 năm 8 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
23	Đương Lệ Thủy	27/10/1976	Giáo viên, CTCĐ	Trường THCS Ninh Sơn	V.07.04.12	17 năm 7 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
24	Đặng Thị Thủy	30/10/1983	Giáo viên	Trường THCS Ninh Sơn	V.07.04.12	11 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	2	102		Đạt
25	Lã Thị Thắm	12/04/1983	Giáo viên	Trường THCS Ninh Sơn	V.07.04.12	11 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	5	105		Đạt
26	Nguyễn Thị Liên	07/04/1978	Giáo viên	Trường THCS Quang Châu	V.07.04.12	18 năm 8 tháng	Đại học	5	20	75	5	105		Đạt
27	Nguyễn Thu Hương	20/12/1986	Giáo viên	Trường THCS Quang Châu	V.07.04.12	8 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	5	105		Đạt
28	Trần Thị Huyền	30/07/1989	Giáo viên	Trường THCS Quang Châu	V.07.04.12	6 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	5	105		Đạt
29	Vũ Thị Thủy Nga	19/05/1980	Giáo viên	Trường THCS Quang Minh	V.07.04.12	15 năm 9 tháng	Đại học	5	20	75	2	102		Đạt
30	Thần Thị Vinh	08/10/1983	Giáo viên	Trường THCS Quảng Minh	V.07.04.12	13 năm 9 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
31	Nguyễn Văn Giang	05/09/1982	Giáo viên	Trường THCS Tăng Tiến	V.07.04.12	11 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	2	102		Đạt
32	Hoàng Văn Mạnh	30/09/1981	Giáo viên	Trường THCS Tăng Tiến	V.07.04.12	15 năm 8 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
33	Nguyễn Thị Lan Phương	17/09/1986	Giáo viên	Trường THCS Tăng Tiến	V.07.04.12	7 năm 2 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
34	Lương Thị Dung	08/09/1978	Giáo viên	Trường THCS thị trấn Nền	V.07.04.12	16 năm 9 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
35	Hoàng Thị Phương Nhung	25/04/1985	Giáo viên	Trường THCS thị trấn Nền	V.07.04.12	7 năm 0 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
36	Thần Thị Hà	16/12/1986	Giáo viên	Trường THCS thị trấn Nền	V.07.04.12	9 năm 1 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
37	Nguyễn Văn Trung	26/06/1981	Giáo viên, Tổng phụ trách đội	Trường THCS Tiên Sơn	V.07.04.12	14 năm 8 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
38	Đỗ Thị Thắm	20/11/1983	Giáo viên	Trường THCS Tiên Sơn	V.07.04.12	13 năm 9 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
39	Cáp Thị Thành	03/05/1983	Giáo viên	Trường THCS Tiên Sơn	V.07.04.12	12 năm 1 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
40	Lương Đức Chúc	09/12/1987	Giáo viên	Trường THCS Tiên Sơn	V.07.04.12	06 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
41	Nguyễn Thị Thảo	02/04/1987	Giáo viên	Trường THCS Tiên Sơn	V.07.04.12	7 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
42	Nguyễn Văn Quang	16/12/1980	Giáo viên, CTCĐ	Trường THCS Thượng Lan	V.07.04.12	14 năm 8 tháng	Đại học	5	20	75	3	103		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
43	Nguyễn Văn Tuấn	08/12/1980	Giáo viên	Trường THCS Trung Sơn	V.07.04.12	16 năm 9 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
44	Chu Văn Cường	10/06/1982	Giáo viên	Trường THCS Trung Sơn	V.07.04.12	13 năm 9 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
45	Nguyễn Thị Giang	15/08/1987	Giáo viên, TTCM	Trường THCS Tự Lan	V.07.04.12	8 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	2	102		Đạt
46	Nguyễn Thị Hạnh	02/04/1982	Giáo viên	Trường THCS Tự Lan	V.07.04.12	14 năm 8 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
47	Chu Văn Anh	20/08/1980	Giáo viên	Trường THCS Tự Lan	V.07.04.12	13 năm 9 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
48	Nguyễn Thị Kim Tuyền	18/06/1978	Giáo viên	Trường THCS Tự Lan	V.07.04.12	16 năm 9 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
49	Trịnh Xuân Sáng	20/10/1987	Giáo viên, Tổng phụ trách đội	Trường THCS Văn Hà	V.07.04.12	7 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
50	Trần Việt Cường	20/11/1977	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Văn Trung	V.07.04.12	17 năm 7 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
51	Nguyễn Thị Hoa	18/07/1982	Giáo viên, Tổ phó CM	Trường THCS Văn Trung	V.07.04.12	13 năm 7 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
52	Thân Thị Thu Trang	11/11/1982	Giáo viên	Trường THCS Văn Trung	V.07.04.12	11 năm 4 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
53	Thân Mậu Diễn	16/06/1975	Giáo viên	Trường THCS Văn Trung	V.07.04.12	18 năm 8 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
54	Nguyễn Thị Loan	02/06/1985	Giáo viên, Tổ phó CM	Trường THCS Văn Trung	V.07.04.12	9 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
55	Nguyễn Quang Chung	15/12/1980	Giáo viên	Trường THCS Văn Trung	V.07.04.12	16 năm 9 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
56	Lê Thị Mai Hồng	15/01/1989	Giáo viên	Trường THCS Việt Tiến	V.07.04.12	7 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75	1	101		Đạt
57	Nguyễn Thị Thủy	08/02/1984	Giáo viên, TPCM	Trường THCS Việt Tiến	V.07.04.12	10 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
58	Nguyễn Thị Toàn	07/11/1984	Giáo viên, TPCM	Trường THCS Việt Tiến	V.07.04.12	11 năm 3 tháng	Đại học	5	20	75		100		Đạt
59	Nguyễn Ngọc Hạnh	09/10/1979	Giáo viên	Trường THCS Minh Đức	V.07.03.08	13 năm	Đại học						Mã ngạch TH công tác ở trường THCS	Không đạt
60	Nguyễn Thị Huyền	06/07/1978	Giáo viên, TTCM	Trường THCS Nghĩa Trung	V.07.03.08	13 năm 2 tháng	Đại học						Mã ngạch TH công tác ở trường THCS	Không đạt
61	Phạm Mỹ Hạnh	14/11/1982	Giáo viên	Trường THCS Trung Sơn	15.114	15 năm	Đại học						Chưa có OD bổ nhiệm mã ngạch V.07.04.12	Không đạt
HUYỆN SƠN ĐỘNG (68)														
1	Đào Văn Cường	8/9/1986	Giáo viên	TH và THCS Bằng Âm	V.07.04.12	1/8/2010	ĐH							
2	Lã Văn Phong	14/10/1982	Giáo viên	TH và THCS Chiên Sơn	V.07.04.12	1/9/2006	ĐH	5	20	75	1	101	Tuyển dụng nhân viên hành chính	Đạt

SIT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
3	Nguyễn Thị Hương	6/7/1979	Giáo viên	TH và THCS Chiến Sơn	V.07.04.12	1/10/2002	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
4	Nguyễn Thị Nguyễn	19/4/1987	Giáo viên	TH và THCS Chiến Sơn	V.07.04.12	1/9/2009	ĐH	5	20	75		100		Đạt
5	Nguyễn Thị Thụy	24/11/1987	Giáo viên	TH và THCS Chiến Sơn	V.07.04.12	1/9/2009	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
6	Nguyễn Thị Như Trang	18/7/1987	Giáo viên	TH và THCS Chiến Sơn	V.07.04.12	1/9/2008	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
7	Nông Văn Duyệt	5/12/1980	Giáo viên	TH và THCS Phúc Thắng	V.07.04.12	1/7/2005	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
8	Vì Văn Học	18/8/1981	Giáo viên	TH và THCS Phúc Thắng	V.07.04.12	1/9/2005	ĐH	5	20	75		100		Đạt
9	Đào Văn Dũng	31/8/1985	Giáo viên	TH và THCS Phúc Thắng	V.07.04.12	1/9/2007	ĐH	5	20	75		100		Đạt
10	Hoàng Văn Chi	12/7/1985	Giáo viên	TH và THCS Phúc Thắng	V.07.04.12	1/9/2010	ĐH	5	20	75		100		Đạt
11	Hà Văn Tuấn	25/6/1982	Giáo viên	TH và THCS Thạch Sơn	V.07.04.12	1/7/2005	ĐH	5	20	75		100		Đạt
12	Lâm Văn Hới	3/8/1985	Giáo viên	TH và THCS Thạch Sơn	V.07.04.12	1/8/2010	ĐH					100		Đạt
13	Hoàng Thị Tâm	13/5/1985	Giáo viên	TH và THCS Thanh Luận	V.07.04.12	1/9/2008	ĐH	5	20	75		100	Tuyển dụng nhân viên hành chính	Không đạt
14	Nguyễn Thị Thu Mai	26/10/1987	Giáo viên	TH và THCS Thanh Luận	V.07.04.12	1/8/2009	ĐH							Đạt
15	Nguyễn Quang Nghiệp	24/9/1989	Giáo viên	TH và THCS Vĩnh Khương	V.07.04.12	15/11/2011	ĐH	5	20	75		100	Bảng tốt nghiệp chưa đủ thời gian 01 năm	Không đạt
16	Nguyễn Thị Hương	10/6/1986	Giáo viên	THCS An Bá	V.07.04.12	1/8/2010	ĐH							Đạt
17	Ngọc Hải Ninh	13/10/1983	P hiệu trưởng	PT DTBT THCS An Lạc	V.07.04.12	13N	ĐH	5	20	75	1	101	Tuyển dụng nhân viên hành chính	Không đạt
18	Chu Văn Dương	18/8/1980	Giáo viên	PT DTBT THCS An Lạc	V.07.04.12	12N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
19	Nguyễn Văn Tường	25/6/1981	Giáo viên	PT DTBT THCS An Lạc	V.07.04.12	14N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
20	Hoàng Thị Mộc	12/2/1980	Giáo viên	PT DTBT THCS An Lạc	V.07.04.12	18N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
21	Nguyễn Trọng Nghĩa	4/10/1987	Giáo viên	PT DTBT THCS An Lạc	V.07.04.12	7N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
22	Vũ Quang Trung	12/3/1989	Giáo viên	PT DTBT THCS An Lạc	V.07.04.12	6N	ĐH				1	101		Đạt
23	Phạm Thị Thủy	18/07/1979	Giáo viên	THCS Văn Sơn	V.07.04.12	1/8/2003	ĐH	5	20	75	1	101	Tuyển dụng 01/7/2012 chưa đủ lg 06 năm	Không đạt
24	Hứa Văn Điền	10/10/1981	Giáo viên	THCS Văn Sơn	V.07.04.12	1/4/2003	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
25	Phùng Thị Hoa	10/2/1983	Giáo viên	THCS Văn Sơn	V.07.04.12	16/3/2005	ĐH	5	20	75		100		Đạt
26	Nguyễn Thị Thu Hà	1/1/1986	Giáo viên	THCS Văn Sơn	V.07.04.12	1/2/2012	ĐH	5	20	75		100		Đạt
27	Hoàng Thị Thư	21/12/1985	Giáo viên	THCS Lê Viễn	V.07.04.12	4	ĐH	5	20	75	3	103		Đạt
28	Phạm Văn Hải	13/3/1984	Giáo viên	THCS Lê Viễn	V.07.04.12	4	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
29	Ngọc Thị Nguyệt	27/01/1985	Giáo viên	THCS Lê Viễn	V.07.04.12	4	ĐH	5	20	75		100		Đạt
30	Hà Minh Phương	23/11/1980	Giáo viên	THCS An Lập	V.07.04.12	9	ĐH	5	20	75		100		Đạt
31	Bùi Thị Thuý	10/5/1982	Giáo viên	THCS An Lập	V.07.04.12	9/1/2008	ĐH	5	20	75		100		Đạt
32	Nông Thị Hương	30/9/1982	Giáo viên	THCS An Lập	V.07.04.12	9/1/2005	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
33	Nông Văn Hùng	28/11/1985	Giáo viên	THCS An Lập	V.07.04.12	9/1/2011	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
34	Vì Thị Ánh Tuyết	10/2/1983	Giáo viên	THCS An Lập	V.07.04.12	16/1/2004	ĐH	5	20	75		100		Đạt
35	Phạm Thế Hưng	16/02/1982	Tổ trưởng	THCS Giáo Liêm	V.07.04.12	13	ĐH	5	20	75		100		Đạt
36	Hoàng Thị Liên	16/04/1984	Giáo viên	TH và THCS Hữu Sơn	V.07.04.12	10	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
37	Nông Văn Thảo	18/05/1982	Giáo viên	TH và THCS Hữu Sơn	V.07.04.12	12	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
38	Hoàng Văn Thọ	25/06/1981	Giáo viên	TH và THCS Hữu Sơn	V.07.04.12	14	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
39	Hoàng Văn Thắng	18/07/1983	Giáo viên	TH và THCS Hữu Sơn	V.07.04.12	8	ĐH					100		Đạt
40	Nông Văn Khoa	15/09/1984	Giáo viên	TH và THCS Hữu Sơn	V.07.04.12	11	ĐH	5	20	75			Tuyển dụng làm nhân viên hành chính	Không đạt
41	Hoàng Văn Cẩm	22/10/1982	Giáo viên	PTDTBTHCS Dương Hữu	V.07.04.12	1/9/2009	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
42	Vũ Thị Mai Lương	9/8/1979	Giáo viên	PTDTBTHCS Dương Hữu	V.07.04.12	3/5/2001	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
43	Nguyễn Văn Dương	21/1/1985	Giáo viên	PTDTBTHCS Dương Hữu	V.07.04.12	1/7/2008	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
44	Lâm Văn Hải	14/10/1983	Giáo viên	PTDTBTHCS Dương Hữu	V.07.04.12	1/9/2007	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
45	Lã Văn Huỳnh	15/8/1985	Giáo viên	PTDTBTHCS Dương Hữu	V.07.04.12	1/9/2009	ĐH	5	20	75		100		Đạt
46	Nguyễn Văn Diễn	15/7/1985	Giáo viên	THCS Tuấn Đạo	V.07.04.12	01/7/2014	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
47	Hoàng Thị Lanh	14/12/1981	Giáo viên	THCS Tuấn Đạo	V.07.04.12	01/7/2014	ĐH	5	20	75		100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
1	Thân Thị Hương	14/8/1982	Giáo viên	THCS Biên Đông	V.07.04.12	2006	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
2	Lý Văn Hải	7/10/1977	Giáo viên	THCS Biên Đông	V.07.04.12	1998	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
3	Tạ Thị Yến	31/10/1979	Giáo viên	THCS Biên Đông	V.07.04.12	2006	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
4	Trần Thị Sơn	23/8/1990	Giáo viên	THCS Biên Sơn	V.07.04.12	2012	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
5	Phạm Ngọc Dương	28/10/1980	Giáo viên	THCS Biên Sơn	V.07.04.12	2008	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
6	Trịnh Thị Yến	17/9/1988	Giáo viên	THCS Biên Sơn	V.07.03.08	2011	ĐH	5	20	75	0	100	Tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
7	Nông Văn Thiêm	15/10/1982	Giáo viên	THCS Cẩm Sơn	V.07.04.12	2006	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
8	Mê Văn Linh	2/1/1986	Giáo viên	THCS Cẩm Sơn	V.07.04.12	2011	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
9	Hoàng Thị Minh Thu	16/6/1987	Giáo viên	THCS Chủ	V.07.04.12	2010	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
10	Lê Thị Hằng	14/9/1982	Giáo viên	THCS Chủ	V.07.04.12	2006	ĐH	5	20	75	2	102	Tuyển dụng làm nhân viên hành chính	Không đạt
11	Vũ Mạnh Hiệp	25/11/1980	Phó Hiệu trưởng	THCS Đeo Gia	V.07.04.12	2004	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
12	Chu Văn Tài	6/6/1981	Giáo viên	THCS Đeo Gia	V.07.04.12	2005	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
13	Nguyễn Thị Luyến	2/9/1988	Giáo viên	THCS Đông Cốc	V.07.04.12	2011	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
14	Lê Văn Bình	1/2/1980	Giáo viên	THCS Đông Cốc	V.07.04.12	2006	ĐH	5	20	75	0	100	Thiếu QB chuyển CDNN từ tiểu học lên THCS	Không đạt
15	Nguyễn Thị Yến	15/2/1983	Giáo viên	THCS Giáp Sơn	V.07.04.12	2009	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
16	Giáp Văn Anh	10/2/1976	Giáo viên	THCS Giáp Sơn	V.07.04.12	2006	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
17	Nguyễn Văn Hiền	24/3/1980	Giáo viên	THCS Giáp Sơn	V.07.04.12	2006	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
18	Bùi Văn Thạch	23/4/1981	Giáo viên	THCS Hồng Giang	V.07.04.12	2005	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
19	Phạm Hồng Tấn	12/7/1983	Giáo viên	THCS Hồng Giang	V.07.04.12	2007	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
20	Bùi Văn Thân	22/9/1985	Giáo viên	THCS Hồng Giang	V.07.04.12	2012	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
21	Lý Văn Bưởi	18/5/1979	Giáo viên	THCS Kiên Lao	V.07.04.12	2004	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Chú chú	Kết quả
22	Lý Văn Tư	25/6/1990	Giáo viên	THCS Kiên Lương	V.07.04.12	2012	ĐH						Thiếu QĐ chuyển CDNN từ tiểu học lên THCS	Không đạt
23	Nông Quang Diệp	1/6/1980	Giáo viên	THCS Kiên Thành	V.07.04.12	2002	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
24	Phạm Xuân Hoàng	30/12/1982	Phó Hiệu trưởng	THCS Kiên Thành	V.07.04.12	2005	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
25	Nguyễn Thị Hoài Nam	30/10/1970	Hiệu trưởng	THCS Kiên Thành	V.07.04.12	1993	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
26	Trần Tuấn Anh	8/1/1976	Giáo viên	TH và THCS Kim Sơn	V.07.04.12	2002	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
27	Quản Thị Hạnh Thảo	13/12/1976	Giáo viên	TH và THCS Kim Sơn	V.07.04.12	1998	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
28	Đoàn Quang Khải	19/8/1986	Giáo viên	THCS Mỹ An	V.07.04.12	2009	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
29	Nguyễn Thị Tuyết	20/10/1979	Giáo viên	THCS Mỹ An	V.07.04.12	2009	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
30	Nguyễn Thị Minh Thư	20/7/1987	Giáo viên	THCS Nam Dương	V.07.04.12	2010	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
31	Nguyễn Thị Hồng Nhung	13/10/1983	Giáo viên	THCS Nam Dương	V.07.04.12	2005	ĐH	5	20	75	1	101	QĐ tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
32	Nguyễn Văn Khái	2/4/1984	Giáo viên	THCS Nam Dương	V.07.04.12	2007	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
33	Nguyễn Thị Thu Hương	2/8/1985	Giáo viên	THCS Nghĩa Hồ	V.07.04.12	2008	ĐH							Đạt
34	Nguyễn Thị Phương	26/8/1982	Giáo viên	THCS Nghĩa Hồ	V.07.04.12	2005	ĐH	5	20	75	0	100	QĐ tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
35	Phạm Thị Thanh Tuyền	20/10/1985	Giáo viên	THCS Nghĩa Hồ	V.07.04.12	2000	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
36	Trương Văn Tiến	1/4/1983	Giáo viên	THCS Phi Diễn	V.07.04.12	2006	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
37	Trương Văn Tiếp	15/8/1982	Giáo viên	THCS Phi Diễn	V.07.04.12	2006	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
38	Ngô Thị Ngọc Vân	6/9/1977	Giáo viên	TH và THCS Phong Minh	V.07.04.12	1999	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
39	Nguyễn Văn Bổng	17/9/1986	Giáo viên	TH và THCS Phong Minh	V.07.04.12	2012	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
40	Lý Văn Đại	21/5/1981	Giáo viên	THCS Phong Vân	V.07.04.12	2006	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
41	Chu Văn Năm	15/7/1981	Giáo viên	THCS Phong Vân	V.07.04.12	2007	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
42	Đàm Thị Nguyễn	25/4/1983	Giáo viên	THCS Phú Nhuận	V.07.04.12	2006	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
							ĐH	5	20	75	0	100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp giữ	Thời gian giữ hạn giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
43	Phan Văn Dũng	4/2/1984	Giáo viên	THCS Phú Nhuận	V.07.04.12	2009	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
44	Lê Văn Dũng	13/3/1976	Giáo viên	THCS Phương Sơn	V.07.04.12	2002	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
45	Phạm Thị Hương	21/4/1983	Giáo viên	THCS Phương Sơn	V.07.04.12	2006	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
46	Cần Thị Thu Hiền	18/11/1986	Giáo viên	THCS Phương Sơn	V.07.04.12	2008	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
47	Nguyễn Văn Diễn	10/7/1982	Giáo viên	THCS Quý Sơn	V.07.04.12	2005	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
48	Nguyễn Thị Thơm	10/10/1979	Giáo viên	THCS Quý Sơn	V.07.04.12	2003	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
49	Đặng Thị Mỹ	12/7/1984	Giáo viên	THCS Quý Sơn	V.07.04.12	2008	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
50	Nguyễn Thị Thủy	31/5/1987	Giáo viên	THCS Quý Sơn	V.07.04.12	2012	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
51	Trần Thị Ngoan	9/8/1987	Giáo viên	THCS Sa Lý	V.07.04.12	2010	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
52	Nguyễn Minh Công	21/5/1984	Giáo viên	THCS Sa Lý	V.07.04.12	2008	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
53	Nguyễn Mạnh Quyền	29/3/1978	Phó Hiệu trưởng	THCS Sơn Hải	V.07.04.12	2001	ĐH	5	20	75	1	101	QB tuyển dụng làm thư viện	Không đạt
54	Phạm Văn Hòa	14/11/1979	Giáo viên	THCS Sơn Hải	V.07.04.12	2003	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
55	Kiều Văn Lay	9/9/1983	Phó Hiệu trưởng	THCS Tân Hoa	V.07.04.12	2005	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
56	Ngô Thị Bình	3/5/1980	Giáo viên	THCS Tân Hoa	V.07.04.12	2004	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
57	Bùi Tuấn Anh	10/3/1982	Hiệu trưởng	THCS Tân Lập	V.07.04.12	2004	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
58	Nguyễn Thị Châm	9/10/1986	Giáo viên	THCS Tân Lập	V.07.04.12	2009	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
59	Nguyễn Thị Hương	24/9/1984	Giáo viên	THCS Tân Lập	V.07.04.12	2009	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
60	Nguyễn Thị Hoài Thanh	15/3/1978	Giáo viên	THCS Tân Mộc	V.07.04.12	2006	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
61	Hà Văn Lâm	20/12/1980	Giáo viên	THCS Tân Mộc	V.07.04.12	2006	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
62	Vũ Văn Đồng	15/6/1984	Giáo viên	THCS Tân Mộc	V.07.04.12	2007	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
63	Phạm Thị Lệ	7/10/1983	Giáo viên	THCS Tân Quang	V.07.04.12	2005	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
64	Phạm Huy Ngọc	24/8/1986	Giáo viên	THCS Tân Quang	V.07.04.12	2008	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
							ĐH	5	20	75	0	100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp giữ	Thời gian giữ hàng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hàng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
65	Nguyễn Thị Thảo	15/10/1985	Giáo viên	THCS Tân Quang	V.07.04.12	2007	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
66	Nguyễn Hoài Nam	17/5/1983	Phó Hiệu trưởng	THCS Tân Sơn	V.07.04.12	2008	ĐH						Tuyển dụng làm thí nghiệm	Không đạt
67	Hoàng Văn Thất	5/10/1980	Giáo viên	THCS Tân Sơn	V.07.04.12	2006	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
68	Nguyễn Văn Đô	8/9/1981	Giáo viên	THCS Tân Sơn	V.07.04.12	2007	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
69	Hoàng Thị Ngọc	5/9/1987	Giáo viên	THCS Tân Sơn	V.07.04.12	2010	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
70	Lục Thị Hạnh	10/9/1977	Giáo viên	THCS Tân Sơn	V.07.04.12	1999	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
71	Nguyễn Thị Hạnh	12/6/1987	Giáo viên	THCS Thanh Hải	V.07.04.12	2010	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
72	Ngô Minh Thu	14/1/1979	Giáo viên	THCS Thanh Hải	V.07.04.12	2003	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
73	Bùi Thị Quỳnh	28/11/1987	Giáo viên	THCS Trần Hưng Đạo	V.07.04.12	2011	ĐH						Tuyển dụng làm văn thư	Không đạt
74	Trần Văn Tuấn	19/12/1982	Giáo viên	THCS Trần Hưng Đạo	V.07.04.12	2005	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
75	Hoàng Văn Bảy	15/7/1981	Giáo viên	THCS Trần Hưng Đạo	V.07.04.12	2005	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
76	Nguyễn Thị Thanh Huyền	20/5/1986	Giáo viên	THCS Trù Hữu	V.07.04.12	2009	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
77	Trần Hữu Phương	16/11/1983	Giáo viên	THCS Trù Hữu	V.07.04.12	2007	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
78	Lại Thị Văn Nga	13/8/1984	Giáo viên	THCS Trù Hữu	V.07.04.12	2007	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
79	Nguyễn Thị Minh	17/10/1986	Giáo viên	THCS Giáp Sơn	V.07.04.12	2010	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
80	Giáp Thị Tuyết	25/3/1984	Giáo viên	THCS Tân Quang	V.07.04.12	2007	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
HUYỆN LỤC NAM (80)														
1	Ngô Thị Lan Anh	28/8/1983	Giáo viên	THCS Phương Sơn	V.07.04.12	1/9/2008	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
2	Đinh Thị Hào	20/10/1978	Giáo viên	THCS Phương Sơn	V.07.04.12	1/9/2001	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
3	Phan Thị Thành	19/11/1977	Giáo viên	TH & THCS Tiên Nha	V.07.04.12	1/9/1998	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
4	Giáp Thị Yếm	10/10/1985	Giáo viên	THCS Lục Sơn	V.07.04.12	1/9/2008	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
5	Hoàng Đức Đại	7/10/1983	Giáo viên	THCS Lục Sơn	V.07.04.12	1/9/2008	ĐH	5	20	75	1	101		
6	Đàm Văn Liên	24/6/1982	Giáo viên	TH & THCS Lục Sơn	V.07.04.12	1/9/2010	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
7	Nguyễn Văn Phiên	29/5/1972	Giáo viên	PTDT Nội Trú	V.07.04.12	1/11/2009	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
8	Nguyễn Thị Phong	23/12/1981	Giáo viên	PTDT Nội Trú	V.07.04.12	1/10/2002	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
9	Nguyễn Thị Chính	9/1/1977	Giáo viên	THCS Cẩm Lý	V.07.04.12	1/9/1998	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
10	Phạm Thị Văn Anh	18/4/1990	Giáo viên	THCS Cẩm Lý	V.07.04.12	1/9/2012	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
11	Trần Văn Đức	13/5/1981	Giáo viên	THCS Cẩm Lý	V.07.04.12	1/10/2003	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
12	Đàm Thị Mến	10/10/1987	Giáo viên	THCS Cẩm Lý	V.07.04.12	1/10/2003	ĐH	5	20	75	1	101	TD 08/2012 chưa đủ t/g giữ hạng III 06 năm	Không đạt
13	Nguyễn Thanh Loan	28/7/1978	Giáo viên	THCS Nghĩa Phương	V.07.04.12	1/9/2009	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
14	Nguyễn Tiến Sự	10/3/1976	Giáo viên	THCS Nghĩa Phương	V.07.04.12	1/5/2001	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
15	Phan Như Trang	25/9/1984	Giáo viên	THCS Nghĩa Phương	V.07.04.12	1/2/2003	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
16	Nguyễn Thị Thanh Tâm	16/3/1987	Giáo viên	THCS Nghĩa Phương	V.07.04.12	5/9/2005	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
17	Tổng Thị Thương	19/4/1986	Giáo viên	THCS Nghĩa Phương	V.07.04.12	1/9/2010	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
18	Hàn Thị Văn Lan	25/3/1978	Giáo viên	THCS Nghĩa Phương	V.07.04.12	1/9/2008	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
19	Hoàng Văn Tú	25/8/1990	Giáo viên	THCS Nghĩa Phương	V.07.04.12	3/5/2001	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
20	Đoàn Công Phương	15/10/1978	Giáo viên	THCS Đan Hội	V.07.04.12	1/9/2012	ĐH						TD 08/2012 chưa đủ t/g giữ hạng III 06 năm	Đạt
21	Nguyễn Thị Hương	20/5/1982	Giáo viên	THCS Đan Hội	V.07.04.12	1/3/2002	ĐH							Không đạt
22	Lê Văn Nam	20/4/1985	Giáo viên	THCS Bắc Lũng	V.07.04.12	1/4/2007	ĐH	5	20	75	0	100	Bảng ĐH chưa đủ thời gian 01 năm	Không đạt
23	Vương Thị Hồng	2/2/1981	Giáo viên	THCS Bắc Lũng	V.07.04.12	1/9/2011	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
24	Nguyễn Thị Hồng	25/8/1988	Giáo viên	THCS Bắc Lũng	V.07.04.12	6/9/2002	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
25	Nguyễn Văn Bảy	18/8/1982	Giáo viên	THCS Bắc Lũng	V.07.04.12	1/9/2010	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
				THCS Bảo Đài	V.07.04.12	1/9/2006	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
26	Nguyễn Thị Hồng Xiêm	2/2/1982	Giáo viên	THCS Bảo Đài	V.07.04.12	16/9/2004	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
27	Nguyễn Thị Hiền	6/4/1989	Giáo viên	THCS Bảo Đài	V.07.04.12	15/11/2012	ĐH						Thời gian giữ CD GV hạng III chưa đủ 6 năm	Không đạt
28	Phạm Tuấn Việt	11/8/1978	Giáo viên	TH & THCS Bình Sơn	V.07.04.12	1/10/2003	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
29	Nguyễn Thị Nhì	10/2/1979	Giáo viên	THCS Chu Điện	V.07.04.12	3/5/2001	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
30	Trương Văn Sơn	10/1/1982	Giáo viên	THCS Thanh Lâm	V.07.04.12	1/10/2003	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
31	Nguyễn Thị Hằng	24/8/1983	Giáo viên	THCS Thanh Lâm	V.07.04.12	16/11/2004	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
32	Nguyễn Thị Đình	2/6/1984	Giáo viên	THCS Thanh Lâm	V.07.04.12	1/9/2007	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
33	Hà Thê Huy	18/8/1982	Giáo viên	THCS Trường Sơn	V.07.04.12	16/11/2004	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
34	Vũ Xuân Chính	9/9/1983	Giáo viên	THCS Trường Sơn	V.07.04.12	1/9/2005	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
35	Nguyễn Thị Tinh	4/9/1984	Giáo viên	THCS Bình Sơn	V.07.04.12	1/9/2007	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
36	Nguyễn Thị Tuyên	15/8/1977	Giáo viên	THCS Bình Sơn	V.07.04.12	1/9/1998	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
37	Nguyễn Thị Trang	16/7/1990	Giáo viên	TH & THCS Tam Di	V.07.04.12	1/5/2012	ĐH						Thời gian giữ CD GV hạng III chưa đủ 6 năm	Không đạt
38	Nguyễn Thị Hạnh	20/9/1980	Giáo viên	TH & THCS Tam Di	V.07.04.12	1/10/2002	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
39	Thân Thị Hương	8/8/1988	Giáo viên	THCS Bảo Sơn	V.07.04.12	1/9/2010	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
40	Lý Văn Khanh	7/9/1980	Giáo viên	THCS Bảo Sơn	V.07.04.12	10/10/2003	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
41	Phạm Thị Vân	2/6/1988	Giáo viên	THCS Yên Sơn	V.07.04.12	1/9/2010	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
42	Nguyễn Văn Tuấn	11/10/1981	Giáo viên	TIICS Yên Sơn	V.07.04.12	1/10/2003	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
43	Nguyễn Thị Nhung	31/1/1982	Giáo viên	THCS Tiên Hưng	V.07.04.12	1/10/2004	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
44	Nguyễn Thị Nguyên	14/11/1977	Giáo viên	THCS Tiên Hưng	V.07.04.12	1/10/1999	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
45	Bùi Thị Ngát	20/9/1984	Giáo viên	THCS Tiên Hưng	V.07.04.12	1/9/2006	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
46	Nguyễn Thị Thu Huyền	22/8/1987	Giáo viên	TIICS Tiên Hưng	V.07.04.12	1/9/2008	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
47	Trần Thị Thu Hương	17/5/1986	Giáo viên	THCS Tiên Hưng	V.07.04.12	1/9/2011	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
48	Nguyễn Thị Lan Hương	8/2/1978	Giáo viên	THCS Tiên Hưng	V.07.04.12	1/10/1999	ĐH						Thiếu chứng chỉ ngoại ngữ thứ 2	Không đạt
49	Phạm Quỳnh Nga	6/3/1982	Giáo viên	THCS Đông Phú	V.07.04.12	10/10/2003	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
50	Phạm Thị Thủy	4/1/1983	Giáo viên	THCS Đông Phú	V.07.04.12	1/10/2004	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
51	Trần Quang Đạt	7/4/1982	Giáo viên	THCS Đông Phú	V.07.04.12	1/9/2005	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
52	Nguyễn Thị Quỳnh	22/8/1976	Giáo viên	THCS Huyền Sơn	V.07.04.12	1/9/1998	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
53	Trinh Thủy Linh	25/2/1980	Giáo viên	THCS Huyền Sơn	V.07.04.12	10/9/2004	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
54	Tổng Văn Diễn	15/7/1976	Giáo viên	TH&THCS Trương Giang	V.07.04.12	3/9/1997	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
55	Hoàng Thị Biền	26/2/1980	Giáo viên	TH&THCS Trương Giang	V.07.04.12	1/10/2002	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
56	Nguyễn Duy Doanh	24/10/1983	Giáo viên	THCS Vô Tranh	V.07.04.12	1/9/2007	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
57	Thân Thị Hòa	28/9/1984	Giáo viên	THCS Vô Tranh	V.07.04.12	1/9/2006	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
58	Thân Văn Việt	26/12/1983	Giáo viên	THCS Vô Tranh	V.07.04.12	16/3/2005	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
59	Đoàn Thị Bình	10/1/1981	Giáo viên	THCS Vô Tranh	V.07.04.12	1/10/2002	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
60	Nguyễn Thị Oanh	22/7/1985	Giáo viên	THCS Khám Lạng	V.07.04.12	1/8/2009	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
61	Nguyễn Thị Thương	4/12/1985	Giáo viên	THCS Khám Lạng	V.07.04.12	1/9/2009	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
62	Lê Thị Vân	10/9/1986	Giáo viên	THCS Khám Lạng	V.07.04.12	1/9/2009	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
63	Trần Thị Luyến	23/3/1982	Giáo viên	THCS Cương Sơn	V.07.04.12	1/10/2003	ĐH						Thiếu chứng chỉ ngoại ngữ thứ 2	Không đạt
64	Dương Duy Hiền	24/1/1983	Giáo viên	THCS Cương Sơn	V.07.04.12	1/10/2003	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
65	Trần Thị Thủy	9/4/1977	Giáo viên	THCS Cương Sơn	V.07.04.12	1/9/1998	ĐH						CC Ngoại ngữ không đúng quy định	Không đạt
66	Nguyễn Thị Vân	4/3/1977	Giáo viên	THCS Cương Sơn	V.07.04.12	1/9/1998	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
67	Nguyễn Thị Tươi	20/6/1977	Giáo viên	THCS Cương Sơn	V.07.04.12	4/9/1998	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
68	Mạc Thị Hòa	26/10/1985	Giáo viên	THCS Vũ Xá	V.07.04.12	1/12/2007	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
69	Phạm Thành Bắc	20/7/1979	Giáo viên	THCS Vũ Xá	V.07.04.12	1/4/2004	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
70	Lưu Thị Thắm	1/4/1979	Giáo viên	THCS Thị trấn Đồi Ngò	V.07.04.12	1/9/2001	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
71	Nguyễn Thị Nhâm	16/2/1984	Giáo viên	THCS Thị trấn Đồi Ngò	V.07.04.12	1/9/2005	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
72	Ngô Thị Thi	5/1/1980	Giáo viên	THCS Thị trấn Đồi Ngò	V.07.04.12	1/10/2002	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
73	Nguyễn Thị Tiến	3/8/1979	Giáo viên	THCS Thị trấn Đồi Ngò	V.07.04.12	1/9/2001	ĐH						Thiếu chứng chỉ ngoại ngữ thứ 2	Không đạt
74	Tống Quang Hà	4/12/1978	Giáo viên	THCS Tam Di	V.07.04.12	3/11/2000	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
75	Nguyễn Thị Lâm	10/3/1982	Giáo viên	THCS Tam Di	V.07.04.12	1/10/2003	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
76	Vũ Thị Hiền	15/10/1982	Giáo viên	THCS Tam Di	V.07.02.05	1/4/2011	ĐH						Mã ngạch GV mầm non công tác ở trường THCS	Không đạt
77	Giáp Thị Tuyền	7/7/1987	Giáo viên	THCS Tam Di	V.07.04.12	1/1/2013	ĐH						Thời gian giữ CD GV hạng III chưa đủ 6 năm	Không đạt
78	Trương Văn Thế	3/10/1984	Giáo viên	THCS Đông Hưng	V.07.04.12	1/9/2012	ĐH						Thời gian giữ CD GV hạng III chưa đủ 6 năm	Không đạt
79	Nông Thị Phúc	6/9/1976	Giáo viên	THCS Đông Hưng	V.07.04.12	1/11/2000	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
80	Diệp Thị Hương	6/6/1986	Giáo viên	THCS Đông Hưng	V.07.04.12	1/9/2010	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
THÀNH PHỐ BẮC GIANG (28)														
1	Chu Thị Luyện	02/6/1984	Giáo viên	THCS Xương Giang	V.07.04.12	02/2010	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
2	Nguyễn Thị Hoan	08/5/1979	Giáo viên	THCS Xương Giang	V.07.04.12	3/5/2001	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
3	Đoàn Anh Quang	29/10/1983	Giáo viên	THCS Tân Mỹ	V.07.04.12	01/9/2006	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
4	Nguyễn Thị Thu Hương	12/01/1983	Giáo viên	THCS Tân Mỹ	V.07.04.12	01/9/2005	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
5	Thân Mạnh Hải	26/04/1988	Giáo viên	THCS Tân Mỹ	V.07.04.12	01/09/2011	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Chú chú	Kết quả
7	Nguyễn Hồng Nhung	06/11/1980	Giáo viên	THCS Đinh Trì	V.07.04.12	3/2003	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
8	Đương Thị Minh Nguyệt	13/9/1983	Giáo viên	THCS Hoàng Hoa Thám	V.07.04.12	24/12/2003	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
9	Lê Thị Dung	17/02/1979	Giáo viên	THCS Nguyễn Khắc Nhu	V.07.04.12	16/8/2005	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
10	Nguyễn Thị Hà	21/12/1982	Giáo viên	THCS Trần Nguyễn Hân	V.07.04.12	01/10/2004	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
11	Nguyễn Thị Loan	27/9/1984	Giáo viên	THCS Mỹ Đỗ	V.07.04.12	22/01/2008	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
12	Chu Thị Thu Hằng	25/8/1985	Giáo viên	THCS Mỹ Đỗ	V.07.04.12	01/3/2011	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
13	Nguyễn Thị Vân Hằng	13/8/1985	Giáo viên	THCS Trần Phú	V.07.04.12	01/9/2010	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
14	Lê Thị Thanh Giang	25/10/1984	Giáo viên	THCS Tân Tiến	V.07.04.12	01/8/2011	ĐH						Tuyển dụng thiết bị thí nghiệm	Không đạt
15	Là Thị Cẩm Vân	05/12/1984	Giáo viên	THCS Ngô Sĩ Liên	V.07.04.12	01/3/2006	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
16	Đông Thị Ninh	17/10/1978	Giáo viên	THCS Ngô Sĩ Liên	V.07.04.12	4/1/2001	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
17	Vũ Thị Thanh Hải	19/8/1978	Giáo viên	THCS Song Mai	V.07.04.12	16/9/1999	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
19	Đỗ Thị Giang	19/5/1984	Giáo viên	THCS Lê Quý Đôn	V.07.04.12	28/02/2006	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
20	Trần Thị Hồng Nhung	10/3/1985	Giáo viên	THCS Lê Quý Đôn	V.07.04.12	01/9/2007	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
21	Ông Thị Tháo	29/10/1984	Giáo viên	THCS Lê Quý Đôn	V.07.04.12	15/8/2012	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
22	Nguyễn Thu Hà	5/12/1987	Giáo viên	THCS Lý Tự Trọng	V.07.04.12	16/8/2010	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
23	Nguyễn Thị Như Quỳnh	19/6/1983	Giáo viên	THCS Lý Tự Trọng	V.07.04.12	01/9/2007	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Chi chú	Kết quả
24	Mai Thị Lan	20/02/1968	Giáo viên	THCS Lý Tự Trọng	V.07.04.12	09/9/1989	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
25	Vũ Thị Hoài	16/8/1978	Giáo viên	Trường THCS Đinh Kế	V.07.04.12	31/8/2000	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
26	Trịnh Thị Mỹ Hằng	19/12/1979	Giáo viên	Trường THCS Đinh Kế	V.07.04.12	29/9/1999	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
27	Nguyễn Thị Nguyệt	20/9/1979	Tổ phó tổ KHTN	Trường THCS Đinh Kế	V.07.04.12	1/11/2000	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
28	Nguyễn Thị Hà	20/6/1988	Giáo viên - TPT Đối	Trường THCS Đinh Kế	V.07.04.12	01/9/2011	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
HUYỆN YÊN THẾ (66)														
1	Hoàng Thủy Vân	19/11/1977	Giáo viên	PT DT Nội trú	V.07.04.12	20N4T	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
2	Ngô Thị Huyền	26/9/1982	Giáo viên	PT DT Nội trú	V.07.04.12	15N3T	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
3	Nguyễn Thị Hiền	6/1/1984	Giáo viên	TH&THCS Đồng Tâm	V.07.04.12	13N3T	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
4	Chu Thị Tâm	7/3/1982	Giáo viên	TH&THCS Đồng Tâm	V.07.04.12	14N3T	ĐH	5	20	75		100		Đạt
5	Nguyễn Thị Sứ	18/11/1983	Giáo viên	TH&THCS Đồng Tâm	V.07.04.12	13N3T	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
6	Phạm Văn Bình	3/8/1982	Giáo viên	TH&THCS Tân Hiệp	V.07.04.12	15N3T	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
7	Trần Thị Thủy	19/8/1990	Giáo viên	TH&THCS Tân Hiệp	V.07.04.12	6N4T	ĐH						Chưa đủ thời gian giữ hạng III 06 năm	Không đạt
8	Chu Thị Minh Huyền	19/8/1985	Giáo viên	TH&THCS Tân Hiệp	V.07.04.12	12N4T	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
9	Lý Văn Hưng	29/1/1986	Giáo viên	TH&THCS Xuân Lương	V.07.04.12	9N3T	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
10	Triều Thị Chính	1/10/1984	Giáo viên	THCS An Thượng	V.07.04.12	12N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
11	Lê Thị Bắc	21/3/1980	Giáo viên	THCS Bồ Hạ	V.07.04.12	15	ĐH	5	20	75		100		Đạt
12	Cao Thị Nga	1/3/1982	Giáo viên	THCS Bồ Hạ	V.07.04.12	14	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
13	Đổng Ngọc Anh	15/11/1976	Giáo viên	THCS Canh Nậu	V.07.04.12	19N	ĐH	5	20	75		100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
14	Nguyễn Thị Thanh Thủy	12/7/1982	Giáo viên	THCS Canh Nậu	V.07.04.12	12N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
15	Phạm Văn Giang	1/1/1984	Giáo viên	THCS Canh Nậu	V.07.04.12	6N4T	ĐH						Bảng DH chưa đủ thời gian 01 năm	Không đạt
16	Trần Công Thư	1/1/1987	Giáo viên	THCS Đồng Hưu	V.07.04.12	8N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
17	Nguyễn Thị Hoàng Liên	27/1/2979	Giáo viên	THCS Đồng Hưu	V.07.04.12	16N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
18	Lương Ngọc Đoàn	5/4/1981	Giáo viên	THCS Đồng Hưu	V.07.04.12	15N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
19	Phùng Bá Tùng	25/9/1979	Giáo viên	THCS Đồng Kỳ	V.07.04.12	16	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
20	Bùi Văn Kiên	18/7/1980	Hiệu trưởng	THCS Đồng Lạc	V.07.04.12	16	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
21	Lăng Thế Công	7/1/1985	Giáo viên	THCS Đồng Lạc	V.07.04.12	6N4T	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
22	Nguyễn Ngọc Bảo	10/6/1984	Giáo viên	THCS Đồng Sơn	V.07.04.12	12N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
23	Dương Thị Quỳnh Anh	28/10/1981	Giáo viên	THCS Đồng Sơn	V.07.04.12	16N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
24	Nguyễn Văn Khương	10/12/1979	Giáo viên	THCS Đồng Sơn	V.07.04.12	17N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
25	Vũ Văn Dương	7/7/1980	Giáo viên	THCS Đồng Sơn	V.07.04.12	7N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
26	Vĩ Văn Tư	21/5/1978	Giáo viên	THCS Đồng Sơn	V.07.04.12	17N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
27	Phạm Thị Nguyệt	14/8/1988	Giáo viên	THCS Đồng Sơn	V.07.04.12	9N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
28	Lưu Văn Sỹ	28/10/1981	Giáo viên	THCS Đồng Sơn	V.07.04.12	15N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
29	Bùi Tô Anh	27/10/1983	Giáo viên	THCS Đồng Sơn	V.07.04.12	9N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
33	Nguyễn Thanh Tùng	27/10/1979	Phó HT	THCS Đồng Tiến	V.07.04.12	17N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
30	Vĩ Văn Đức	10/10/1984	Giáo viên	THCS Đồng Tiến	V.07.04.12	13N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
31	Nguyễn Thị Huệ	26/11/1984	Giáo viên	THCS Đồng Tiến	V.07.04.12	11N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
32	Trần Văn Thúc	12/5/1983	Giáo viên	THCS Đồng Tiến	V.07.04.12	13N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
34	Vĩ Thị Hương	11/1/1983	Giáo viên	THCS Đồng Tiến	V.07.04.12	10N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Chú chú	Kết quả
35	Phạm Thị Tước	15/8/1976	Giáo viên	THCS Đồng Tiến	V.07.04.12	19N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
36	Mã Thị Hiền	20/3/1983	Giáo viên	THCS Hoàng Hoa Thám	V.07.04.12	14N	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
37	Phạm Văn Huân	1/4/1982	Giáo viên	THCS Hoàng Hoa Thám	V.07.04.12	13N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
38	Nguyễn Kiều Thương	10/11/1986	Giáo viên	THCS Hoàng Hoa Thám	V.07.04.12	10N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
39	Vũ Hoài Nam	10/10/1979	Giáo viên	THCS Hoàng Hoa Thám	V.07.04.12	17N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
40	Phùng Thị Thắm	10/3/1983	Giáo viên	THCS Hoàng Hoa Thám	V.07.04.12	12N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
41	Hoàng Thị Luyện	18/7/1977	Giáo viên	THCS Hồng Kỳ	V.07.04.12	18	ĐH	5	20	75		100		Đạt
42	Hà Văn Hưng	18/4/1983	Giáo viên	THCS Hồng Kỳ	V.07.04.12	13	ĐH	5	20	75		102		Đạt
43	Nguyễn Văn Tú	17/12/1981	Giáo viên	THCS Hồng Kỳ	V.07.04.12	14	ĐH	5	20	75		100		Đạt
44	Nguyễn Mạnh Tiến	8/6/1981	Giáo viên	THCS Hồng Kỳ	V.07.04.12	16	ĐH	5	20	75		100		Đạt
45	Lê Văn Quang	1/11/1979	Giáo viên	THCS Hồng Kỳ	V.07.04.12	17	ĐH	5	20	75		100		Đạt
46	Phùng Thị Thơm	23/2/1984	Giáo viên	THCS Hồng Kỳ	V.07.04.12	7	ĐH	5	20	75		100		Đạt
47	Nguyễn Thu Huyền	27/10/1980	Giáo viên	THCS Hương Vỹ	V.07.04.12	18N	ĐH	5	20	75		Bảng ĐH chưa đủ thời gian 01 năm	Không đạt	
48	Trương Thị Bích	14/12/1978	Giáo viên	THCS Hương Vỹ	V.07.04.12	19N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
49	Trần Thị Huyền	19/10/1987	Giáo viên	THCS Hương Vỹ	V.07.04.12	10N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
50	Trương Văn Mạnh	27/5/1981	Giáo viên	THCS Hương Vỹ	V.07.04.12	17N	ĐH	5	20	75	0	100		Đạt
51	Giáp Thị Thủy	14/9/1978	Giáo viên	THCS Phồn Xương	V.07.04.12	17N9T	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
52	Nguyễn Thị Thu Hằng	23/6/1977	Giáo viên	THCS Tam Hiệp	V.07.04.12	19N3T	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
53	Nguyễn Thị Hiền	30/10/1983	Giáo viên	THCS Tam Hiệp	V.07.04.12	11N3T	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
54	Nguyễn Thị Thu Hương	10/6/1986	Giáo viên	THCS Tam Tiến	V.07.04.12	11N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
55	Phạm Thị Thệ	21/12/1981	Giáo viên	THCS Tam Tiến	V.07.04.12	11N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt

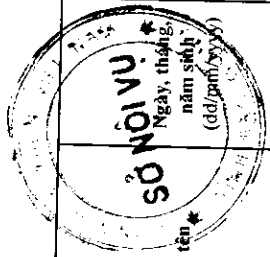
STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hàng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hàng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
60	Đỗ Thị Duyên	24/10/1983	Phó HT	THCS Tân Sỏi	V.07.04.12	13N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
56	Phạm Thị Thùy	7/11/1988	Giáo viên	THCS Tân Sỏi	V.07.04.12	8N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
57	Nguyễn Thị Thu Hà	8/10/1979	Giáo viên	THCS Tân Sỏi	V.07.04.12	18N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
58	Nguyễn Thị Minh	14/11/1987	Giáo viên	THCS Tân Sỏi	V.07.04.12	9N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
59	Ví Thị Thêm	15/4/1984	Giáo viên	THCS Tân Sỏi	V.07.04.12	13N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
61	Phạm Văn Luyện	5/11/1985	Giáo viên	THCS Tân Sỏi	V.07.04.12	7N	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
62	Hoàng Văn Hiền	26/7/1981	Giáo viên	THCS Tiến Thắng	V.07.04.12	9N10T	ĐH	5	20	75		100		Đạt
63	Bùi Thị Lệ	24/3/1982	Giáo viên	THCS TT Bồ Hạ	V.07.04.12	9N3T	ĐH	5	20	75		100		Đạt
64	Bùi Thị Thành	29/10/1987	Giáo viên	THCS TT Bồ Hạ	V.07.04.12	8N3T	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
65	Dương Thị Thiên	18/9/1987	Giáo viên	THCS Tân Sỏi	V.07.03.08	9N	ĐH						Mã ngạch TH công tác ở trường THCS	Không đạt
66	Đào Đức Quyền	24/12/1980	Giáo viên	TH&THCS Tân Hiệp	V.07.04.12	15N	ĐH	5	20	75		100		Đạt
HUYỆN YÊN DŨNG (77)														
1	Nguyễn Thị Thủy	15/10/1978	Giáo viên	Trường THCS Yên Lư	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
2	Nguyễn Thị Lệ Thanh	11/9/1983	Giáo viên	Trường THCS Yên Lư	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH						Tuyển dụng nhân viên thư viện	Không đạt
3	Nguyễn Thị Huệ	17/11/1985	Giáo viên	Trường THCS Yên Lư	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
4	Đoàn Ngọc Thùy	25/8/1984	Giáo viên	Trường THCS Yên Lư	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
5	Đoàn Thị Thu	8/6/1984	Giáo viên	Trường THCS Yên Lư	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH						Tuyển dụng nhân viên thư viện	Không đạt
6	Nguyễn Thị Thu	15/7/1987	Giáo viên	Trường THCS Yên Lư	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH						Tuyển dụng nhân viên thư viện	Không đạt
7	Đỗ Khánh Duy	23/9/1987	Giáo viên	Trường THCS Yên Lư	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
8	Hoàng Thị Kim Thu	24/8/1977	Giáo viên	Trường THCS Yên Lư	V.07.04.12	4/4/2018	ĐH	5	20	75		100		Đạt
9	Đỗ Văn Quang	11/5/1978	Giáo viên	Trường THCS Yên Lư	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Chú chú	Kết quả
10	Nguyễn Thị Thảo	29/12/1984	Giáo viên	Trường THCS Đức Giang	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
11	Nguyễn Thị Năm	16/6/1986	Giáo viên	Trường THCS Đức Giang	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
12	Nguyễn Thanh Minh	23/9/1975	Giáo viên	Trường THCS Đức Giang	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
13	Nguyễn Song Tùng	21/12/1972	Giáo viên	Trường THCS Thị trấn Neo	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
14	Trần Văn Trường	19/1/1982	Giáo viên	Trường THCS Thị trấn Neo	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
15	Nguyễn Văn Thắng	11/9/1986	Giáo viên	Trường THCS Thị trấn Neo	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100	Tuyển dụng nhân viên thư viện	Không đạt
16	Nguyễn Thị Hà	15/10/1983	Giáo viên	Trường THCS Thị trấn Neo	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
17	Trần Thị Hương	15/6/1979	Giáo viên	Trường THCS Thị trấn Neo	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
18	Ngô Thị Lương	29/10/1983	Giáo viên	Trường THCS Thị trấn Neo	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
19	Thân Trọng Duy	24/10/1978	Giáo viên	Trường THCS Hương Gián	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Không đạt
20	Nguyễn Thị Thanh	28/8/1980	Giáo viên	Trường THCS Hương Gián	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
21	Lê Văn Nam	15/9/1987	Giáo viên	Trường THCS Đồng Phúc	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
22	Nguyễn Thanh Long	30/6/1983	Giáo viên	Trường THCS Đồng Phúc	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
23	Nguyễn Thị Việt Nga	10/5/1976	Giáo viên	Trường THCS Đồng Phúc	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
24	Nguyễn Thị Thúc	8/1/1981	Giáo viên	Trường THCS Đồng Phúc	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
25	Lại Thị Linh	5/9/1986	Giáo viên	Trường THCS Đồng Phúc	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
26	Trần Thị Quyên	27/5/1983	Giáo viên	Trường THCS Đồng Phúc	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100	Tuyển dụng nhân viên thư viện	Không đạt
27	Hà Thị Nhung	16/10/1984	Giáo viên	Trường TH&THCS Tân An	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
28	Hà Đình Thanh	13/7/1977	Giáo viên	Trường TH&THCS Tân An	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
29	Nguyễn Thị Thủy Hà	24/4/1985	Giáo viên	Trường TH&THCS Tân An	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
30	Hoàng Phương Anh	18/7/1991	Giáo viên	Trường TH&THCS Tân An	V.07.04.12	4/4/2018	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
31	Nguyễn Thị Nhiều	18/8/1980	Giáo viên	Trường TH&THCS Tân An	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp giữ	Thời gian giữ bằng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
32	Trần Thanh Loan	2/3/1985	Giáo viên	TH&THCS Thăng Cường	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
33	Khổng Thị Thu Thủy	8/10/1983	Giáo viên	Trường THCS Tiên Phong	V.07.04.12		ĐH	5	20	75		100		Đạt
34	Đinh Văn Cường	14/7/1980	Giáo viên	Trường THCS Tiên Phong	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH						Tuyển dụng nhân viên thư viện	Không đạt
35	Vũ Sao Mai	7/4/1986	Giáo viên	Trường THCS Tiên Phong	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH						Tuyển dụng nhân viên thư viện	Không đạt
36	Lê Thị Yên	20/8/1985	Giáo viên	Trường THCS Nham Sơn	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
37	Nguyễn Thị Ngọc Vân	4/8/1986	Giáo viên	Trường THCS Tư Mai	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
38	Hoàng Thị Sinh	20/4/1983	Giáo viên	Trường THCS Tư Mai	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
39	Đương Thị Hằng	25/3/1971	Giáo viên	Trường THCS Tư Mai	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
40	Đỗ Thị Thanh Thủy	29/7/1982	Giáo viên	Trường THCS Tư Mai	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
41	Nguyễn Thị Thảo	8/10/1988	Giáo viên	Trường THCS Tư Mai	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
42	Đỗ Thị Thủy	27/10/1982	Giáo viên	Trường THCS Tư Mai	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH						Tuyển dụng kỹ sư 13a.095	Không đạt
43	Lưu Thị Hải	7/12/1986	Giáo viên	Trường THCS Xuân Phú	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
44	Trần Thanh Hải	25/11/1981	Giáo viên	Trường THCS Xuân Phú	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH						Tuyển dụng thiết bị thí nghiệm	Không đạt
45	Nguyễn Thị Lương	31/3/1980	Giáo viên	Trường THCS Xuân Phú	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
46	Thân Thị Lệ	2/2/1977	Giáo viên	Trường THCS Xuân Phú	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
47	Nguy Thị Mai	31/3/1977	Giáo viên	Trường THCS Xuân Phú	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
48	Trịnh Thị Nga	6/4/1986	Giáo viên	Trường THCS Tân Liễu	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
49	Nguyễn Thị Hợp	14/11/1982	Giáo viên	Trường THCS Tân Liễu	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
50	Phí Thị Hậu	12/2/1985	Giáo viên	Trường THCS Tân Liễu	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
51	Bùi Văn Nam	12/8/1984	Giáo viên	Trường THCS Tân Liễu	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
52	Thân Thị Đức	24/12/1979	Giáo viên	Trường THCS Tân Liễu	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
53	Đương Văn Tâm	3/10/1980	Giáo viên	Trường THCS Lăng Sơn	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
54	Phan Thị Thanh Tung	10/8/1978	Giáo viên	Trường THCS Lăng Sơn	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị đang làm việc	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hàng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hàng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	Ghi chú	Kết quả
55	Chu Văn Dũng	3/9/1980	Giáo viên	Trường THCS Lăng Sơn	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
56	Dương Thi Hương	18/12/1975	Giáo viên	Trường THCS Cảnh Thụy	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	3	103		Đạt
57	Trần Thị Duyên	15/9/1976	Giáo viên	Trường THCS Cảnh Thụy	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
58	Bùi Thị Vân Anh	28/8/1976	Giáo viên	Trường THCS Cảnh Thụy	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
59	Trần Thị Chung	20/7/1977	Giáo viên	Trường THCS Cảnh Thụy	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
60	Lương Thị Oanh	13/1/1985	Giáo viên	Trường THCS Đồng Việt	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
61	Nguyễn Thị Hoa	2/9/1978	Giáo viên	Trường THCS Đồng Việt	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
62	Nguyễn Văn Bắc	7/5/1983	Giáo viên	Trường THCS Tiến Dũng	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
63	Phạm Thị Hồng	28/10/1980	Giáo viên	Trường THCS Tiến Dũng	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
64	Nguyễn Thị Bích	1/5/1985	Giáo viên	Trường THCS Tiến Dũng	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
65	Trần Thị Nga	10/4/1973	Giáo viên	Trường THCS Tiến Dũng	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
66	Hoàng Thị Tới	18/5/1973	Giáo viên	Trường THCS Tiến Dũng	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
67	Ta Văn Thơm	12/11/1980	Giáo viên	Trường THCS Quỳnh Sơn	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
68	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	16/9/1984	Giáo viên	Trường THCS Quỳnh Sơn	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
69	Phạm Thị Ánh Vân	12/5/1985	Giáo viên	Trường THCS Quỳnh Sơn	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
70	Giáp Thị Hoàng Yên	30/4/1987	Giáo viên	Trường THCS Nội Hoàng	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
71	Trần Thị Mai Lê	13/11/1980	Giáo viên	Trường THCS Nội Hoàng	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
72	Nguyễn Thị Quỳnh	3/8/1978	Giáo viên	Trường THCS Nội Hoàng	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	1	101		Đạt
73	Ngô Phương Thảo	25/9/1983	Giáo viên	Trường THCS TT Tân Dân	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
74	Trần Văn Hào	20/7/1975	Giáo viên	Trường THCS Tri Yên	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75	2	102		Đạt
75	Nguyễn Văn Tâm	14/8/1985	Giáo viên	Trường THCS Tri Yên	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH						Tuyển dụng làm nhân viên thư viện	Không đạt
76	Bạch Thị Mến	26/7/1986	Giáo viên	Trường THCS Tri Yên	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt
77	Nguyễn Thị Thêm	25/10/1985	Giáo viên	Trường TH&THCS Lão Hộ	V.07.04.12	4/4/2017	ĐH	5	20	75		100		Đạt

DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG GIÁO VIÊN TỈNH BẮC GIANG NĂM 2018



STT	Họ và tên	Số nội vụ (Ngày, tháng, năm xét) (dd/mm/yy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Kết quả
								Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
KHỐI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG (232)													
1	Hoàng Thị Việt Hà	16/10/1968	Hiệu trưởng	THPT Sơn Đông số 1	V.07.05.15	18/9/1992	THS	5	20	75	4	104	Đạt
2	Chu Bá Hưng	22/6/1981	Phó hiệu trưởng	THPT Sơn Đông số 1	V.07.05.15	1/12/2004	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
3	Nguyễn Thị Hiền	19/5/1980	Phó hiệu trưởng	THPT Sơn Đông số 1	V.07.05.15	1/10/2003	THS	5	20	75	3	103	Đạt
4	Trần Thị Thanh	27/07/1977	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Sơn Đông số 1	V.07.05.15	1/9/2002	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
5	Đỗ Xuân Lĩnh	10/10/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Sơn Đông số 1	V.07.05.15	1/12/2004	THS	5	20	75	3	103	Đạt
6	Nguyễn Văn Trọng	23/03/1977	Phó hiệu trưởng	THPT Sơn Đông số 2	V.07.05.15	03/11/2001	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
7	Nguyễn Ngọc Điện	22/10/1972	Phó hiệu trưởng	THPT Sơn Đông số 2	V.07.05.15	01/09/2002	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
8	Phạm Mạnh Hùng	22/03/1981	T.TCM, CTGD	THPT Sơn Đông số 2	V.07.05.15	01/09/2006	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
9	Phí Thanh Cánh	25/04/1981	Bí thư đoàn	THPT Sơn Đông số 2	V.07.05.15	01/09/2006	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
10	Vĩ Hồng Quân	07/07/1976	Hiệu trưởng	THPT Sơn Đông số 3	V.07.05.15	01/10/2000	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
11	Nguyễn Quang Hưng	21/06/1978	Phó hiệu trưởng	THPT Sơn Đông số 3	V.07.05.15	03/11/2001	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
12	Nguyễn Đức Hải	08/08/1960	Hiệu trưởng	PT DTNT Sơn Đông	V.07.05.15	16/01/1988	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
13	Nguyễn Thế Chung	27/07/1977	Phó hiệu trưởng	PT DTNT Sơn Đông	V.07.05.15	03/11/2001	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
14	Nguyễn Văn Cánh	12/08/1980	Tổ trưởng chuyên môn	PT DTNT Sơn Đông	V.07.05.15	01/10/2004	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
15	Đỗ Văn Viên	06/06/1977	Giám đốc	TTCĐNN-GD TX Sơn Đông	V.07.05.15	03/05/2001	ThS	5	20	75	2	102	Đạt
16	Trần Thị Nguyệt	07/05/1972	Phó Giám đốc	TTCĐNN-GD TX Sơn Đông	V.07.05.15	01/09/1997	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
17	Ngô Quang Khải	10/11/1970	Hiệu trưởng	THPT Lục Ngạn số 1	V.07.05.15	26/10/1992	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
18	Bùi Thị Kim Thanh	20/08/1979	PHT	THPT Lục Ngạn số 1	V.07.05.15	1/9/2002	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
19	Đỗ Văn Thắng	14/5/1981	PHT	THPT Lục Ngạn số 1	V.07.05.15	5/11/2004	ThS	5	20	75	3	103	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Kết quả
								Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
20	Đặng Vũ Hải	26/12/1982	BTĐT	THPT Lục Ngạn số 1	V.07.05.15	1/9/2007	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
21	Dương Thành Luân	4/1/1984	TTCM	THPT Lục Ngạn số 1	V.07.05.15	1/9/2009	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
22	Hoàng Thanh Hồng	12/3/1973	TTCM	THPT Lục Ngạn số 1	V.07.05.15	15/9/1996	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
23	Đỗ Thị Ngà	5/12/1976	TTCM	THPT Lục Ngạn số 1	V.07.05.15	1/9/2002	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
24	Ngô Mạnh Cường	15/11/1982	TTCM	THPT Lục Ngạn số 1	V.07.05.15	1/9/2006	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
25	Phan Hoàng Ninh	28/3/1980	TPCM	THPT Lục Ngạn số 1	V.07.05.15	1/10/2003	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
26	Phạm Hồng Dương	18/08/1965	HT	THPT Lục Ngạn số 2	V.07.05.15	10/01/1989	Th.s	5	20	75	3	103	Đạt
27	Bùi Quang Nghĩa	03/10/1983	TTCM	THPT Lục Ngạn số 2	V.07.05.15	01/09/2006	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
28	Trần Thị Yến	10/04/1984	TPCM	THPT Lục Ngạn số 2	V.07.05.15	09/01/2010	ĐH	5	20	75	1	101	Đạt
29	Quách Thị Ngọc Thơ	28/02/1984	TPCM	THPT Lục Ngạn số 2	V.07.05.15	09/01/2007	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
30	Trần Văn Trung	20/07/1976	PHT	THPT Lục Ngạn số 3	V.07.05.15	01/10/2000	Th.S	5	20	75	4	104	Đạt
31	Giáp Thị Hiền	30/04/1980	PHT	THPT Lục Ngạn số 3	V.07.05.15	01/10/2003	Th.S	5	20	75	4	104	Đạt
32	Nguyễn Xuân Hạnh	17/07/1980	TTCM	THPT Lục Ngạn số 3	V.07.05.15	06/09/2005	Th.S	5	20	75	4	104	Đạt
33	Lý Bá Thiên	09/06/1980	BTDTN	THPT Lục Ngạn số 3	V.07.05.15	01/09/2006	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
34	Nguyễn Thị Thuý	03/04/1975	TTCM	THPT Lục Ngạn số 3	V.07.05.15	02/12/1998	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
35	Nguyễn Văn Ước	18/10/1979	TTCM	THPT Lục Ngạn số 3	V.07.05.15	01/10/2003	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
36	Ngô Thị Luyện	20/04/1974	TTCM	THPT Lục Ngạn số 3	V.07.05.15	01/10/2000	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
37	Lâu Văn Hiếu	14/05/1984	GV	THPT Lục Ngạn số 3	V.07.05.15	01/09/2008	Th.S	5	20	75	1	101	Đạt
38	Nguyễn Khắc Khanh	16/06/1974	Hiệu trưởng	THPT Lục Ngạn số 4	V.07.05.15	31/08/1996	Th.s	5	20	75	2	102	Đạt
39	Vũ Thế Mạnh	03/05/1982	Giáo viên	THPT Lục Ngạn số 4	V.07.05.15	28/09/2004	Th.s	5	20	75	3	103	Đạt
40	Hoàng Ngọc Chức	1/1/1981	P. Hiệu trưởng	PT DTNT Lục Ngạn	V.07.05.15	01/10/2004	Th.S	5	20	75	3	103	Đạt
41	Lê Thị Hoài Lan	07/11/1978	Hiệu trưởng	PT DTNT Lục Ngạn	V.07.05.15	01/10/2000	Th.S	5	20	75	2	102	Đạt
42	Hoàng Thị Dung	5/12/1983	TP CM	PT DTNT Lục Ngạn	V.07.05.15	01/09/2009	ĐH	5	20	75	1	101	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hàng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hàng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hàng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Kết quả
								Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
43	Nguyễn Minh Vũ	18/9/1967	Giám đốc	TTGDNN-GD TX Lục Ngạn	V.07.05.15	01/04/1993	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
44	Cao Thị Thu Hiền	17/4/1968	P.Giám đốc	TTGDNN-GD TX Lục Ngạn	V.07.05.15	08/10/1996	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
45	Nguyễn Phương Lan	26/10/1968	HT	THPT Lục Nam	V.07.05.15	15/12/1993	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
46	Mai Đình Nhượng	23/01/1983	PHT	THPT Lục Nam	V.07.05.15	01/06/2009	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
47	Trịnh Khắc Bằng	26/06/1978	PHT	THPT Lục Nam	V.07.05.15	03/11/2001	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
48	Nguyễn Văn Khái	05/10/1980	GV	THPT Lục Nam	V.07.05.15	01/10/2003	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
49	Giáp Văn Khương	01/04/1980	GV	THPT Lục Nam	V.07.05.15	01/10/2003	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
50	Nguyễn Thành Trung	20/02/1980	PHT	THPT Lục Nam	V.07.05.15	01/10/2004	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
51	Vũ Thị Tuyết Hồng	19/11/1983	TPCM	THPT Lục Nam	V.07.05.15	01/09/2006	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
52	Lê Văn Thọ	28/02/1982	TKHD	THPT Lục Nam	V.07.05.15	01/09/2006	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
53	Đỗ Thị Nga	02/05/1968	TT	THPT Lục Nam	V.07.05.15	15/04/1998	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
54	Nguyễn Thanh Bình	19/4/1979	Hiệu trưởng	THPT Cẩm Lý	V.07.05.15	01/09/2002	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
55	Nguyễn Thị Hồng Liên	30/12/1985	Giáo viên	THPT Cẩm Lý	V.07.05.15	1/9/2010	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
56	Nguyễn Đức Sinh	07/09/1983	Giáo viên	THPT Cẩm Lý	V.07.05.15	01/09/2011	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
57	Dương Văn Thắng	15/2/1985	Giáo viên	THPT Cẩm Lý	V.07.05.15	01/09/2008	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
58	Nguyễn Văn Thắng	05/10/1978	Giáo viên	THPT Cẩm Lý	V.07.05.15	01/09/2002	ĐH	5	20	75	1	101	Đạt
59	Nguyễn Duy Thao	10/7/1982	Phó Hiệu trưởng	THPT Cẩm Lý	V.07.05.15	05/09/2005	ThS	5	20	75	2	102	Đạt
60	Phạm Hùng	13/09/1977	PHT	THPT Phương Sơn	V.07.05.15	1/10/2000	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
61	Dương Văn Sơn	01/09/1979	TTCM	THPT Phương Sơn	V.07.05.15	1/9/2002	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
62	Hoàng Văn Năng	04/01/1977	TTCM	THPT Phương Sơn	V.07.05.15	1/10/2000	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
63	Lê Minh Quỳnh Hoa	15/06/1977	TPCM	THPT Phương Sơn	V.07.05.15	3/11/2001	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
64	Đào Anh Dũng	13/02/1984	GV-P. BTĐTN	THPT Phương Sơn	V.07.05.15	1/9/2008	ThS	5	20	75	2	102	Đạt
65	Nguyễn Văn Long	19/06/1986	GV-P. BTĐTN	THPT Phương Sơn	V.07.05.15	1/9/2010	ThS	5	20	75	3	103	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Kết quả
								Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
66	Nguyễn Văn Thuận	21/01/1977	Phó Hiệu trưởng	THPT Từ Sơn	V.07.05.15	03/11/2001	ThS	5	20	75	2	102	Đạt
67	Đông Văn Hương	14/01/1976	Phó Hiệu trưởng	THPT Từ Sơn	V.07.05.15	01/09/1999	ThS	5	20	75	2	102	Đạt
68	Nguyễn Thế Anh	06/06/1984	Phó Hiệu trưởng	THPT Từ Sơn	V.07.05.15	01/09/2008	ThS	5	20	75	2	102	Đạt
69	Trần Văn Thọ	22/09/1984	TTCM	THPT Từ Sơn	V.07.05.15	01/09/2008	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
70	Hồ Quốc Hòa	28/04/1983	TTCM	THPT Từ Sơn	V.07.05.15	01/09/2007	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
71	Chu Thị Mến	05/02/1976	Phó Giám đốc	TTGDNN - GDTX Lục Nam	V.07.05.15	01/09/1999	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
72	Lê Thị Thủy	18/03/1981	Tổ trưởng tổ GDTX	TTGDNN - GDTX Lục Nam	V.07.05.15	01/09/2006	ĐH	5	20	75	1	101	Đạt
73	Hoàng Thị Hạnh	19/09/1971	Hiệu trưởng	THPT Yên Thế	V.07.05.15	9/11/1995	ĐH	5	20	75	4	104	Đạt
74	Nguyễn Đình Tâm	11/04/1977	Phó Hiệu trưởng	THPT Yên Thế	V.07.05.15	1/10/2000	DH	5	20	75	4	104	Đạt
75	Phan Thúy Hà	01/10/1978	Phó Hiệu trưởng	THPT Yên Thế	V.07.05.15	3/11/2001	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
76	Phạm Thị Thủy	31/01/1972	Giáo viên	THPT Yên Thế	V.07.05.15	14/1/1996	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
77	Nguyễn Thị Hồng Như	01/03/1973	Giáo viên	THPT Yên Thế	V.07.05.15	1/9/1999	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
78	Phạm Bích Liễu	12/09/1976	TTCM	THPT Yên Thế	V.07.05.15	1/10/2000	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
79	Ninh Văn Quý	19/01/1978	Phó hiệu trưởng	THPT Bó Hạ	V.07.05.15	1/10/2000	Th.S	5	20	75	3	103	Đạt
80	Lê Văn Công	30/05/1979	Phó hiệu trưởng	THPT Bó Hạ	V.07.05.15	1/10/2003	Th.S	5	20	75	3	103	Đạt
81	Nguyễn Ngọc Biên	12/08/1980	TTCM	THPT Bó Hạ	V.07.05.15	1/10/2004	Th.S	5	20	75	3	103	Đạt
82	Nguyễn Đức Thắng	12/03/1981	TKHD	THPT Bó Hạ	V.07.05.15	1/9/2007	Th.S	5	20	75	3	103	Đạt
83	Phạm Đức Cường	09/06/1984	TPCM	THPT Bó Hạ	V.07.05.15	1/9/2007	Th.S	5	20	75	3	103	Đạt
84	Hoàng Thị Ngọc	23/03/1983	BT Đoàn	THPT Bó Hạ	V.07.05.15	1/9/2007	DH	5	20	75	1	101	Đạt
85	Vũ Đình Nghiệp	26/11/1981	Hiệu trưởng	THPT Mỏ Trạng	V.07.05.15	16/11/2004	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
86	Nguyễn Thị Hà	02/07/1976	Phó Hiệu trưởng	THPT Mỏ Trạng	V.07.05.15	02/12/1999	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
87	Nguyễn Văn Minh	16/07/1975	Phó Hiệu trưởng	THPT Mỏ Trạng	V.07.05.15	02/12/1999	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
88	Nguyễn Tuấn Quảng	25/09/1972	P. hiệu trưởng	THPT Lạng Giang số 1	V.07.05.15	02/12/1998	ThS	5	20	75	4	104	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Kết quả
								Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
89	Huỳnh Thị Hòa Bình	02/02/1973	P. hiệu trưởng	THPT Lang Giang số 2	V.07.05.15	15/09/1996	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
90	Nguyễn Huy Nghĩa	27/09/1977	P. hiệu trưởng	THPT Lang Giang số 3	V.07.05.15	01/10/2000	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
91	Nguyễn Thị Hải	01/05/1969	TTCM	THPT Lang Giang số 4	V.07.05.15	06/10/1996	ĐH	5	20	75	4	104	Đạt
92	Trần Đức Huy	08/04/1979	TKHD, TTCM	THPT Lang Giang số 5	V.07.05.15	01/10/2003	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
93	Trịnh Nhật Quang	20/06/1984	TPCM	THPT Lang Giang số 6	V.07.05.15	01/09/2008	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
94	Đỗ Thị Bích Hương	12/12/1973	TTCM	THPT Lang Giang số 7	V.07.05.15	05/09/1996	ĐH	5	20	75	4	104	Đạt
95	Hà Quang Thích	10/07/1994	BT ĐTN	THPT Lang Giang số 8	V.07.05.15	01/09/2007	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
96	Lê Thị Thu Thủy	20/08/1972	CT CD	THPT Lang Giang số 9	V.07.05.15	01/09/1997	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
97	Trịnh Thu Huyền	02/12/1979	Hiệu trưởng	THPT Lang Giang số 2	V.07.05.15	01/09/2001	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
98	Đặng Việt Dũng	02/9/1979	PHIT	THPT Lang Giang số 2	V.07.05.15	01/10/2002	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
99	Đàm Văn Quý	20/05/1978	PHIT	THPT Lang Giang số 2	V.07.05.15	01/09/2001	ĐH	5	20	75	4	104	Đạt
100	Đặng Khắc Quang	20/06/1981	TTCM	THPT Lang Giang số 2	V.07.05.15	01/10/2003	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
101	Chu Thị Thu Thủy	17/04/1976	CTCD	THPT Lang Giang số 2	V.07.05.15	31/08/1998	ĐH	5	20	75	1	101	Đạt
102	Nguyễn Văn Thương	20/09/1978	TTCM	THPT Lang Giang số 2	V.07.05.15	01/10/2003	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
103	Khổng Hồng Phong	20/08/1984	TTCM	THPT Lang Giang số 2	V.07.05.15	1/9/2007	ĐH	5	20	75	1	101	Đạt
104	Bùi Thị Hồng	17/10/1982	Giáo viên	THPT Lang Giang số 2	V.07.05.15	6/9/2004	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
105	Nguyễn Văn Nam	13/02/1962	Hiệu trưởng	THPT Lang Giang số 3	V.07.05.15	.../08/1986	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
106	Bùi Quang Thanh	17/08/1970	Phó Hiệu trưởng	THPT Lang Giang số 3	V.07.05.15	20/12/1995	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
107	Hoàng Thị Liên	13/06/1968	Tổ trưởng	THPT Lang Giang số 3	V.07.05.15	15/09/1996	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
108	Giáp Thị Hải	20/07/1980	Tổ trưởng	THPT Lang Giang số 3	V.07.05.15	10/1/2004	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
109	Phan Đức Tráng	17/05/1982	Tổ trưởng	THPT Lang Giang số 3	V.07.05.15	9/6/2005	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
110	Đương Thị Bắc	11/1/1982	Tổ Phó	THPT Lang Giang số 3	V.07.05.15	9/6/2005	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
111	Đỗ Mai Hương	02/06/1981	Tổ Phó	THPT Lang Giang số 3	V.07.05.15	10/1/2004	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hàng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hàng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hàng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Kết quả
								Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
112	Chu Văn Thuận	20/7/1982	Phó GD	TT GDNN-GDTH Lạng Giang	V.07.05.15	02/11/2007	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
113	Bùi Thị Mừng	28/8/1983	Phó GB	TT GDNN-GDTH Lạng Giang	V.07.05.15	02/11/2007	ĐH	5	20	75	1	101	Đạt
114	Nguyễn Văn Hào	19/12/1981	Giáo viên	THPT Tân Yên số 1	V.07.05.15	01/09/2006	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
115	Trần Thị Hương	20/06/1984	Giáo viên	THPT Tân Yên số 1	V.07.05.15	01/09/2007	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
116	Ngô Duy Khương	18/08/1961	Phó Hiệu trưởng	THPT Tân Yên số 1	V.07.05.15	22/10/1986	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
117	Ngô Văn Luân	17/03/1960	Giáo viên	THPT Tân Yên số 1	V.07.05.15	01/07/1986	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
118	Nguyễn Việt Nam	20/08/1982	TTCM	THPT Tân Yên số 1	V.07.05.15	06/09/2005	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
119	Nguyễn Thị Kim Oanh	20/08/1976	Giáo viên	THPT Tân Yên số 1	V.07.05.15	01/09/1999	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
120	Đổng Đức Thiện	03/02/1984	Giáo viên	THPT Tân Yên số 1	V.07.05.15	01/09/2007	ĐH	5	20	75	4	104	Đạt
121	Dương Quang Lâm	08/09/1977	Phó Hiệu trưởng	THPT Tân Yên số 2	V.07.05.15	01/10/2000	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
122	Nguyễn Thị Kim	25/07/1977	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Tân Yên số 2	V.07.05.15	03/11/2001	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
123	Trịnh Văn Quỳnh	08/04/1984	Bí thư Đoàn trường	THPT Tân Yên số 2	V.07.05.15	01/09/2009	ĐH	5	20	75	4	104	Đạt
124	Nguyễn Văn Nam	12/10/1982	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Tân Yên số 2	V.07.05.15	01/09/2006	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
125	Nguyễn Thị Hương	10/11/1975	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Tân Yên số 2	V.07.05.15	01/9/1999	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
126	Nguyễn Thị Hậu	12/06/1979	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Tân Yên số 2	V.07.05.15	01/9/2002	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
127	Nguyễn Văn Thanh	07/01/1981	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Tân Yên số 2	V.07.05.15	06/09/2005	ThS	5	20	75	2	102	Đạt
128	Dương Văn Chung	12/3/1980	Phó hiệu trưởng	THPT Nhã Nam	V.07.05.15	1/10/2003	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
129	Nguyễn Xuân Hoàng	1/10/1979	Phó hiệu trưởng	THPT Nhã Nam	V.07.05.15	1/9/2002	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
130	Nguyễn Ngọc Phương	12/2/1982	TTCM	THPT Nhã Nam	V.07.05.15	1/6/2006	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
131	Nguyễn Thị Thu Hương	14/8/1979	TTCM	THPT Nhã Nam	V.07.05.15	1/9/2002	ĐH	5	20	75	1	101	Đạt
132	Vũ Thị Nam Thái	11/5/1975	P. hiệu trưởng	THPT Yên Dũng số 1	V.07.05.15	3/9/1998	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
133	Dương Thị Nga	24/10/1982	Giáo viên	THPT Yên Dũng số 1	V.07.05.15	6/9/2005	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
134	Trần Thị Hồng Gấm	20/4/1979	Giáo viên	THPT Yên Dũng số 1	V.07.05.15	1/10/2003	ĐH	5	20	75	4	104	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Kết quả
								Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
135	Đào Thị Ngân	19/5/1981	Giáo viên	THPT Yên Dũng số 1	V.07.05.15	1/12/2004	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
136	Lê Tuấn Anh	12/11/1975	Giáo viên	THPT Yên Dũng số 1	V.07.05.15	8/9/1999	ThS	5	20	75	2	102	Đạt
137	Vũ Xuân Tráng	20/4/1968	Giáo viên	THPT Yên Dũng số 1	V.07.05.15	18/1/1996	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
138	Đỗ Minh Quang	7/12/1967	Giáo viên	THPT Yên Dũng số 1	V.07.05.15	10/1/1996	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
139	Lê Đình Khương	13/04/1976	PHT	THPT Yên Dũng số 2	V.07.05.15	22/9/1999	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
140	Nguyễn Văn Trung	01/02/1976	PHT	THPT Yên Dũng số 2	V.07.05.15	01/10/2000	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
141	Thân Thị Thu Hiền	11/11/1981	Giáo viên	THPT Yên Dũng số 2	V.07.05.15	01/02/2006	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
142	Nguyễn Thị Khoa	16/07/1984	Giáo viên	THPT Yên Dũng số 2	V.07.05.15	01/09/2007	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
143	Nguyễn Duy Bắc	22/09/1984	Giáo viên	THPT Yên Dũng số 2	V.07.05.15	01/09/2008	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
144	Hà Văn Long	06/10/1981	Giáo viên	THPT Yên Dũng số 2	V.07.05.15	01/10/2004	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
145	Hà Đình Sơn	16/6/1978	Hiệu trưởng	THPT Yên Dũng số 3	V.07.05.15	01/01/2003	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
146	Trần Đình Nam	29/8/1980	P. Hiệu trưởng	THPT Yên Dũng số 3	V.07.05.15	12/12/2001	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
147	Phạm Văn Giang	30/5/1977	TTCM	THPT Yên Dũng số 3	V.07.05.15	02/11/2000	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
148	Nghiêm Văn Cường	2/3/1977	GD	TT GDNN-GDTH Yên Dũng	V.07.05.15	1/10/2000	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
149	Nguyễn Văn Sáng	20/8/1978	PGĐ	TT GDNN-GDTH Yên Dũng	V.07.05.15	1/9/2002	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
150	Dương Mạnh Trí	25/11/1977	Hiệu trưởng	THPT Hiệp Hòa số 1	V.07.05.15	01/10/2000	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
151	Đào Việt Hà	18/09/1976	Tổ trưởng	THPT Hiệp Hòa số 1	V.07.05.15	01/09/1999	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
152	Nguyễn Thị Vân	27/08/1977	Tổ trưởng	THPT Hiệp Hòa số 1	V.07.05.15	03/11/2001	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
153	Hà Quang Bình	08/10/1974	Thư ký HĐ	THPT Hiệp Hòa số 1	V.07.05.15	03/09/1998	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
154	Nguyễn Văn Lưu	17/02/1980	Tổ phó	THPT Hiệp Hòa số 1	V.07.05.15	01/10/2004	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
155	Nguyễn Quang Bình	03/07/1960	Tổ trưởng	THPT Hiệp Hòa số 1	V.07.05.15	01/10/1983	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
156	Lương Thị Thanh Hà	04/10/1978	Giáo viên	THPT Hiệp Hòa số 1	V.07.05.15	01/09/2002	ThS	5	20	75	2	102	Đạt
157	Nguyễn Quang Vinh	17/01/1973	Hiệu Phó	THPT Hiệp Hòa số 2	V.07.05.15	1/12/1996	ThS	5	20	75	3	103	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Kết quả
								Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
158	Nguyễn Cao Cường	26/09/1977	Hiệu Phó	THPT Hiệp Hòa số 2	V.07.05.15	3/11/2000	Ths	5	20	75	4	104	Đạt
159	Nguyễn Văn Huy	21/02/1977	CTCD	THPT Hiệp Hòa số 2	V.07.05.15	1/10/2000	Ths	5	20	75	4	104	Đạt
160	Nguyễn Đình Lý	17/08/1982	TTCM	THPT Hiệp Hòa số 2	V.07.05.15	6/9/2004	Ths	5	20	75	4	104	Đạt
161	Hoàng Phùng Xuân	10/03/1973	TTCM	THPT Hiệp Hòa số 2	V.07.05.15	3/11/2000	Ths	5	20	75	3	103	Đạt
162	Nguyễn Hoài Nam	24/05/1974	TTCM	THPT Hiệp Hòa số 2	V.07.05.15	10/10/1996	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
163	Nguyễn Đăng Thanh	12/05/1974	TTCM	THPT Hiệp Hòa số 2	V.07.05.15	1/10/2000	Ths	5	20	75	3	103	Đạt
164	Nguyễn Thị Huyền	10/02/1972	TPCM	THPT Hiệp Hòa số 2	V.07.05.15	17/9/1996	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
165	Phạm Minh Tuấn	23/11/1974	Hiệu trưởng	THPT Hiệp Hòa số 3	V.07.05.15	2/12/1998	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
166	Ngô Thị Ánh	2/9/1965	Phó Hiệu trưởng	THPT Hiệp Hòa số 3	V.07.05.15	1/9/1988	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
167	Nguyễn Đức Toàn	6/12/1976	Phó Hiệu trưởng	THPT Hiệp Hòa số 3	V.07.05.15	1/10/2000	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
168	Phạm Văn Hải	22/5/1977	Tổ trưởng tổ KHTN	THPT Hiệp Hòa số 3	V.07.05.15	3/11/2001	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
169	Nguyễn Hiệp Hòa	26/3/1982	Bí thư Đoàn trường	THPT Hiệp Hòa số 3	V.07.05.15	16/11/2005	ThS	5	20	75	2	102	Đạt
170	Vũ Thị Mai Liên	27/8/1977	Tổ trưởng tổ Văn	THPT Hiệp Hòa số 3	V.07.05.15	1/10/2000	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
171	Nguyễn Hồng Minh	7/2/1979	Tổ Phó Tổ KHXH	THPT Hiệp Hòa số 3	V.07.05.15	1/9/2002	ĐH	5	20	75	1	101	Đạt
172	Nguyễn Đức Thiệu	9/2/1980	Hiệu trưởng	THPT Hiệp Hòa số 4	V.07.05.15	01/10/2003	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
173	Dương Mạnh Hùng	9/2/1983	TTCM	THPT Hiệp Hòa số 4	V.07.05.15	01/9/2007	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
174	Nguyễn Đức Thiện	30/5/1982	Phó Hiệu trưởng	THPT Hiệp Hòa số 4	V.07.05.15	16/11/2005	ThS	5	20	75	2	102	Đạt
175	Nguyễn Văn Công	7/4/1979	Giám đốc	TTGDNN-GDTH Hiệp Hòa	V.07.05.15	01/9/2002	Th.s	5	20	75	4	104	Đạt
176	Dương Thị Hiền	1/6/1980	Tổ trưởng	TTGDNN-GDTH Hiệp Hòa	V.07.05.15	01/4/2003	ĐH	5	20	75	1	101	Đạt
177	Tiêu Thanh Tuyết	21/08/1962	Hiệu trưởng	THPT Việt Yên số 1	V.07.05.15	01/10/1985	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
178	Nguyễn Thị Phú	29/01/1976	P. hiệu trưởng	THPT Việt Yên số 1	V.07.05.15	02/12/1998	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
179	Phạm Thị Hải Châu	31/01/1969	P. hiệu trưởng	THPT Việt Yên số 1	V.07.05.15	05/12/1993	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
180	Đoàn Văn Soan	04/09/1980	Giáo viên	THPT Việt Yên số 1	V.07.05.15	01/10/2004	ThS	5	20	75	4	104	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Kết quả
								Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
181	Đoàn Đức Thịnh	12/02/1981	Giáo viên	THPT Việt Yên số 1	V.07.05.15	01/10/2004	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
182	Hoàng Thị Phương	03/05/1977	Giáo viên	THPT Việt Yên số 1	V.07.05.15	01/10/2000	ThS	5	20	75	2	102	Đạt
183	Trần Thị Yên	04/07/1981	Giáo viên	THPT Việt Yên số 1	V.07.05.15	01/10/2004	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
184	Nguyễn Văn Bông	25/05/1960	Hiệu trưởng	THPT Việt Yên số 2	V.07.05.15	01/02/1985	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
185	Nguyễn Văn Hà	12/09/1981	P. Hiệu trưởng	THPT Việt Yên số 2	V.07.05.15	01/10/2004	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
186	Dương Thị Minh Hải	18/03/1968	P. Hiệu trưởng	THPT Việt Yên số 2	V.07.05.15	01/10/1992	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
187	Nguyễn Đức Đôn	07/09/1976	Thư ký HĐ	THPT Việt Yên số 2	V.07.05.15	01/02/2004	ĐH	5	20	75	1	101	Đạt
188	Nguyễn Anh Tuấn	04/06/1977	TTCM	THPT Việt Yên số 2	V.07.05.15	01/10/2000	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
189	Ngô Thị Thanh Phúc	10/10/1979	TTCM	THPT Việt Yên số 2	V.07.05.15	01/09/2002	ĐH	5	20	75	0	100	Đạt
190	Đoàn Thị Văn Yên	06/09/1978	Tổ phó TCM	THPT Lý Thường Kiệt	V.07.05.15	02/11/2000	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
191	Trần Thị Lý	07/05/1986	Tổ trưởng TCM	THPT Lý Thường Kiệt	V.07.05.15	01/09/2008	ThS	5	20	75	2	102	Đạt
192	Nguyễn Văn Khởi	10/03/1976	Tổ trưởng TCM	THPT Lý Thường Kiệt	V.07.05.15	02/11/2000	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
193	Phan Thị Hiền	20/06/1982	Tổ trưởng TCM	THPT Lý Thường Kiệt	V.07.05.15	01/09/2007	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
194	Phạm Văn Tâm	4/1/1977	Tổ trưởng	TTGDNN-GDCTX Việt Yên	V.07.05.15	3/11/2001	ThS	5	20	75	2	102	Đạt
195	Lê Minh Tấn	3/9/1982	Giáo viên	TTGDNN-GDCTX Việt Yên	V.07.05.15	1/11/2006	ĐH	5	20	75	0	100	Đạt
196	Lê Văn Lực	19/06/1979	PHƯ	THPT Ngô Sĩ Liên	V.07.05.15	01/10/2003	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
197	Nguyễn Thị Kim Phương	13/04/1977	Giáo viên	THPT Ngô Sĩ Liên	V.07.05.15	1/10/2000	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
198	Lê Thị Thu Thủy	02/06/1986	Giáo viên	THPT Ngô Sĩ Liên	V.07.05.15	9/10/2009	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
199	Nguyễn Thị Hương	21/10/1973	TTCM	THPT Ngô Sĩ Liên	V.07.05.15	11/11/1998	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
200	Trịnh Thị Dung	25/12/1981	Giáo viên	THPT Ngô Sĩ Liên	V.07.05.15	6/9/2005	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
201	Nguyễn Đăng Kỳ	23/09/1961	TTCM	THPT Ngô Sĩ Liên	V.07.05.15	1/11/1983	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
202	Nguyễn Thị Tố Anh	20/03/1965	TTCM	THPT Ngô Sĩ Liên	V.07.05.15	1/12/1990	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
203	Hà Thị Kiều Anh	18/08/1980	TTCM	THPT Ngô Sĩ Liên	V.07.05.15	01/10/2003	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Kết quả
								Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
204	Hoàng Văn Thục	25/05/1970	Hiệu trưởng	THPT Thái Thuận	V.07.05.15	22/11/1991	THS	5	20	75	3	103	Đạt
205	Bùi Ngọc Sơn	30/04/1977	Phó Hiệu trưởng	THPT Thái Thuận	V.07.05.15	01/10/2000	THS	5	20	75	3	103	Đạt
206	Nguyễn Thị Thư	04/12/1968	CTGD, Tổ trưởng	THPT Thái Thuận	V.07.05.15	12/12/1991	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt
207	Lê Thị Thọ	02/08/1979	Giáo viên	THPT Thái Thuận	V.07.05.15	01/09/2002	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
208	Nguyễn Tuấn Anh	13/3/1976	PHT	THPT Giáp Hải	V.07.05.15	10/9/1999	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
209	Ngô Minh Hiền	18/11/1983	TTCM	THPT Giáp Hải	V.07.05.15	1/9/2006	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
210	Nguyễn Thanh Hải	12/10/1985	Bí thư đoàn	THPT Giáp Hải	V.07.05.15	25/8/2009	ĐH	5	20	75	2	102	Đạt
211	Nguyễn Văn Đoá	25/07/1979	Giáo viên	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	10/11/2003	Ths	5	20	75	5	105	Đạt
212	Ông Thế Hùng	03/11/1980	TTCM	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	10/1/2003	Ths	5	20	75	4	104	Đạt
213	Hà Thị Hiền	14/04/1978	Giáo viên	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	11/3/2001	Ths	5	20	75	4	104	Đạt
214	Đào Hai Yên	23/11/1976	TTCM	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	9/1/1999	Ths	5	20	75	4	104	Đạt
215	Nguyễn Văn Tháo	10/07/1980	TTCM	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	10/1/2003	Ths	5	20	75	4	104	Đạt
216	Nguyễn Thị Hoa	21/12/1976	TTCM	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	9/1/1999	Ths	5	20	75	4	104	Đạt
217	Đỗ Minh Thuận	10/04/1980	TPCM	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	10/1/2003	ĐH	5	20	75	4	104	Đạt
218	Trần Thị Hà Phương	20/07/1982	TPCM	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	9/6/2005	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
219	Lê Phương Linh	01/04/1982	Giáo viên	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	9/6/2005	Ths	5	20	75	4	104	Đạt
220	Nguyễn Thị Hợp	01/10/1978	Giáo viên	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	11/3/2001	Ths	5	20	75	4	104	Đạt
221	Đào Thị Hoài Bắc	20/01/1978	Giáo viên	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	11/3/2001	Ths	5	20	75	4	104	Đạt
222	Lại Thu Hằng	30/08/1977	Giáo viên	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	10/1/2000	Ths	5	20	75	4	104	Đạt
223	Nguyễn Thị Thu Trang	28/11/1978	Giáo viên	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	10/1/2003	Ths	5	20	75	4	104	Đạt
224	Nguyễn Thị Hương	27/07/1982	Giáo viên	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	16/11/2005	Ths	5	20	75	4	104	Đạt
225	Trần Anh Đức	23/03/1982	Giáo viên	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	9/6/2005	Ths	5	20	75	4	104	Đạt
226	Diêm Kim Loan	26/03/1971	Giáo viên	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	31/08/1998	ĐH	5	20	75	3	103	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Mã số hàng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hàng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hàng tương đương)	Trình độ chuyên môn	Điểm xét thăng hạng					Kết quả
								Nhiệm vụ (5 điểm)	Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)	Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)	Điểm tăng thêm (5 điểm)	Tổng điểm	
227	Nguyễn Thị Hiền	26/12/1976	Giáo viên	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	12/4/2001	ĐH	5	20	75	4	104	Đạt
228	Đỗ Thị Hà Giang	30/09/1980	Giáo viên	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	10/1/2003	ThS	5	20	75	2	102	Đạt
229	Thân Thị Nguyệt Ánh	28/10/1976	Giáo viên	THPT Chuyên BG	V.07.05.15	31/08/1999	Ths	5	20	75	1	101	Đạt
230	Nguyễn Hồng Phúc	17/10/1973	Hiệu trưởng	Phổ thông DTNT tỉnh	V.07.05.15	14/9/1997	ThS	5	20	75	4	104	Đạt
231	Nguyễn Văn Thư	14/09/1976	Phó HT	Phổ thông DTNT tỉnh	V.07.05.15	5/9/2001	ThS	5	20	75	3	103	Đạt
232	Trần Quốc Lập	17/09/1979	TTCM	Phổ thông DTNT tỉnh	V.07.05.15	10/1/2004	ĐH	5	20	75	4	104	Đạt